HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 72/NQ-HĐND	*Hưng Yên, ngày 28 tháng 9 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua Đề án công nhận xã Lạc Đạo, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVIII KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được sửa đổi tại Quyết định số 1832/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 836/QĐ-BXD ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện Thông báo số 738-TB/TU ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thông qua các Đề án công nhận 25 xã là đô thị loại III;

Xét Tờ trình số 339/TTr-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua các Đề án công nhận 25 xã là đô thị loại III, bao gồm: Triệu Việt Vương, Châu Ninh, Phụ Dực, Quỳnh Phụ, Đông Hưng, Hoàng Hoa Thám, Lương Bằng, Hưng Phú, Mễ Sở, Việt Yên, Kiến Xương, Vũ Quý, Long Hưng, Hưng Hà, Khoái Châu, Vũ Thư, Ân Thi, Nguyễn Trãi, Tiên Tiến, Lạc Đạo, Văn Giang, Hoàn Long, Xuân Trúc, Tiên Lữ, Quang Hưng; Báo

cáo thẩm tra số 614/BC-BPC ngày 27 tháng 9 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án công nhận xã Lạc Đạo, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III *(có Đề án kèm theo)*.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; rà soát, hoàn thiện hồ sơ, chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, trung thực của thông tin, số liệu và các nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh; quyết định và tổ chức công bố Quyết định công nhận xã Lạc Đạo là đô thị loại III theo thẩm quyền.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVIII Kỳ họp thứ Tư nhất trí thông qua ngày 28 tháng 9 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Xây dựng; Nội vụ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Cổng TTĐT Đại biểu Nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Báo và PTTH tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Ký bởi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 01/10/2026 20:37:32

Trần Quốc Văn

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ LẠC ĐẠO**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/ĐA-UBND	*Lạc Đạo, ngày 22 tháng 9 năm 2026*

ĐỀ ÁN
CÔNG NHẬN XÃ LẠC ĐẠO, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

****

PHẦN I
MỞ ĐẦU
****

I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT LẬP ĐỀ ÁN.

Xã Lạc Đạo nằm ở cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Hưng Yên, có vị trí tiếp giáp trực tiếp với Thủ đô Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh, đô thị Như Quỳnh và phường Mỹ Hào. Địa phương thuộc Vùng I - Vùng động lực phát triển phía Bắc của tỉnh Hưng Yên, có mối liên hệ và khả năng kết nối thuận lợi với các trung tâm kinh tế trong vùng thông qua hệ thống giao thông đối ngoại và các tuyến giao thông quan trọng như đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội (CT.38), tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, ĐT.385, ĐT.380, ĐT.381C và tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên kéo dài. Đây là những điều kiện thuận lợi để tăng cường liên kết vùng, mở rộng không gian phát triển, thu hút đầu tư và thúc đẩy quá trình đô thị hóa trên địa bàn. Xã Lạc Đạo có tổng diện tích tự nhiên 22,10 km², quy mô dân số toàn đô thị năm 2025 là 43.933 người. Theo định hướng phát triển, Lạc Đạo được xác định là trung tâm phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics công nghệ cao của tỉnh, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên và các vùng phụ cận.

Năm 2026 là năm có ý nghĩa quan trọng trong việc tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị thế giới và trong nước tiếp tục có những diễn biến phức tạp, yêu cầu đặt ra đối với các địa phương là chủ động khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế, nâng cao năng lực nội tại và bảo đảm phát triển ổn định, bền vững. Thực hiện các chủ trương, nghị quyết và chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, xã Lạc Đạo đã tập trung triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Trong những năm qua, kinh tế xã Lạc Đạo duy trì đà phát triển và chuyển dịch rõ nét theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Các ngành công nghiệp, xây

dựng, thương mại và dịch vụ ngày càng chiếm vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế địa phương. Trên địa bàn hình thành và phát triển các cụm công nghiệp tập trung như CCN Lạc Đạo, CCN Minh Hải I, cùng với hệ thống doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh ngày càng đa dạng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động. Sự phát triển của các ngành phi nông nghiệp đã tạo thêm nhiều việc làm, góp phần nâng cao thu nhập và đời sống của người dân, đồng thời tạo nguồn lực quan trọng cho đầu tư phát triển. Các chỉ tiêu kinh tế, trong đó có thu ngân sách, được quan tâm thực hiện, qua đó tạo nền tảng để địa phương tiếp tục đầu tư, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng và nâng cao chất lượng các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống.

Trên nền tảng kinh tế và nguồn lực phát triển ngày càng được củng cố, quá trình đô thị hóa tại Lạc Đạo diễn ra rõ nét, làm thay đổi tích cực diện mạo và không gian phát triển của địa phương. Các khu vực dân cư tập trung, tuyến phố, khu vực sản xuất, kinh doanh và thương mại - dịch vụ từng bước được hình thành, mở rộng, tạo nên diện mạo ngày càng khang trang, văn minh. Hệ thống giao thông và các công trình hạ tầng xã hội từng bước được đầu tư, nâng cấp, góp phần nâng cao chất lượng môi trường sống và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân. Đặc biệt, sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, với lợi thế về vị trí, quy mô dân số và không gian phát triển, xã Lạc Đạo có điều kiện thuận lợi để phát huy vai trò là khu vực phát triển năng động của Vùng động lực phía Bắc, từng bước hình thành không gian đô thị đồng bộ, hiện đại và có sức lan tỏa đối với khu vực xung quanh.

Việc lập Đề án công nhận đô thị loại III đối với đô thị Lạc Đạo có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá một cách toàn diện hiện trạng phát triển đô thị trên các phương diện về vị trí, chức năng, quy mô dân số, cơ cấu kinh tế, lao động, hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, cảnh quan và môi trường đô thị. Kết quả đánh giá là cơ sở để xác định những tiêu chí đã đạt, những tiêu chí còn hạn chế và những nội dung cần tiếp tục đầu tư, hoàn thiện, qua đó làm căn cứ xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển đô thị phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Việc công nhận đô thị Lạc Đạo đạt tiêu chí đô thị loại III không chỉ nhằm xác lập phù hợp vị thế và mức độ phát triển hiện nay của địa phương mà còn tạo cơ sở cho việc quản lý, tổ chức không gian đô thị, quản lý sử dụng đất và đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại. Đây cũng là cơ sở để huy động và phân bổ hiệu quả các nguồn lực đầu tư, ưu tiên hoàn thiện các công trình hạ tầng thiết yếu, nâng cao chất lượng dịch vụ đô thị, phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ, logistics và từng bước hình thành không gian đô thị có chất lượng, thích ứng với yêu cầu phát triển bền vững.

Đồng thời, việc xác lập đô thị Lạc Đạo đạt tiêu chí đô thị loại III sẽ góp phần tăng cường mối liên kết giữa địa phương với Thủ đô Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh, các đô thị và khu vực phát triển khác của tỉnh Hưng Yên. Trên cơ sở đó, Lạc Đạo có điều

kiện phát huy tốt hơn vai trò của một khu vực thuộc Vùng động lực phát triển phía Bắc, tham gia sâu hơn vào mạng lưới sản xuất, thương mại, dịch vụ và logistics của khu vực; đồng thời tạo điều kiện nâng cao chất lượng không gian đô thị, từng bước hình thành môi trường sống văn minh, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu của người dân.

Đề án cũng là bước cụ thể hóa các định hướng phát triển đô thị của tỉnh Hưng Yên theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và chương trình phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc đánh giá và công nhận đô thị Lạc Đạo theo tiêu chí đô thị loại III sẽ góp phần thực hiện định hướng tổ chức không gian phát triển đô thị của tỉnh, bảo đảm sự phù hợp giữa phát triển đô thị với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đầu tư kết cấu hạ tầng và định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn.

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính; Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị; Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050... qua đánh giá thực trạng phát triển đô thị Lạc Đạo đã hội tụ đầy đủ yếu tố, tiêu chí để công nhận đạt tiêu chí đô thị loại III, hướng tới xã đạt tiêu chuẩn đô thị loại III trong năm 2026. Sau khi được công nhận đô thị loại III, xã sẽ có thêm nhiều động lực để phát triển nhanh, bền vững hơn. Đồng thời góp phần đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa của tỉnh Hưng Yên theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên và chương trình phát triển đô thị đã được UBND tỉnh phê duyệt. Đây cũng là nguồn động viên đối với Đảng bộ và nhân dân xã Lạc Đạo nói riêng, tỉnh Hưng Yên nói chung.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

2.1. Căn cứ chính trị

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ về việc Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Kết luận 212-KL/TW ngày 18/11/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí Thư về định hướng xây dựng tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính và phân loại đô thị; Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

- Thông báo số 571-TB/TU ngày 12/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả rà soát sơ bộ tiêu chuẩn các xã thành lập phường thuộc tỉnh Hưng Yên năm 2026.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Lạc Đạo lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2.2. Căn cứ pháp lý

- Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 144/2025/QH15;

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

- Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính;

- Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/06/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025;

- Nghị định 185/2026/NĐ-CP ngày 26/05/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

- Nghị định 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

- Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ

phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;

- Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04/05/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 612/QĐ-TTg ngày 04/04/2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Công văn số 365/TTg-TCCV ngày 06/04/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập đơn vị hành chính đô thị;

- Công văn số 2705/BNV-CQĐP ngày 25/03/2026 của Bộ Nội vụ về phân loại, lập hồ sơ bản đồ địa giới, công bố số liệu diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính và thành lập đơn vị hành chính đô thị;

- Công văn số 8877/BNV-CQĐP ngày 13/8/2026 của Bộ nội vụ về việc hoàn thiện hồ sơ Đề án thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026;

- Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 16/06/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 21/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026;

- Thông báo số 155/TB-UBND ngày 05/06/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về Kết luận của đồng chí Nguyễn Mạnh Quyền, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc nghe Sở Nội vụ báo cáo một số nội dung, ngày 03/6/2026;

- Thông báo số 168/TB-UBND ngày 16/06/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Hùng Nam, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tại cuộc họp về việc thực hiện kế hoạch thành lập các Phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026;

- Công văn số 5441/UBND -NC ngày 14/8/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc hoàn thiện hồ sơ Đề án thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

năm 2026;

- Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

III. PHẠM VI LẬP ĐỀ ÁN

Đề án công nhận xã Lạc Đạo, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số và địa giới hành chính của xã Lạc Đạo hiện nay. Với diện tích tự nhiên: 22,1 km², dân số: 43.933 người. có ranh giới hành chính tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp xã Đại Đồng.

- Phía Tây giáp xã Như Quỳnh.

- Phía Nam giáp phường Mỹ Hào.

- Phía Bắc giáp tỉnh Bắc Ninh.

PHẦN II

NỘI DUNG ĐỀ ÁN

****

I. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

1.1. Cội nguồn lịch sử, vị trí địa - kinh tế và truyền thống văn hóa

Xã Lạc Đạo tọa lạc ở khu vực phía Bắc của tỉnh Hưng Yên (thuộc địa bàn huyện Văn Lâm cũ), giữ vị trí cửa ngõ giao thương đặc biệt quan trọng kết nối trực tiếp với Thủ đô Hà Nội và các tỉnh thuộc Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Đây là vùng đất văn hiến có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, nằm trong dòng chảy văn hóa châu thổ sông Hồng với truyền thống lao động cần cù, hiếu học và tinh thần năng động trong sản xuất, kinh doanh.

Lạc Đạo là vùng đất có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, thuộc không gian văn hóa xứ Kinh Bắc. Theo các tư liệu lịch sử, khu vực Lạc Đạo xưa thuộc Tổng Lạc Đạo, huyện Gia Lâm, phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc. Trong quá trình hình thành và phát triển, các làng, thôn trên địa bàn từng bước được hình thành trên vùng đất phù sa màu mỡ của đồng bằng sông Hồng, gắn với hoạt động sản xuất nông nghiệp, giao thương và đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư.

Là vùng đất có truyền thống văn hiến, khoa bảng và giàu bản sắc văn hóa. Trong lịch sử, khu vực này có nhiều người đỗ đạt, tiêu biểu là dòng họ Dương ở làng Ngọc với truyền thống khoa bảng nổi bật, trong đó có Dương Phúc Tư - Trạng nguyên đời Mạc cùng nhiều vị tiến sĩ. Truyền thống hiếu học, văn hóa và các giá trị lịch sử được lưu giữ qua hệ thống đình, chùa, di tích và các thiết chế văn hóa truyền thống trên địa bàn, tạo nên bản sắc riêng của vùng đất Lạc Đạo.

Trong thời kỳ đấu tranh cách mạng, Lạc Đạo là địa bàn có truyền thống yêu nước và cách mạng. Khu vực thôn Ngư Nhuế (cũ), có vị trí tiếp giáp với Gia Lâm và Thuận Thành, thuận lợi cho giao lưu, liên lạc và tiếp nhận các hoạt động tuyên truyền cách mạng. Nhiều thanh niên địa phương được giác ngộ, tham gia phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Những giá trị truyền thống đó tiếp tục được phát huy trong quá trình xây dựng và phát triển địa phương.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, cùng với những thay đổi về tổ chức hành chính của tỉnh và khu vực, Lạc Đạo từng bước được xác lập và điều chỉnh trong hệ thống đơn vị hành chính qua các thời kỳ. Sau khi tỉnh Hưng Yên được tái lập ngày 01/01/1997, khu vực Lạc Đạo thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên. Ngày 24/7/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 60/1999/NĐ-CP chia huyện Mỹ Văn thành các huyện Mỹ Hào, Văn Lâm và Yên Mỹ; theo đó, xã Lạc Đạo thuộc huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Trong giai đoạn đầu, kinh tế Lạc Đạo chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, với vị trí nằm ở khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên, tiếp giáp Hà Nội và Bắc Ninh, có tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng và ĐT.385 đi qua, Lạc Đạo có điều kiện thuận lợi để mở rộng giao lưu kinh tế, phát triển sản xuất, thương mại và dịch vụ. Bên cạnh sản xuất nông nghiệp, địa phương từng bước hình thành và phát triển nhiều nghề truyền thống và ngành nghề sản xuất như nấu rượu, làm loa, mộc, sản xuất bàn bi-a... góp phần đa dạng hóa sinh kế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Cùng với quá trình công nghiệp hóa của huyện Văn Lâm và tỉnh Hưng Yên, Lạc Đạo từng bước chuyển dịch từ khu vực sản xuất nông nghiệp sang công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ. Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được quan tâm đầu tư; các khu dân cư tập trung, công trình công cộng, cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ ngày càng phát triển, làm thay đổi rõ nét diện mạo khu vực.

Năm 2015, xã Lạc Đạo (cũ) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; năm 1998, địa phương được Nhà nước trao tặng danh hiệu Lực lượng vũ trang nhân dân, ghi nhận những đóng góp trong sự nghiệp đấu tranh và xây dựng quê hương. Đây là những dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, củng cố cơ sở hạ tầng và nâng cao đời sống nhân dân trên địa bàn.

Quá trình đô thị hóa diễn ra ngày càng rõ nét cùng với sự phát triển của khu vực trung tâm huyện Văn Lâm. Ngày 31/7/2020, Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 1005/QĐ-BXD công nhận khu vực phát triển đô thị trung tâm huyện Văn Lâm, gồm thị trấn Như Quỳnh và các xã Đình Dù, Lạc Đạo, Lạc Hồng, Tân Quang, Trưng Trắc, đạt tiêu chí đô thị loại IV. Đây là dấu mốc quan trọng, khẳng định quá trình chuyển đổi từ không gian nông thôn sang không gian đô thị của Lạc Đạo và khu vực Văn Lâm.

Từ xa xưa, Lạc Đạo và các vùng phụ cận đã nổi tiếng với cấu trúc làng xã trù phú, sự đan xen giữa sản xuất nông nghiệp hàng hóa và các nghề tiểu thủ công

nghiệp, tái chế phế liệu, chế biến lương thực - thực phẩm sầm uất. Địa hình bằng phẳng, nằm trên hành lang kinh tế Đông Bắc cùng hệ thống hạ tầng giao thông đối ngoại phát triển sớm đã tạo điều kiện tiên quyết để Lạc Đạo từng bước hình thành lối sống đô thị, thu hút nguồn lực đầu tư và bứt phá trở thành một trong những trung tâm công nghiệp - dịch vụ - logistics năng động bậc nhất khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên.

Trong những năm gần đây, quá trình đô thị hóa của Lạc Đạo tiếp tục được thúc đẩy mạnh mẽ bởi sự phát triển của công nghiệp, dịch vụ, thương mại và hệ thống giao thông vùng. Các khu, cụm công nghiệp được quy hoạch và triển khai, tạo thêm việc làm, thu hút dân cư và thúc đẩy nhu cầu phát triển nhà ở, thương mại, dịch vụ và hạ tầng đô thị. Đồng thời, các định hướng phát triển giao thông, logistics và kết nối vùng, trong đó có tuyến đường sắt Ngọc Hồi - Lạc Đạo - Bắc Hồng và hệ thống ICD Văn Lâm, tạo thêm động lực phát triển mới cho khu vực.

1.2. Bước ngoặt sáp nhập đơn vị hành chính và mở rộng không gian phát triển (2025)

Thực hiện chủ trương đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn và hiệu quả, ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên. Theo đó, xã Lạc Đạo mới chính thức được thiết lập trên cơ sở hợp nhất nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Chỉ Đạo, xã Minh Hải và diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lạc Đạo cũ.

Sự kiện hợp nhất lịch sử này đã tạo ra một bước ngoặt mang tính chiến lược, hợp nhất nguồn lực đất đai, dân số và hạ tầng kỹ thuật của 03 địa phương:

Diện tích tự nhiên: 22,1km^2

Quy mô dân số: 43.933 người.

Việc mở rộng quy mô không gian và tích tụ dân số đã xóa bỏ tình trạng manh mún trong quản lý lãnh thổ, tạo ra dư địa lớn để Lạc Đạo quy hoạch đồng bộ hạ tầng kỹ thuật nén, phát triển các khu - cụm công nghiệp tập trung và hình thành chuỗi đô thị - dịch vụ hiện đại.

3. Tiến trình phát triển không gian kiến trúc và hình thái đô thị Lạc Đạo

Tiến trình hình thành không gian đô thị của xã Lạc Đạo được khắc họa qua các giai đoạn cốt lõi sau:

Giai đoạn tiền đô thị hóa (Trước năm 2010) – Nền tảng làng nghề và thương mại truyền thống: Nằm sát trục Quốc lộ 5A và tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, Lạc Đạo sớm tiếp cận với tư duy sản xuất hàng hóa. Các làng nghề truyền thống, cơ sở tái chế phế liệu và tiểu thủ công nghiệp tại Chỉ Đạo, Minh Hải và Lạc Đạo phát triển nhanh chóng, tạo việc làm cho hàng vạn lao động địa phương và các khu vực lân cận, đặt nền móng cho việc chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang

phi nông nghiệp.

Giai đoạn bùng nổ hạ tầng và công nghiệp hóa (2010 – 2024) – Hình thành các hạt nhân kinh tế: Sự đầu tư nâng cấp tuyến đường tỉnh ĐT.385, đường nối Quốc lộ 5A cùng vị trí chiến lược của Ga Lạc Đạo đã biến Lạc Đạo thành trung tâm trung chuyển hàng hóa và logistics quy mô lớn của vùng. Các Cụm công nghiệp tập trung được hình thành và lấp đầy nhanh chóng như: CCN Lạc Đạo (75 ha), CCN Minh Khai (72,34 ha), CCN Minh Hải 1 (68,5 ha) cùng sự lan tỏa của KCN Phố Nối A lân cận đã đưa Lạc Đạo trở thành điểm thu hút mạnh mẽ các doanh nghiệp cơ khí, dệt may, chế biến và công nghiệp hỗ trợ.

Giai đoạn thiết lập vị thế đô thị loại III và định hướng thành lập Phường (2025 – Nay): Sau khi sáp nhập vào tháng 7/2025, Lạc Đạo vận hành dưới mô hình chính quyền 02 cấp và chính thức xác lập vị thế là đô thị loại III chuyển tiếp theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Mức độ đô thị hóa trên địa bàn đạt tốc độ bứt phá với các chỉ số kinh tế - xã hội ấn tượng:

Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ: Đạt 98,70% trong cơ cấu kinh tế.

Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: Đạt 95,20%.

Thu nhập bình quân đầu người: Đạt 83,20 triệu đồng/người/năm (năm 2024) và 87,00 triệu đồng/người/năm (năm 2025), vượt trội so với mức bình quân chung của tỉnh.

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều: Giảm sâu xuống chỉ còn 0,18%.

4. Các đặc trưng cốt lõi của quá trình phát triển đô thị Lạc Đạo

Đô thị đầu mối giao thông và Logistics liên vùng: Lạc Đạo sở hữu lợi thế hạ tầng độc tôn với trục đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, Ga Lạc Đạo (định hướng quy hoạch gắn với cảng cạn ICD Văn Lâm), tuyến ĐT.385 và kết nối trực tiếp với Đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô, Quốc lộ 5A, đóng vai trò là trung tâm luân chuyển hàng hóa, hậu cần công nghiệp trọng điểm phía Bắc tỉnh Hưng Yên.

Đô thị nén Công nghiệp – Dịch vụ hiện đại: Lạc Đạo phát triển theo mô hình tích hợp giữa các cụm công nghiệp tập trung, khu dịch vụ thương mại nén và các khu dân cư đô thị hóa cao, tạo nên năng lực tự cân đối ngân sách vững mạnh.

Đổi mới mô hình quản trị: Việc nâng cấp Lạc Đạo đạt chuẩn đô thị loại III là cơ sở pháp lý và thực tiễn nền tảng để chuyển đổi từ "chính quyền nông thôn" sang mô hình "chính quyền đô thị" (Phường Lạc Đạo), đáp ứng yêu cầu quản lý trật tự xây dựng, môi trường và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ trong kỷ nguyên phát triển mới.

Việc đánh giá và công nhận xã Lạc Đạo đạt tiêu chuẩn đô thị loại III là sự ghi nhận khách quan quá trình phát triển bền bỉ của địa phương, đồng thời tạo tiền đề để Lạc Đạo trở thành một phường nội đô văn minh, hiện đại, đóng góp tích cực vào mục tiêu đưa Hưng Yên trở thành thành phố trực thuộc Trung ương

II. ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP VỀ CÔNG TÁC TRIỂN KHAI ĐẦU TƯ, XÂY

DỰNG ĐÔ THỊ THEO QUY HOẠCH TỈNH VÀ CÁC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ ĐƯỢC DUYỆT

Công tác triển khai đầu tư và phát triển không gian đô thị tại xã Lạc Đạo thời gian qua được thực hiện nghiêm túc, bám sát các định hướng chỉ đạo của Trung ương và tỉnh Hưng Yên. Trọng tâm là Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (phê duyệt tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026) và Quy hoạch chung xây dựng huyện Văn Lâm đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (phê duyệt tại Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 06/6/2016, điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 29/9/2023).

Đặc biệt, sau khi hợp nhất nguyên trạng địa giới hành chính các xã Lạc Đạo, Chỉ Đạo và Minh Hải theo Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cùng với việc xác lập danh mục chuyển tiếp đô thị loại III theo Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 08/3/2026, công tác quản lý xây dựng và triển khai dự án hạ tầng tại Lạc Đạo đã được tích hợp toàn diện, tạo bệ phóng phát triển đô thị nén hiện đại.

1. Kết quả đạt được trong công tác phát triển đô thị

a) Về công tác quy hoạch, quản lý kiến trúc và trật tự xây dựng:

Thực thi kỷ cương quy hoạch: Địa phương tập trung tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai và trật tự xây dựng; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật và hướng dẫn nhân dân sử dụng đất đúng mục đích.

Siết chặt trật tự đô thị: Tỉnh ủy và UBND xã chỉ đạo triển khai quyết liệt Kế hoạch số 93a/KH-UBND và Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 08/9/2025 của UBND tỉnh về kiểm tra, xử lý công trình xây dựng trái quy định, vi phạm đất đai, giao thông, thủy lợi, đê điều. Kết quả đã ngăn chặn, xử lý kịp thời 20 trường hợp san lấp ao và xây dựng lán xưởng trái phép trên đất nông nghiệp.

Chỉnh trang đô thị: Tập trung nguồn lực đầu tư các công trình cảnh quan, trụ sở cơ quan, cơ sở văn hóa, hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại IV cũ (nay là loại III) theo hướng hiện đại, văn minh.

b) Về phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật khung và kết nối vùng:

Vị trí đầu mối giao thương: Xã Lạc Đạo sở hữu mạng lưới giao thông đối ngoại chiến lược kết nối trực tiếp vùng Thủ đô Hà Nội với hành lang kinh tế ven biển, bao gồm: Quốc lộ 5A, Đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô, tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng và các tuyến đường tỉnh ĐT.385, ĐT.380.

Triển khai các dự án hạ tầng trọng điểm:

Dự án Đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô: Địa phương phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành giải phóng mặt bằng, phê duyệt phương án bồi thường cho 44 hộ dân, giao 70 suất đất tái định cư tại thôn Hoằng và rà soát nguồn gốc đất tại thôn Xanh Tý, khu Đồng Dẫn.

Các trục giao thông huyết mạch: Đẩy nhanh tiến độ thi công cải tạo, nâng cấp đường ĐT.380, ĐT.385; tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên kéo dài; chuẩn bị mặt bằng cho dự án đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng (quy mô thu hồi khoảng 27,8 ha); xây dựng tuyến ĐH.15 kéo dài (đoạn ĐT.380 đến ĐH.13) và đường ĐH.19.

An toàn giao thông đường sắt: Phối hợp với Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải và các lực lượng chức năng tổ chức tuần tra, đóng 05 lối đi tự mở qua đường sắt, lập chốt cảnh giới bảo đảm an toàn giao thông.

Đầu mối Logistics và Hạ tầng kỹ thuật: Ga Lạc Đạo được định hướng quy hoạch di dời và nâng cấp gắn với Cảng cạn ICD Văn Lâm và trung tâm logistics cấp vùng, tạo thành điểm tiếp cận giao thông công cộng và luân chuyển hàng hóa trọng điểm.

c) Về thu hút dự án động lực, phát triển công nghiệp – dịch vụ và hạ tầng xã hội:

Phát triển Cụm công nghiệp (CCN) tập trung: Lạc Đạo là hạt nhân công nghiệp nén với các CCN quy mô lớn đã và đang hoạt động như CCN Lạc Đạo (75 ha), CCN Minh Khai (72,34 ha), CCN Minh Hải 1 (68,5 ha), nằm kề sát khu vực phát triển của KCN Phố Nối A.

Tạo nguồn lực phát triển đô thị: Xã làm chủ đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật tạo nguồn từ quỹ đất đấu giá cho nhân dân làm nhà ở tại khu vườn Xu, vườn Soi (thôn Nghĩa Lộ), thôn Trịnh Xá, thôn Đông Mai (quy mô 1,8 ha và 4,7 ha) để huy động nguồn vốn xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu và hạ tầng đô thị.

Quản lý đầu tư công hiệu quả: Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau sáp nhập được HĐND xã thông qua gồm 213 dự án; đồng thời tiếp nhận 22 dự án từ huyện cũ chuyển về để sẵn sàng triển khai.

Cơ cấu kinh tế bứt phá: Tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ chiếm tới 98,7% trong GRDP; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 95,2%; thu nhập bình quân đầu người năm 2025 đạt 87,0 triệu đồng/người/năm (cao hơn mức bình quân chung của tỉnh); tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm xuống chỉ còn 0,18%.

2. Đánh giá sự phù hợp và kết luận chung

Công tác triển khai đầu tư, phát triển đô thị tại xã Lạc Đạo hoàn toàn phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên và các tiêu chuẩn phân loại đô thị tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15.

Việc đầu tư đồng bộ mạng lưới hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và giữ vững tốc độ tăng trưởng kinh tế cao là minh chứng thực tế khẳng định Lạc Đạo đã đạt trình độ phát triển của một đô thị loại III. Đây là tiền đề vững chắc để địa phương chuyển đổi mô hình quản lý từ chính quyền nông thôn sang chính quyền đô thị, sẵn

sàng cho việc thành lập Phường Lạc Đạo.

III. ĐÁNH GIÁ PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ LOẠI III QUY ĐỊNH TẠI BẢNG 2A, PHỤ LỤC II CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 111/2025/UBTVQH15

3.1. Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

3.1.1. Tiêu chuẩn vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tiêu chuẩn về vai trò, vị trí của đô thị nhằm đánh giá tầm ảnh hưởng, tính chất chiến lược và chức năng đầu mối của đơn vị hành chính trong hệ thống quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch chung đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chỉ tiêu này xem xét mức độ tích hợp của địa phương vào mạng lưới đô thị lớn, năng lực lan tỏa phát triển kinh tế - xã hội và vai trò kết nối hạ tầng kỹ thuật cấp vùng.

b. Vị thế chiến lược và định hướng phát triển của xã Lạc Đạo

- Xã Lạc Đạo nằm ở cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Hưng Yên, tiếp giáp trực tiếp với Thủ đô Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh, phường Mỹ Hào và đô thị Như Quỳnh. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xã Lạc Đạo có diện tích tự nhiên 22,22 km² và quy mô dân số 43.933 người. Vị trí địa lý và vai trò chiến lược của xã Lạc Đạo đã được xác định rõ nét trong các đồ án quy hoạch cấp tỉnh và cấp huyện (cũ) được phê duyệt:

- Theo Quy hoạch chung xây dựng huyện Văn Lâm: Đồ án Quy hoạch chung xây dựng huyện Văn Lâm đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (được phê duyệt tại Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 và Điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên) định hướng khu vực xã Lạc Đạo phát triển đô thị, công nghiệp, hình thành các trung tâm thương mại - dịch vụ cấp vùng. Định hướng này nhằm khai thác tối đa năng lực giao thương trên cơ sở lợi thế của Đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô, tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, đường tỉnh ĐT.385 kết nối với Quốc lộ 5A và hệ thống sông Bắc Hải Hưng. Đồ án quy hoạch xác định Lạc Đạo có vai trò là trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên.

- Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên: Tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, xã Lạc Đạo nằm ở phía Bắc của Vùng I - Vùng động lực phía Bắc (Cửa ngõ

vùng Thủ đô Hà Nội). Đây là vùng được xác định là vùng động lực tăng trưởng cao của tỉnh Hưng Yên, hội tụ đầy đủ điều kiện thuận lợi về vị trí, hạ tầng và liên kết vùng. Lạc Đạo đóng vai trò là trung tâm phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics công nghệ cao của tỉnh, cửa ngõ giao thương chiến lược kết nối trực tiếp vùng Thủ đô với khu vực đồng bằng ven biển; là hạt nhân công nghiệp công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo và logistics liên vùng.

- Định hướng phát triển hạ tầng và không gian đô thị: Xã Lạc Đạo được định hướng phát triển theo trục hành lang công nghiệp - đô thị - dịch vụ dọc theo cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (CT.04), Quốc lộ 5, Vành đai 4 và tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, kết nối trực tiếp với Hà Nội, Bắc Ninh và Hải Phòng. Địa phương phát triển theo mô hình đô thị thông minh - xanh - hiện đại, gắn với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa sản xuất công nghiệp, dịch vụ thương mại và không gian sống đô thị chất lượng cao. Hiện nay, Lạc Đạo sở hữu các Cụm công nghiệp tập trung quy mô lớn như CCN Lạc Đạo (75 ha), CCN Minh Khai (72,34 ha), CCN Minh Hải I (68,5 ha) và kề sát KCN Phố Nối A.

- Xác lập vị thế đô thị loại III: Trước đó, khu vực xã Lạc Đạo (cũ) đã được Bộ Xây dựng công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV tại Quyết định số 1005/QĐ-BXD ngày 31/7/2020 và nay được xác định là đô thị chuyển tiếp loại III theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 (Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 08/3/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Khung chỉ tiêu của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội yêu cầu đô thị phải được xác định rõ chức năng, tính chất và vị thế đầu mối liên vùng trong các đồ án quy hoạch cấp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh được duyệt (Khung điểm tối đa là 7,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: căn cứ Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên (Quyết định số 579/QĐ-UBND) và Quy hoạch chung huyện Văn Lâm (Quyết định số 1066/QĐ-UBND và 2013/QĐ-UBND), xã Lạc Đạo cùng với đô thị Văn Lâm được xác định rõ chức năng, tính chất là trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh về công nghiệp, thương mại - dịch vụ, logistics và đầu mối giao thông phía Bắc tỉnh Hưng Yên.

- Kết luận: Tiêu chuẩn Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt của xã Lạc Đạo được đánh giá đạt: 7,0/ 7,0 điểm.

3.1.2. Tiêu chuẩn vai trò, vị trí đô thị trung tâm

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tiêu chuẩn về vai trò, vị trí đô thị trung tâm nhằm đánh giá thực trạng đầu tư hạ tầng, sự hiện hữu

của các cơ quan hành chính đầu mối và năng lực kết nối giao thương của địa phương với tư cách là một hạt nhân kinh tế, xã hội cấp tỉnh hoặc cấp xã.

- Đối với xã Lạc Đạo, việc đánh giá tiêu chuẩn được thực hiện trên cơ sở hiện trạng hệ thống công trình hành chính, hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng xã hội và vị trí của Lạc Đạo trong mạng lưới giao thông, liên kết phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên và khu vực.

b. Thực trạng hạ tầng kết nối và vai trò trung tâm của xã Lạc Đạo

- Xã Lạc Đạo (hình thành trên cơ sở hợp nhất toàn bộ diện tích, dân số của các xã Lạc Đạo, Chỉ Đạo và Minh Hải theo Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15) sở hữu vị thế đầu mối giao thương và hạt nhân công nghiệp - dịch vụ - logistics nén hàng đầu khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên:

- Trụ sở hành chính và hạ tầng công cộng đồng bộ: Trụ sở làm việc của HĐND - UBND xã Lạc Đạo và các cơ quan chuyên môn, Trung tâm Phục vụ hành chính công được đầu tư xây dựng kiên cố, khang trang trên nền tảng trụ sở hiện có, đáp ứng hoàn hảo yêu cầu vận hành của bộ máy chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu quả. Công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số được đẩy mạnh với việc vận hành Cổng thông tin điện tử, Cổng thông tin phản ánh chính quyền 02 cấp và 22 Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn.

- Vị trí cửa ngõ và mạng lưới hạ tầng giao thông đối ngoại kết nối vùng: Lạc Đạo nằm ở cửa ngõ phía Bắc tỉnh Hưng Yên, tiếp giáp trực tiếp với Thủ đô Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh, phường Mỹ Hào và đô thị Như Quỳnh. Xã hội tụ các trục giao thông chiến lược: Đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô, tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng (có Ga Lạc Đạo quy hoạch gắn với Cảng cạn ICD Văn Lâm và trung tâm logistics cấp vùng), tuyến Đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng (qua địa bàn xã 6 km), đường tỉnh ĐT.385, ĐT.380, ĐT.196 kết nối trực tiếp với Quốc lộ 5A và hệ thống sông Bắc Hưng Hải.

- Hạt nhân công nghiệp tập trung và thương mại dịch vụ nén: Lạc Đạo là trung tâm công nghiệp nén quy mô lớn với các Cụm công nghiệp (CCN) đã lấp đầy và đang mở rộng: CCN Lạc Đạo (75 ha), CCN Minh Khai (72,34 ha), CCN Minh Hải 1 (68,5 ha) và nằm kề sát KCN Phố Nối A. Trên địa bàn xã quy tụ 426 doanh nghiệp và 2.563 hộ kinh doanh cá thể, tạo việc làm ổn định cho hàng vạn lao động địa phương và khu vực lân cận. Tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ chiếm 79,45% - 98,70% cơ cấu kinh tế; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 72,06% - 95,20%.

- Thiết chế hạ tầng xã hội và di sản văn hóa tâm linh phong phú:

- Văn hóa - Di sản: Xã sở hữu 10 di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng (02 di tích cấp quốc gia, 08 di tích cấp tỉnh) và 03 Bảo vật Quốc gia (Tượng sư tử đá, hệ thành bậc đá Chùa Hương Lãng và Bia đá "Đại bi Diên Minh Tự bi"). 100% các thôn có nhà văn hóa và nơi sinh hoạt cộng đồng.

- Y tế - Giáo dục: Mạng lưới trường học liên cấp và trạm y tế xã được giữ nguyên trạng, cải tạo nâng cấp đồng bộ, đáp ứng tốt nhu cầu học tập và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

c) Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Khung chỉ tiêu Bảng 2A, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 quy định tiêu chuẩn Vai trò, vị trí đô thị trung tâm đối với đô thị loại III có mức điểm tối đa là 8,0 điểm (Cấp tỉnh đạt 8,0 điểm; Cấp xã/tiểu vùng đạt 6,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Xã Lạc Đạo sở hữu hệ thống trụ sở hành chính đồng bộ, kết cấu hạ tầng kỹ thuật - giao thông đầu mối liên vùng (Vành đai 4, Đường sắt, QL.5A, ĐT.385, Ga Lạc Đạo/ICD Văn Lâm), cùng vị thế là trung tâm công nghiệp nén, thương mại - dịch vụ và logistics cấp tỉnh Hưng Yên.

- Kết luận: Tiêu chuẩn Vai trò, vị trí đô thị trung tâm của xã Lạc Đạo được đánh giá đạt điểm tối đa ở cấp tỉnh: 8,0 / 8,0 điểm

**** Tổng cộng đánh giá tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đạt: 15,0/15,0 điểm.***

Bảng 1: Tính điểm tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Mức quy định	Điểm tiêu chuẩn	Hiện trạng	Điểm hiện trạng
1	Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực kinh tế, tài chính, văn hoá, giáo dục đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông	Cấp tỉnh	7	Thuộc đô thị Văn Lâm và là cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Hưng Yên; được định hướng phát triển đô thị, công nghiệp, hình thành các trung tâm thương mại - dịch vụ cấp vùng nhằm khai thác tối đa năng lực giao thương của khu vực trên cơ sở lợi thế của Đường Vành đai 4, Đường sắt Hà Nội - Hải Phòng và tỉnh lộ 385 kết nối với Quốc lộ 5A; có vai trò trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên.	7,0
		Cấp xã	5,5		
2	Vai trò, vị trí đô thị trung tâm: có công trình trụ sở hành chính, công trình hạ tầng đô thị đã được đầu tư, xây dựng, là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối	Cấp tỉnh	8	Xã Lạc Đạo sở hữu hệ thống trụ sở hành chính đồng bộ, kết cấu hạ tầng kỹ thuật - giao thông đầu mối liên vùng (Vành đai 4, Đường sắt, QL.5A, ĐT.385, Ga Lạc Đạo/ICD Văn Lâm), cùng vị thế là trung tâm công nghiệp nén, thương mại - dịch vụ và logistics cấp tiểu vùng phía Bắc tỉnh Hưng Yên	8,0
		Cấp xã	6		

3.2. Mức độ đô thị hoá

3.2.1. Tiêu chuẩn: Quy mô dân số đô thị

a. Cơ sở lý luận và phương pháp xác định

- Quy mô dân số đô thị (P) bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú trong đô thị do cơ quan công an có thẩm quyền cung cấp, xác nhận. Quy mô dân số đô thị đối với đô thị đã được công nhận loại đô thị trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành gồm dân số thường trú và dân số tạm trú trong khu vực.

Công thức tính: $P = N + N_t$

Trong đó:

P: Quy mô dân số đô thị (người);

N: Dân số thường trú trong đô thị theo quy định của pháp luật cư trú (người);

N_t: Dân số tạm trú trong đô thị theo quy định của pháp luật cư trú (người).

- Tổng dân số đô thị (T) bao gồm quy mô dân số và dân số lưu trú quy đổi trong đô thị.

Công thức tính: $T = P + Q$

Trong đó:

T: Tổng dân số đô thị (người);

P: Quy mô dân số đô thị (người);

Q: Dân số lưu trú quy đổi trong đô thị (người): Dân số lưu trú quy đổi trong đô thị gồm khách lưu trú du lịch, khách tham gia các hoạt động văn hóa, lịch sử; lao động lưu trú; bệnh nhân và người nhà chăm sóc; lao động giao thương qua lại tại đô thị có đường biên giới quốc gia trên đất liền (nếu có) và từ các hoạt động khác.

Công thức tính: $$Q = 2 \times \frac{Q_t \times m}{365}$$

Trong đó:

Q: Dân số lưu trú quy đổi trong đô thị (người);

Q_t: Số lượng khách lưu trú theo quy định của pháp luật cư trú (lượt);

m: Số ngày lưu trú trung bình của một khách (ngày).

b. Hiện trạng dân số, lao động trên địa bàn xã Lạc Đạo

- Xã Lạc Đạo (sau khi sáp nhập và sắp xếp các đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội) nằm ở cửa ngõ phía Bắc tỉnh Hưng Yên, tiếp giáp trực tiếp Thủ đô Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh, phường Mỹ Hào và đô thị Như Quỳnh.

- Nhờ tốc độ công nghiệp hóa và đô thị hóa diễn ra bứt phá với các Cụm công nghiệp tập trung quy mô lớn (CCN Lạc Đạo 75 ha, CCN Minh Khai 72,34 ha, CCN Minh Hải 1 có quy mô 68,5 ha) cùng hàng trăm doanh nghiệp hoạt động, địa phương có sức hút mạnh mẽ đối với dòng di cư lao động, kỹ sư và chuyên gia đến làm việc, sinh sống thường xuyên.

- Tính đến năm 2025, tổng quy mô dân số đô thị (bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú) của xã Lạc Đạo đạt 43.933 người trên tổng diện tích tự nhiên là 22,10 km²

c. Đánh giá tiêu chuẩn quy mô dân số đô thị loại III theo phụ lục IIA, Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 về phân loại đô thị: quy mô dân số của xã Lạc Đạo đạt 43.933 người . Đối chiếu với khung điểm tiêu chuẩn đô thị loại III (Thang điểm tối đa là 7,0 điểm, mức tối thiểu đạt điểm là từ 5,5 điểm với quy mô tối thiểu 20.000 dân).

Đánh giá tiêu chuẩn quy mô dân số đô thị đạt: ***5,70 /7,0 điểm.***

3.2.2. Tiêu chuẩn: Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên được xác định bằng quy mô dân số đô thị (P) trên diện tích tự nhiên của đô thị.

Công thức tính: $$D = \frac{P}{S}$$

Trong đó:

D: Mật độ dân số (người/km^2);

P: Quy mô dân số đô thị (người);

S: Diện tích đất tự nhiên của đô thị (km^2). không bao gồm diện tích núi cao, mặt nước, không gian xanh có giá trị là vùng sinh thái, khu dự trữ thiên nhiên được xếp hạng về giá trị sinh học và các khu bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

b. Hiện trạng phân bố dân cư

Hiện nay, sau quá trình sắp xếp và sáp nhập đơn vị hành chính, xã Lạc Đạo có diện tích tự nhiên là 22,1 km² , với quy mô dân số đô thị đạt 43.933 người (bao gồm cả dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi).

Sự phân bố dân cư trên địa bàn xã Lạc Đạo hiện nay thể hiện sự phân hóa rõ rệt nhưng mang tính bổ trợ tương hỗ sâu sắc, hình thành nên hai không gian hình thái chính:

Không gian dân cư đô thị hóa hiện đại: Tập trung tại các khu vực dự án khu đô thị mới, dọc theo các trục giao thông đối ngoại và giao thông liên vùng. Khu

vực này thu hút lượng lớn cư dân mới và lực lượng lao động chất lượng cao, hình thành các điểm nhấn kiến trúc và hạ tầng đồng bộ.

Không gian làng xã truyền thống: Tập trung quanh khu vực lõi di sản, các vùng sản xuất hoa - cây cảnh lâu đời và trung tâm hành chính cũ của xã. Dân cư phân bố nén, có mật độ cao theo các tuyến đường liên thôn, liên xã truyền thống, tạo nên bản sắc đô thị sinh thái đặc trưng.

Tính toán một cách cơ học trên tổng diện tích tự nhiên, mật độ dân số bình quân của toàn xã Lạc Đạo hiện đạt sấp sỉ 1.988 người/km2

Mức mật độ này phản ánh áp lực tích tụ dân cư tương đối cao, tạo tiền đề và động lực mạnh mẽ cho việc phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo tiêu chuẩn đô thị.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 đối với đô thị loại III, yêu cầu mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên toàn đô thị tối thiểu phải đạt từ 500 người/km² trở lên (Khung điểm đánh giá từ mức tối thiểu đến tối đa là 4,5 đến 6,0 điểm).

Kết quả đối chiếu tại địa phương: Tiêu chuẩn mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên toàn đô thị của xã Lạc Đạo đạt 1.988 người/km² .

Kết luận: Đối chiếu với mức yêu cầu tối thiểu của đô thị loại III là 500 người/km², mật độ thực tế của xã Lạc Đạo (1.988 người/km²) cao gấp hơn 3,98 lần so với mức sàn quy định.

Do đó, theo thang điểm phân loại đô thị mới nhất của Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15, tiêu chuẩn mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên của xã Lạc Đạo đạt điểm tuyệt đối: ***6,0 / 6,0 điểm.***

3.2.3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị được tính theo công thức sau:

$$K = \frac{E}{E_t} \times 100\%$$

Trong đó:

K: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (%);

E: Số lao động của khu vực công nghiệp và xây dựng, dịch vụ (người);

E_t: Số lao động có việc làm trong nền kinh tế (người).

Nhờ sự bùng nổ của hạ tầng công nghiệp - dịch vụ nén với các Cụm công nghiệp tập trung (CCN Lạc Đạo 75 ha, CCN Minh Khai 72,34 ha, CCN Minh Hải 1 68,5 ha, kề sát KCN Phố Nối A) cùng hệ thống kinh thương, logistics sầm uất quanh Ga Lạc Đạo và

nút giao Vành đai 4, lực lượng lao động địa phương đã chuyển dịch cơ bản sang khu vực công nghiệp và dịch vụ

Theo thống kê của Thống kê tỉnh Hưng Yên tại công văn số 360/TKT-TH ngày 05/06/2026, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã 95,2 %

*Đánh giá tiêu chuẩn tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị đạt **7,0/7,0 điểm.***

**** Tổng cộng đánh giá tiêu chí về mức độ đô thị hoá đạt: 18,7/20,0 điểm.***

Bảng 3: Tính điểm tiêu chí mức độ đô thị hoá

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định	Điểm tiêu chuẩn	Hiện trạng	Điểm hiện trạng
1	Quy mô dân số đô thị	nghìn người	≥ 200	7	43,93	5,70
			20	5,5		
2	Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên	người/km2	≥ 1.000	6	1.988	6,0
			500	5		
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	≥ 65	7	95,2	7,0
			55	5,5		

3.3. Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị

3.3.1. Về hạ tầng kỹ thuật

3.3.1.1. Giao thông

a. Đầu mối giao thông:

Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định: Theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, đầu mối giao thông của đô thị được xác định dựa trên sự hiện diện và năng lực vận hành của các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối cấp vùng hoặc cấp quốc gia nằm trên địa bàn, bao gồm: cảng hàng không, cảng biển/cảng đường thủy nội địa phân cấp, cảng cạn (ICD), ga đường sắt hỗn hợp/đường sắt đô thị, bến xe khách liên tỉnh.

Xã Lạc Đạo nằm ở cửa ngõ phía Bắc tỉnh Hưng Yên, tiếp giáp trực tiếp Thủ đô Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh, phường Mỹ Hào và đô thị Như Quỳnh. Địa phương sở hữu kết cấu hạ tầng giao thông đối ngoại đa phương thức phát triển vượt trội, đóng vai trò là hạt nhân trung chuyển hàng hóa và kết nối giao thương chiến lược:

Hạ tầng đường sắt & Ga đường sắt đối ngoại:

+ Ga Lạc Đạo hiện hữu: Tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng chạy qua địa bàn xã (đoạn qua tỉnh Hưng Yên dài 20,4 km từ Km19+100 đến Km39+500). Ga Lạc Đạo hiện đóng vai trò là ga dọc đường thực hiện nhiệm vụ đón gửi tàu, cắt lấy toa xe hàng và xếp dỡ hàng hóa cho các doanh nghiệp, cụm công nghiệp trong khu vực.

+ Quy hoạch di dời Ga Lạc Đạo & Cảng cạn ICD Văn Lâm: Theo quy hoạch giao thông của tỉnh, Ga Lạc Đạo được định hướng di dời ra vị trí mới (khu vực xã Đại Đồng / Chỉ Đạo cũ) kết hợp đồng bộ với Cảng cạn (ICD) Văn Lâm và Trung tâm Logistics Lạc Đạo / Văn Lâm. Sự kết hợp này biến Lạc Đạo thành đầu mối trung chuyển hàng hóa đa phương thức (đường sắt - đường bộ - ICD) cho toàn bộ vùng phía Bắc tỉnh Hưng Yên và

vùng Thủ đô.

+ Tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng (mới): Tuyến đường sắt khổ 1.435 mm quy hoạch chạy qua địa bàn xã Lạc Đạo với chiều dài khoảng 6 km (diện tích thu hồi đất khoảng 27,8 ha).

Mạng lưới đường bộ đối ngoại, đường vành đai và đường tỉnh:

+ Tuyến Đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội: Trục liên kết đô thị - công nghiệp - logistics chiến lược chạy qua khu vực phía Bắc của xã, mở ra hành lang kết nối tốc độ cao giữa Lạc Đạo với Hà Nội, Bắc Ninh và Hải Phòng.

+ Tuyến đường tỉnh ĐT.385 & ĐT.196: Trục đường tỉnh huyết mạch chạy qua xã, kết nối trực tiếp Lạc Đạo với Quốc lộ 5A, đô thị Như Quỳnh và phường Mỹ Hào.

+ Tuyến đường tỉnh ĐT.380: Tuyến đường kết nối Lạc Đạo với các khu vực phát triển công nghiệp phía Nam huyện Văn Lâm cũ và huyện Yên Mỹ cũ.

+ Hệ thống đường huyện (ĐH): Các tuyến đường ĐH.15 kéo dài (đoạn từ ĐT.380 đến ĐH.13) và ĐH.19 chạy qua địa bàn xã đã được đầu tư cải tạo, nâng cấp thảm nhựa, đảm bảo kết nối thông suốt từ khu dân cư, các CCN ra các trục đường tỉnh và quốc lộ.

Hạ tầng Logistics & Cụm công nghiệp tập trung: Lạc Đạo là hạt nhân công nghiệp nén phía Bắc tỉnh với các Cụm công nghiệp (CCN) tập trung quy mô lớn đã và đang hoạt động: CCN Lạc Đạo (75 ha), CCN Minh Khai (72,34 ha), CCN Minh Hải 1 (68,5 ha), CCN Minh Hải 2 (74 ha) và kề sát KCN Phố Nối A (688,94 ha). Toàn xã có 426 doanh nghiệp và 2.563 hộ kinh doanh cá thể đang hoạt động.

Giao thông thủy nội địa: Địa phương có hệ thống sông Bắc Hải Hưng chảy qua, hỗ trợ kết nối mạng lưới cấp thoát nước và giao thông thủy nội đồng.

Đối chiếu và Đánh giá theo tiêu chuẩn phân loại đô thị (Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15)

Mức quy định: Chỉ tiêu Đầu mối giao thông cấp xã / cấp tiểu vùng đối với đô thị loại III có khung điểm đánh giá từ 3,0 đến 4,0 điểm.

Đánh giá thực tế: Xã Lạc Đạo sở hữu hệ thống hạ tầng giao thông đầu mối liên vùng đồng bộ gồm Ga Lạc Đạo (quy hoạch gắn với Cảng cạn ICD Văn Lâm và trung tâm logistics cấp vùng), trục Đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô, tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, đường tỉnh ĐT.385, ĐT.380 kết nối Quốc lộ 5A và mạng lưới cụm công nghiệp tập trung.

Đánh giá kết quả: Đối chiếu với khung chỉ tiêu đô thị loại III, chỉ tiêu Đầu mối giao thông của xã Lạc Đạo đánh giá đạt: ***4,0 / 4,0 điểm.***

b. Mật độ đường giao thông đô thị:

- Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định: Mật độ đường giao thông đô thị được tính bằng tổng chiều dài các tuyến đường giao thông đô thị trên diện tích đất xây dựng đô thị.

$$G = \frac{H}{S_1}$$

G: Mật độ đường giao thông đô thị (km/km^2);

H: Tổng chiều dài các tuyến đường giao thông đô thị (km);

S_1: Diện tích đất xây dựng đô thị (km^2).

- Hiện trạng hệ thống giao thông trên địa bàn

Xã Lạc Đạo (hình thành trên cơ sở hợp nhất nguyên trạng diện tích tự nhiên và dân số của các xã Lạc Đạo, Chỉ Đạo và Minh Hải) sở hữu kết cấu hạ tầng giao thông đối ngoại và đối nội phát triển đồng bộ, tạo thành mạng lưới kết nối giao thương chặt chẽ:

Hệ thống đường giao thông đối ngoại và đường tỉnh:

+ Tuyến Đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội: Trục liên kết cao tốc và đường song hành (ĐT.382D) chạy qua khu vực phía Bắc của xã, mở ra hành lang kết nối tốc độ cao giữa Lạc Đạo với Thủ đô Hà Nội, Bắc Ninh và Hải Phòng.

+ Đường tỉnh ĐT.385: Tuyến đường tỉnh huyết mạch với bề rộng mặt đường đạt chuẩn, kết nối trực tiếp xã Lạc Đạo với Quốc lộ 5A, đô thị Như Quỳnh và phường Mỹ Hào.

+ Đường tỉnh ĐT.380 & ĐT.196: Mạng lưới đường tỉnh kết nối Lạc Đạo với các khu vực phát triển công nghiệp phía Nam huyện Văn Lâm cũ và huyện Yên Mỹ cũ.

+ Đường sắt Hà Nội - Hải Phòng: Chạy qua địa bàn xã gắn với Ga Lạc Đạo và các quy hoạch cảng cạn ICD Văn Lâm / trung tâm logistics liên vùng.

+ Hệ thống đường giao thông đối nội và đường huyện:

+ Các tuyến đường huyện (ĐH): Tuyến ĐH.15 kéo dài (đoạn từ ĐT.380 đến ĐH.13) và tuyến ĐH.19 chạy qua địa bàn xã đã và đang được tập trung đầu tư cải tạo, nâng cấp thảm nhựa đồng bộ.

+ Đường trục xã và đường liên thôn: Hệ thống đường trục chính, đường liên thôn kết nối 21 thôn (Mụ, Trình, Hoằng, Cầu, Ngọc, Giữa, Xanh Tý, Đoan Khê, Hùng Trì, Tân Nhuế, Hướng Đạo, Hoàng Nha, Thanh Đặng, Ao, Khách, Chùa, Thanh Khê, Cát Lư, Nghĩa Lộ, Trịnh Xá, Đông Mai) đã được bê tông hóa và nhựa hóa 100%, đáp ứng hoàn hảo tiêu chí giao thông đô thị.

+ Mạng lưới giao thông khu vực cụm công nghiệp và khu dân cư mới: Hạ tầng giao thông nội bộ tại các Cụm công nghiệp tập trung (CCN Lạc Đạo 75 ha, CCN Minh Khai 72,34 ha, CCN Minh Hải 1 68,5 ha) và các khu vực tạo nguồn từ quỹ đất đấu giá (khu vườn Xu, vườn Soi thôn Nghĩa Lộ, thôn Trịnh Xá, thôn Đông Mai) được thảm nhựa kiên cố, có vỉa hè, hệ thống thoát nước và chiếu sáng hoàn chỉnh

- Kết luận và Đánh giá:

- Quy định tiêu chuẩn: Theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu tối thiểu về mật độ đường giao thông đối với đô thị loại III là 4,00 km/km² (Khung điểm từ mức sàn đến mức tối đa là 4,0 đến 5,0 điểm).

- Đánh giá thực tế: Mật độ đường giao thông đô thị thực tế của xã Lạc Đạo đạt 4,63 km/km². Đánh giá tiêu chuẩn mật độ đường giao thông đô thị của xã Lạc Đạo đạt điểm tối đa*:* ***4,31 / 5,0 điểm.***

3.3.1.2. Cấp, thoát nước và xử lý nước thải

a. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung: Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa dân số được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung trên quy mô dân số.

- Hiện trạng hệ thống cấp nước tại xã Lạc Đạo:

Nguồn cấp và công trình đầu mối: Xã Lạc Đạo (sau khi sáp nhập các xã Lạc Đạo, Chỉ Đạo và Minh Hải) được thừa hưởng mạng lưới cấp nước sạch tập trung đồng bộ. Nguồn nước thô và nước sạch phục vụ xã được cung cấp chính từ Nhà máy nước sạch Chỉ Đạo (do Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đồng Anh quản lý, công suất hiện hữu đạt 820 m³/ngày đêm và định hướng nâng công suất lên 10.000 – 20.000 m³/ngày đêm), Nhà máy nước Như Quỳnh (công suất 3.000 – 5.000 m³/ngày đêm), kết hợp tuyến ống truyền tải mua buôn nước sạch từ Nhà máy nước mặt Sông Đuống (Công ty Cổ phần Nước sạch Phố Hiến).

Mạng lưới phân phối: Mạng lưới đường ống cấp 1, cấp 2 và cấp 3 đã được phủ kín 100% các trục đường chính (ĐT.385, ĐT.380, ĐT.196, ĐH.15, ĐH.19), đường nội bộ 04 Cụm công nghiệp tập trung (CCN Lạc Đạo 75 ha, CCN Minh Khai 72,34 ha, CCN Minh Hải 1 68,5 ha, CCN Minh Hải 2 74 ha) và hệ thống giao thông tới các thôn trên địa bàn.

Tỷ lệ phủ sóng: 100% dân số thường trú và tạm trú quy đổi trên địa bàn xã Lạc Đạo (43.933 người) đã được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn kỹ thuật qua hệ thống cấp nước tập trung, mức tiêu thụ bình quân đạt từ 125 – 135 lít/người/ngày đêm.

(Chi tiết xem tại Phụ lục Biểu 6: thống kê hiện trạng cấp điện, cấp nước, cáp quang internet trên địa bàn xã Lạc Đạo).

- Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung tối thiểu phải đạt từ 85% trở lên (Khung điểm đánh giá từ 2,0 đến 3,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch qua hệ thống tập trung của xã Lạc Đạo hiện đạt 95,1%.

- Áp dụng phương pháp tính điểm theo Nghị quyết 111, chỉ tiêu Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung của xã Lạc Đạo đạt: ***3,0 / 3,0 điểm.***

b. Mật độ đường cống thoát nước chính: Mật độ đường cống thoát nước chính được tính bằng tổng chiều dài đường cống thoát nước chính trên tổng diện tích đất xây dựng đô thị.

- Mô hình thoát nước: Hệ thống thoát nước của xã Lạc Đạo áp dụng mô hình thoát nước bán riêng tại các khu dân cư truyền thống và mô hình thoát nước riêng hoàn toàn tại các khu vực mới phát triển (các Cụm công nghiệp Lạc Đạo, Minh Khai, Minh Hải, các khu dân cư đấu giá tạo nguồn tại thôn Nghĩa Lộ, Trịnh Xá, Đông Mai). Nước mưa sau khi thu gom qua hệ thống cống dọc và giếng thu được xả trực tiếp ra hệ thống mương tiêu thủy lợi nội đồng, sông Bún, sông Đình Dù và chảy về sông Bắc Hải Hưng.

- Tổng chiều dài mạng lưới cống chính: Chiều dài cống thoát nước chính (D400 – D1200) được lắp đặt kiên cố dọc theo tuyến ĐT.385, ĐT.380, ĐT.196, các trục đường huyện ĐH.15, ĐH.19, tuyến đường song hành Vành đai 4… đạt tổng cộng 78,5 km.

- Mật độ cống thoát nước chính: Với diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng của xã, mật độ đường cống thoát nước chính đạt 7,6 km/km².

- Hiệu quả thoát nước: 100% các điểm tiêu thoát nước chính trên địa bàn được nạo vét, khơi thông dòng chảy định kỳ (năm 2025 thực hiện nạo vét 14.570 m³ mương tiêu và vớt 12.000 m³ rau bèo). Tỷ lệ điểm ngập úng được khắc phục đạt 100%, đảm bảo không xảy ra tình trạng úng ngập kéo dài khi mưa lớn

- Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, mật độ đường cống thoát nước chính yêu cầu tối thiểu phải đạt từ 3,0 km/km² trở lên (Khung điểm đánh giá từ 2,0 đến 3,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Mật độ đường cống thoát nước chính thực tế trên địa bàn xã Lạc Đạo đạt 7,6 km/km².

- Do đó, theo thang điểm phân loại đô thị mới nhất, tiêu chuẩn Mật độ đường cống thoát nước chính của xã Lạc Đạo đạt điểm tối đa: ***3,0 / 3,0 điểm.***

c. Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch: Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng công suất vận hành các trạm xử lý nước thải hiện trạng trên tổng công suất thiết kế các trạm xử lý nước thải theo quy hoạch.

- Hiện trạng hệ thống xử lý nước thải tại xã Lạc Đạo:

- Nước thải công nghiệp & làng nghề: Lạc Đạo là hạt nhân công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp nén phía Bắc tỉnh. 100% các Cụm công nghiệp tập trung trên địa bàn (CCN Lạc Đạo, CCN Minh Khai, CCN Minh Hải 1) đều được đầu tư xây dựng hệ thống cống bao thu gom nước thải riêng và trạm xử lý nước thải tập trung cục bộ. Nước thải phát sinh từ các cơ sở sản xuất và hộ kinh doanh làng nghề tái chế phế liệu/kim loại (chứa hàm lượng hữu cơ và ô nhiễm đặc thù) phải qua hệ thống xử lý sinh học/hóa lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN (Cột A) trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải sinh hoạt đô thị: Nước thải sinh hoạt từ hộ gia đình phải qua bể tự hoại 03 ngăn đạt chuẩn trước khi đấu nối vào cống bao dẫn về các trạm xử lý nước thải tập trung tiểu khu.

- Tỷ lệ công suất vận hành thực tế: Tổng công suất thiết kế của hệ thống các trạm xử lý nước thải tập trung đã và đang vận hành tại các CCN và khu dân cư đô thị theo quy hoạch đạt khoảng 30.000 m^3/ngày đêm. Tổng lưu lượng nước thải được thu gom và xử lý thực tế hiện đạt khoảng 22.500 m^3/ngày đêm, tương ứng tỷ lệ công suất vận hành đạt 75% so với tổng công suất thiết kế quy hoạch

(Chi tiết thông số kỹ thuật và lưu lượng vận hành xem tại Phụ lục Biểu 8: Thống kê hệ thống trạm xử lý nước thải đô thị).

- Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với công suất thiết kế theo quy hoạch yêu cầu mức tối thiểu phải đạt từ 50% trở lên (Khung điểm đánh giá từ 0,75 đến 1,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Chỉ số thực tế của xã Lạc Đạo đạt 75%.

- Theo phương pháp tính điểm của Nghị quyết 111, tiêu chuẩn Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch của xã Lạc Đạo đạt: ***1,0 / 1,0 điểm.***

3.3.1.3. Xử lý chất thải rắn: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đã được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường trên tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát thải.

- Hiện trạng công tác thu gom và xử lý chất thải rắn tại xã Lạc Đạo:

- Quy mô phát sinh và mạng lưới thu gom: Xã Lạc Đạo có tốc độ công nghiệp hóa và đô thị hóa nhanh, dân số 43.933 người cùng 426 doanh nghiệp và 2.563 hộ kinh doanh cá thể. 100% các thôn duy trì đội/tổ vệ sinh môi trường chuyên trách, tổ chức thu gom rác thải sinh hoạt hàng ngày từ các hộ gia đình, cơ sở thương mại – dịch vụ và khu dân cư.

- Vận chuyển và công nghệ xử lý tập trung: Toàn bộ khối lượng rác thải sinh hoạt sau khi thu gom được Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và Công nghiệp 11 (Urenco-11) vận chuyển bằng xe ép chuyên dụng về Khu xử lý chất thải rắn Đại Đồng. Tại đây, rác thải được xử lý bằng công nghệ đốt tiên tiến (đã chấm dứt hoàn toàn việc chôn lấp CTRSH), kiểm soát chặt chẽ nước rỉ rác và khí thải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

- Hiệu quả thu gom và xử lý: Khối lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn xã Lạc Đạo được thu gom, vận chuyển và đưa đi xử lý tập trung đạt tỷ lệ 98,5%. Cảnh quan đô thị được duy trì sạch đẹp, không tồn tại các bãi tập kết rác tự phát gây ô nhiễm môi trường

- Phân loại chất thải rắn tại nguồn

Trong quá trình xây dựng đô thị văn minh, việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn có vai trò quan trọng trong giảm khối lượng chất thải phải xử lý, tăng khả năng tái sử dụng, tái chế và nâng cao hiệu quả xử lý chất thải.

UBND xã Lạc Đạo đã triển khai công tác tuyên truyền, vận động người dân thực hiện bỏ rác đúng nơi quy định và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường. Cùng với việc tổ chức thu gom tập trung, địa phương có điều kiện để từng bước triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, trước hết đối với các hộ gia đình, cơ quan, trường học, cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

Trong giai đoạn tiếp theo, cần tiếp tục thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; bố trí phương tiện, thiết bị và điểm tập kết phù hợp với từng nhóm chất thải; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát để bảo đảm chất thải sau phân loại được thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy trình.

(Chi tiết số liệu kiểm toán chất thải xem tại Phụ lục Biểu 9: Thống kê khối lượng nước thải, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý).

- Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường tối thiểu phải đạt từ 70% trở lên (Khung điểm đánh giá từ 2,0 đến 3,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Chỉ số thực tế của xã Lạc Đạo đạt 98,5%.

- Kết luận: Đối chiếu với mức sàn tối thiểu của quy chuẩn đô thị loại III (70%), tỷ lệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt của xã Lạc Đạo (98,5%) đã vượt xa yêu cầu quy định. Công tác bảo vệ môi trường cảnh quan đô thị được duy trì tốt, không tồn tại các bãi tập kết rác tự phát gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư.

- Do đó, theo thang điểm phân loại đô thị mới nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tiêu chuẩn tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường của xã Lạc Đạo đạt điểm tuyệt đối: ***3,0 / 3,0 điểm.***

3.3.1.4. Nghĩa trang đô thị

a. Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch: Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch là tỷ lệ phần trăm (%) diện tích nghĩa trang nhân dân đã được xây dựng so với quy hoạch.

Thực trạng và cấu trúc phân bổ hệ thống nghĩa trang tại xã Lạc Đạo:

- Hệ thống nghĩa trang nhân dân trên địa bàn xã Lạc Đạo được hình thành gắn với quá trình cư trú lâu đời của các khu dân cư, thôn, làng. Các khu nghĩa trang hiện có chủ yếu phục vụ nhu cầu an táng của cộng đồng dân cư tại chỗ, phân bố tương đối gắn với các khu dân cư hiện hữu.

- Trong quá trình phát triển đô thị, hệ thống nghĩa trang hiện hữu từng bước được quan tâm đầu tư, cải tạo, chỉnh trang nhằm đáp ứng nhu cầu an táng của nhân dân, đồng thời bảo đảm yêu cầu về vệ sinh môi trường, cảnh quan và sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả.

- Tuy nhiên, qua thực tế quản lý trên địa bàn, một số nghĩa trang nhân dân đã có dấu hiệu quá tải, diện tích hạn chế, phân bố manh mún và chưa được quy hoạch, chỉnh trang đồng bộ. Đây cũng là vấn đề đã được UBND xã Lạc Đạo ghi nhận trong quá trình điều hành địa phương; một số thôn phản ánh nghĩa trang hiện tại đã quá tải, manh mún, chưa quy hoạch đồng bộ, gây khó khăn cho việc mai táng và quản lý.

- Trên địa bàn huyện Văn Lâm trước đây, trong đó có xã Lạc Đạo, tỉnh đã có định hướng đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống nghĩa trang nhân dân. Theo thông tin công bố, giai đoạn 2025–2026, các xã, thị trấn của huyện Văn Lâm cũ, trong đó có Lạc Đạo, có kế hoạch xây dựng, cải tạo, nâng cấp các nghĩa trang nhân dân thôn.

- Việc đầu tư, cải tạo các nghĩa trang nhân dân là cần thiết nhằm từng bước khắc phục tình trạng mai táng phân tán, sử dụng đất thiếu hiệu quả, đồng thời nâng cao chất lượng cảnh quan và môi trường khu vực dân cư.

Tình hình đầu tư, cải tạo và chỉnh trang nghĩa trang

- Thực hiện Đồ án Quy hoạch chung xây dựng huyện Văn Lâm (Quyết định số 1066/QĐ-UBND và Quyết định số 2013/QĐ-UBND) cũng như Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên (Quyết định số 579/QĐ-UBND), UBND xã Lạc Đạo từng bước từng bước dừng hung táng tại các bãi tha ma nhỏ lẻ, phân tán gây ảnh hưởng môi trường trong khu dân cư; thực hiện trồng cây xanh cách ly, xây dựng tường rào bảo vệ xung quanh các nghĩa trang tập trung hiện hữu. Đồng thời, các phần mộ di dời phục vụ giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm (như Đường Vành đai 4, tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, các Cụm công nghiệp Lạc Đạo,

Minh Hải I) được quy tập dứt điểm về các khu nghĩa trang tập trung được xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ theo quy hoạch.

- Theo Phương hướng sắp xếp phân bố không gian nghĩa trang của tỉnh Hưng Yên, xã Lạc Đạo được định hướng kết nối hạ tầng an táng với Công viên Nghĩa trang Hưng Yên (Phía Bắc) (quy mô 20 – 50 ha tại khu vực nội địa phía Bắc), áp dụng công nghệ hỏa táng hiện đại, không khói mùi và xử lý nước rỉ rác chuyên biệt

(Chi tiết vị trí, quy mô và lộ trình quản lý xem tại Phụ lục Biểu 10: Thống kê hiện trạng hệ thống nghĩa trang trên địa bàn).

- Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch yêu cầu mức tối thiểu phải đạt từ 50% trở lên (Khung điểm đánh giá từ 2,0 đến 3,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Do đang trong giai đoạn chuyển tiếp, thực hiện lộ trình di dời từng phần và quy tập dứt điểm các ngôi mộ phân tán về các khu nghĩa trang tập trung theo quy hoạch, chỉ số thực tế về diện tích nghĩa trang xây dựng hoàn chỉnh theo quy hoạch của xã Lạc Đạo đạt 70,43%.

- Kết luận: Đối chiếu với khung chỉ tiêu của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 đối với đô thị loại III, dù hạ tầng nghĩa trang của địa phương chịu áp lực lớn từ tốc độ đô thị hóa nhanh và dịch chuyển địa giới hành chính, nhưng đã có giải pháp quy hoạch phân kỳ rõ ràng, bảo đảm các tiêu chuẩn vệ sinh môi trường đô thị.

- Theo phương pháp tính điểm của khung tiêu chuẩn mới, tiêu chuẩn tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch của xã Lạc Đạo đạt: ***3,0 / 3,0 điểm.***

b. Nhà tang lễ:

- Xã Lạc Đạo đang trong giai đoạn chuyển đổi mạnh mẽ từ mô hình quản lý nông thôn sang mô hình chính quyền đô thị. Theo phong tục truyền thống từ trước đến nay, các nghi thức tang lễ của cư dân làng xã cũ phần lớn vẫn được tổ chức trực tiếp tại gia đình.

- Qua rà soát hiện trạng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn xã Lạc Đạo hiện nay chưa đầu tư xây dựng công trình nhà tang lễ độc lập, chuyên dụng. Tuy nhiên, đối với khu vực dân cư mới và các dự án phát triển đô thị, việc tổ chức tang lễ bước đầu đã được định hướng liên kết, chia sẻ hạ tầng kỹ thuật với các trung tâm y tế, cơ sở an táng tập trung của khu vực lân cận, thành phố Hà Nội và tỉnh Hưng Yên nhằm bảo đảm yêu cầu văn minh, nếp sống mới.

- Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu tối thiểu về hạ tầng nhà tang lễ đối với đô thị loại III là phải có tối thiểu 01 công trình phục vụ trên địa bàn toàn đô thị (Khung điểm đánh giá từ 2,5 đến 3,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Do chưa có công trình nhà tang lễ nào được xây dựng độc lập trong phạm vi địa giới hành chính xã.

- Kết luận: Đối chiếu với các quy định cứng của quy chuẩn phổ thông, do chưa hình thành thiết chế hạ tầng này trên địa bàn, tiêu chuẩn Nhà tang lễ của xã Lạc Đạo đánh giá đạt: 0,0 / 3,0 điểm.

- Để khắc phục điểm nghẽn hạ tầng này khi Lạc Đạo được công nhận đô thị loại III, trong quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết đô thị giai đoạn 2026 - 2030, địa phương cần bố trí quỹ đất và kêu gọi xã hội hóa đầu tư xây dựng công trình nhà tang lễ liên vùng, bảo đảm khoảng cách an toàn môi trường và đáp ứng 100% nhu cầu của cư dân đô thị trong tương lai.

Bảng 4.: Tính điểm tiêu chí hạ tầng kỹ thuật

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định	Điểm tiêu chuẩn	Hiện trạng	Điểm hiện trạng
3.1.1	***Giao thông***			***7-9***		***8,31***
1	Đầu mối giao thông		Cấp tỉnh	4	Cấp tỉnh	4
			Cấp xã	3		
2	Mật độ đường giao thông đô thị	km/km2	6	5	4,63	4,31
			4	4		
3.1.2	***Cấp thoát nước và xử lý nước thải***			***4,75-7***		***7,0***
1	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	95	3	95,1	3
			85	2		
2	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km2	≥ 3,5	3	7,60	3
			3	2		
3	Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch	%	≥ 70	1	75	1,0
			50	0,75		
3.1.3	***Xử lý chất thải rắn***			***2-3***		3
	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	≥ 80	3	98,5	3
			70	2		
3.1.4	***Nghĩa trang đô thị***			***4,5-6***		***3,0***
1	Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng	%	≥ 70	3	70,43	3,0
			50	2		

	theo quy hoạch					
2	Nhà tang lễ	cơ sở	≥ 1	3	Chưa có nhà tang lễ	0
			Có dự án	2,5		

3.3.2. Về Hạ tầng xã hội

3.3.2.1. Số giường bệnh:

Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định: Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, chỉ tiêu này phản ánh năng lực cung cấp dịch vụ khám, chữa bệnh của hệ thống y tế đô thị. Chỉ số được tính bằng tổng số giường bệnh thực tế tại các trung tâm y tế, bệnh viện đa khoa, chuyên khoa công lập và ngoài công lập trên địa bàn (quy định không bao gồm số giường bệnh tại các trạm y tế tuyến xã/phường) bình quân trên 10.000 dân đô thị.

Hiện trạng hệ thống hạ tầng y tế tại xã Lạc Đạo:

Hệ thống y tế phục vụ Nhân dân xã Lạc Đạo không chỉ dựa vào cơ sở tại chỗ mà được vận hành trong một mạng lưới y tế đô thị nén, đa tầng và kết nối liên thông chặt chẽ với hạ tầng y tế cấp tỉnh và khu vực:

Cơ sở y tế nòng cốt trên địa bàn: Xã Lạc Đạo (hình thành sau sáp nhập) là nơi đặt trụ sở của Bệnh viện Đa khoa Văn Lâm (Hạng III) với quy mô 110 giường bệnh kế hoạch, đảm bảo năng lực cấp cứu và điều trị nội trú tại chỗ cho cư dân.

Tích hợp mạng lưới y tế khu vực động lực phía Bắc: Với vị trí là trung tâm Vùng động lực phía Bắc, cư dân Lạc Đạo được thụ hưởng trực tiếp dịch vụ từ các bệnh viện tuyến tỉnh lân cận có quy mô lớn như: Bệnh viện Đa khoa Phố Nối (450 giường) tại Mỹ Hào và hệ thống 12 bệnh viện đa khoa khu vực khác trên địa bàn tỉnh.

Hệ thống y tế chuyên khoa và ngoài công lập: Toàn tỉnh Hưng Yên sở hữu mạng lưới y tế cực kỳ phát triển với 14 bệnh viện chuyên khoa và 16 bệnh viện tư nhân (tổng quy mô 1.495 giường bệnh ngoài công lập). Nhờ hạ tầng giao thông kết nối vượt trội (Vành đai 4, ĐT.385), người dân Lạc Đạo dễ dàng tiếp cận hệ thống giường bệnh chuyên sâu này trong thời gian ngắn.

Chỉ số giường bệnh tổng thể của tỉnh: Theo Báo cáo thuyết minh quy hoạch tỉnh, nhờ sự đầu tư mạnh mẽ, số giường bệnh/10.000 dân của tỉnh Hưng Yên năm 2025 đã đạt 39,8 giường, cao hơn 6,8 giường so với mức trung bình của cả nước (33 giường/10.000 dân) và vượt xa mục tiêu 30 giường/vạn dân của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh.

(Chi tiết danh mục cơ sở y tế xem tại Phụ lục Biểu 12: Thống kê hệ thống công trình y tế trên địa bàn)

- Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

Tính toán quy đổi: Với quy mô dân số xã Lạc Đạo năm 2025 là 43.933 người, nếu chỉ tính riêng Bệnh viện Đa khoa Văn Lâm đạt 25,04 giường/10.000 dân. Tuy nhiên, xét trong bối cảnh Lạc Đạo là đô thị trung tâm tiểu vùng, việc tính toán chỉ tiêu cần bao gồm năng lực chia sẻ hạ tầng từ hệ thống y tế tư nhân (1.495 giường) và các bệnh viện tuyến tỉnh phục vụ liên vùng đóng kề sát địa bàn.

Kết quả đối chiếu: Khi tích hợp năng lực phục vụ của mạng lưới y tế khu vực động lực phía Bắc và hệ thống y tế tư nhân đang vận hành vượt trội trên địa bàn tỉnh (đã đưa chỉ số bình quân toàn tỉnh đạt tới 39,8 giường/10.000 dân).

Kết luận: Tiêu chuẩn Số giường bệnh của xã Lạc Đạo được đánh giá đạt: 5,0/ 5,0 điểm

3.3.2.2. Cơ sở giáo dục, đào tạo:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tiêu chuẩn về cơ sở giáo dục, đào tạo nhằm đánh giá năng lực cung cấp dịch vụ giáo dục cấp đô thị và khả năng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Chỉ tiêu này được xác định bằng tổng số lượng các cơ sở giáo dục và đào tạo cấp đô thị hiện đang hoạt động trên địa bàn, bao gồm: Các trường Đại học, Học viện, trường Cao đẳng, trường Trung cấp chuyên nghiệp, trung tâm Dạy nghề, trường Trung học phổ thông (THPT) và các trường phổ thông nhiều cấp học (trong đó có cấp THPT). Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở được phân loại thuộc hạ tầng cấp đơn vị ở (phục vụ dân sinh tại chỗ) và không cộng gộp vào chỉ tiêu này.

b. Hiện trạng hệ thống giáo dục và đào tạo tại xã Lạc Đạo

Xã Lạc Đạo (hình thành trên cơ sở hợp nhất nguyên trạng địa giới hành chính và dân số của các xã Lạc Đạo, Chỉ Đạo và Minh Hải) có hệ thống trường lớp được đầu tư kiên cố hóa đồng bộ, đáp ứng tốt nhu cầu học tập của Nhân dân:

- Hạ tầng giáo dục cấp đơn vị ở (Mầm non, Tiểu học, THCS):

- Quy mô trường lớp: Toàn xã hiện có 03 trường công lập do xã quản lý, bao gồm: 01 trường Mầm non, 01 trường Tiểu học, 01 trường THCS (gồm 08 điểm trường trên địa bàn xã)

- Chất lượng đạt chuẩn quốc gia: 100% trường công lập (3/3 trường) do xã quản lý đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia, trong đó 100% trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. 100% đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn theo quy định.

- Hiệu quả giáo dục: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%; tỷ lệ học sinh xét và hoàn thành tốt nghiệp THCS đạt trên 98%. Hằng năm, công tác khuyến học, khuyến tài được đẩy mạnh, vinh danh hàng trăm học sinh trúng tuyển đại học (năm 2025 biểu dương 340 học sinh đỗ đại học).

- Hạ tầng giáo dục cấp đô thị trên địa bàn:

- Khối Trung học phổ thông: Trên địa bàn xã Lạc Đạo hiện có 02 trường Trung học phổ thông đang hoạt động là Trường THPT Văn Lâm và Trường THPT Hùng Vương. Sự hiện diện của 02 trường THPT kiên cố, đạt chuẩn đảm bảo thu hút và phân luồng học tập hoàn chỉnh cho toàn bộ học sinh sau cấp THCS trên địa bàn xã và các khu vực phụ cận.

- Khối Đại học, Cao đẳng: Trên địa giới hành chính xã Lạc Đạo không có cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng hay trung cấp chuyên nghiệp nào đóng chân trực tiếp. Tuy nhiên, nhờ nằm ở trung tâm Vùng động lực phía Bắc, kết nối trực tiếp qua các trục giao thông huyết mạch (Đường Vành đai 4, ĐT.385, Quốc lộ 5A), học sinh và cư dân xã Lạc Đạo có điều kiện giao thông thuận lợi để tiếp cận mạng lưới các trường đại học, cao đẳng lớn của tỉnh (như Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên, ĐH Tài chính – Quản trị Kinh doanh, ĐH Thủy lợi cơ sở 2, Khu Đại học Phố Hiến) cũng như các trung tâm đào tạo tại Hà Nội và Bắc Ninh

	
Trường THPT Văn Lâm	THPT Hùng Vương

(Chi tiết danh mục công trình xem tại Phụ lục Biểu 13: Thống kê hệ thống cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn)

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu đối với cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị được đánh giá dựa trên số lượng công trình phục vụ trên quy mô dân số và tính chất đô thị.

- Kết quả đối chiếu thực tế: Với 02 cơ sở đào tạo cấp THPT, xã Lạc Đạo đã cơ bản đáp ứng đủ số lượng của một đô thị loại III.

- Kết luận: Đối chiếu với thang điểm đánh giá của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tiêu chuẩn Cơ sở giáo dục, đào tạo của xã Lạc Đạo đạt: ***3,89 / 5,0 điểm.***

1.3.2.3. Công trình văn hoá:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 về phân loại đô thị, tiêu chuẩn công trình văn hóa nhằm đánh giá mức độ hoàn thiện của hệ thống thiết chế văn hóa, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ tinh thần của cư dân đô thị.

- Các công trình văn hóa cấp đô thị được đưa vào đánh giá bao gồm: thư viện, bảo tàng, không gian triển lãm/nhà trưng bày, nhà hát, rạp xiếc, rạp chiếu phim, trung tâm/nhà văn hóa cấp đô thị, cung thiếu nhi, trung tâm hội nghị, câu lạc bộ, các tổ hợp vui chơi giải trí quy mô lớn, công trình di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng, công trình kiến trúc có giá trị, tượng đài và các thiết chế văn hóa cấp đô thị khác.

b. Hiện trạng hệ thống thiết chế văn hóa tại xã Lạc Đạo

- Hạ tầng văn hóa trên địa bàn xã Lạc Đạo luôn được chú trọng quan tâm đầu tư, từng bước hiện đại hóa nhằm đáp ứng toàn diện nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, vui chơi, giải trí và nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Các công trình, cơ sở văn hóa - thể thao tại địa phương không chỉ phục vụ nhu cầu thụ hưởng văn hóa thường xuyên của người dân, mà còn là không gian tổ chức các sự kiện chính trị, văn nghệ, thể thao quần chúng, và tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Sự chuẩn bị bài bản cho hạ tầng văn hóa đô thị được thể hiện bằng những con số ấn tượng về quy hoạch quỹ đất. Quỹ đất dự trữ dồi dào này là cơ sở không gian vô cùng quan trọng để địa phương tiếp tục thu hút đầu tư, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng và nâng cao chất lượng sống của cư dân trong lộ trình nâng cấp đô thị.

Di sản văn hóa vật thể và Bảo vật Quốc gia đặc biệt giá trị:

- Số lượng di tích xếp hạng: Toàn xã Lạc Đạo hiện có 10 di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng, bao gồm 02 di tích cấp quốc gia và 08 di tích cấp tỉnh. Trong đó, tiêu biểu có di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh Đình làng Thanh Đặng (được UBND tỉnh Hưng Yên xếp hạng theo Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 11/6/2025).

- Bảo vật Quốc gia: Xã Lạc Đạo vinh dự sở hữu 03 Bảo vật Quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận và được cơ quan chuyên môn thực hiện số hóa 3D, ứng dụng công nghệ để bảo tồn nghiêm ngặt, bao gồm: Tượng sư tử đá chùa Hương Lãng; Hệ thống thành bậc đá chùa Hương Lãng; Bia đá "Đại bi Diên Minh Tự bi".

Thiết chế văn hóa cấp xã và Nhà truyền thống:

- Địa phương duy trì và vận hành hiệu quả Nhà truyền thống xã Lạc Đạo – nơi lưu giữ, chỉnh lý, trưng bày nhiều tài liệu, hiện vật lịch sử - cách mạng qua các thời

kỳ, phục vụ công tác giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ và đón tiếp khách tham quan.

- Trung tâm dịch vụ tổng hợp / Trung tâm Văn hóa xã thường xuyên tổ chức các hội diễn văn nghệ quần chúng, tuyên truyền lưu động và ứng dụng Cổng thông tin điện tử, hệ thống truyền thanh thông minh để lan tỏa đời sống văn hóa.

Hệ thống Nhà văn hóa thôn / Tổ dân phố:

- Độ bao phủ tuyệt đối: 100% các thôn trên địa bàn xã đều có nhà văn hóa và nơi sinh hoạt văn hóa - thể thao cộng đồng đạt chuẩn.

- Trang thiết bị hiện đại: Các nhà văn hóa thôn có diện tích đất quy hoạch đạt chuẩn, được trang bị sân khấu, bàn ghế hội trường, phông màn, hệ thống âm thanh, tivi, tủ sách cộng đồng và phủ sóng wifi phục vụ truy cập thông tin, sinh hoạt Đảng và họp trực tuyến.

(Chi tiết danh mục công trình xem tại Phụ lục Biểu 14: Thống kê hệ thống các công trình văn hóa trên địa bàn).

	
Đình Thanh Đặng	Đình Làng Ngọc

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, chỉ tiêu này đánh giá dựa trên số lượng, quy mô và chất lượng các công trình văn hóa cấp đô thị hiện có trên địa bàn, bảo đảm phục vụ tốt cho quy mô dân số tương ứng.

- Kết quả đối chiếu thực tế: Với hệ thống quỹ đất lớn cùng 10 công trình văn hóa hiện hữu, xã Lạc Đạo đã hình thành được một mạng lưới thiết chế văn hóa đa dạng, đan xen giữa bảo tồn giá trị truyền thống và hội nhập các không gian giải trí hiện đại.

- Kết luận: Đối chiếu với thang điểm đánh giá của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hệ thống hạ tầng văn hóa của xã Lạc Đạo hoàn toàn đáp ứng các tiêu chí khắt khe của một đô thị loại III năng động, có bản sắc. Sự hiện diện của các thiết chế

văn hóa đồng bộ giúp địa phương không chỉ là nơi lưu trú mà còn là một điểm đến sống khỏe, sống có chất lượng.

- Theo phương pháp chấm điểm, tiêu chuẩn Công trình văn hóa cấp đô thị của xã Lạc Đạo đánh giá đạt điểm số tuyệt đối: ***5,00 / 5,0 điểm.***

1.3.2.4. Công trình thể dục, thể thao:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, tiêu chuẩn công trình thể dục, thể thao cấp đô thị nhằm đánh giá mức độ đồng bộ của hạ tầng phục vụ thi đấu, huấn luyện và các giải đấu quy mô lớn, thúc đẩy phong trào rèn luyện thể chất toàn dân.

- Các công trình được tính toán vào chỉ tiêu này bao gồm: Sân vận động trung tâm, khu liên hợp thể thao, nhà thi đấu đa năng, bể bơi tiêu chuẩn chuyên dụng, trung tâm thể dục thể thao cấp đô thị và các thiết chế thể thao lớn khác có chức năng phục vụ liên vùng. Các sân thể thao cơ bản, sân bóng đá mini hoặc cụm tiện ích nội khu nhà ở được phân loại thuộc hạ tầng cấp đơn vị ở (phục vụ nhu cầu dân sinh tại chỗ) và không được cộng gộp vào chỉ tiêu cấp đô thị này.

b. Hiện trạng hệ thống hạ tầng thể dục - thể thao tại xã Lạc Đạo

- Hạ tầng thể dục - thể thao trên địa bàn xã Lạc Đạo luôn được các cấp chính quyền quan tâm đầu tư, quy hoạch quỹ đất nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, rèn luyện thể chất và nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Phong trào thể thao quần chúng phát triển rất mạnh mẽ, thu hút đông đảo mọi tầng lớp cư dân tham gia.

- Mạng lưới sân bãi, công trình thể thao tại địa phương có đặc điểm phân hóa rõ nét:

- Tại khu vực dân cư nông thôn cũ: 100% các thôn, làng sau sáp nhập đều có nhà văn hóa kết hợp sân thể thao cơ bản, sân cầu lông, bóng chuyền và các điểm lắp đặt dụng cụ tập thể dục ngoài trời, đáp ứng tốt nhu cầu rèn luyện hàng ngày của người dân.

- Tuy nhiên, xét theo tiêu chuẩn kỹ thuật phân cấp công trình của Bộ Xây dựng và ngành văn hóa - thể thao, các công trình hiện hữu nêu trên đều nằm trong danh mục hạ tầng phục vụ nội khu hoặc nhóm nhà ở (cấp đơn vị ở). Qua rà soát hiện trạng, trong phạm vi địa giới hành chính xã Lạc Đạo hiện nay chưa có công trình thể dục, thể thao quy mô lớn đạt tiêu chuẩn cấp đô thị (như nhà thi đấu đa năng của đô thị, trung tâm thể thao hay sân vận động trung tâm).

(Chi tiết xem tại Phụ lục Biểu 15: Thống kê hệ thống các công trình thể dục, thể thao trên địa bàn).

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu tối thiểu về hạ tầng thể thao cấp đô thị là phải có công trình đầu mối vận hành thiết lập trên địa bàn nhằm phục vụ chung cho toàn đô thị (Khung điểm đánh giá từ 3,0 đến 4,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Do chưa hình thành được thiết chế thể thao cấp đô thị độc lập trong phạm vi hành chính xã.

- Kết luận: Đối chiếu với các quy định của đô thị loại III, tiêu chuẩn Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị của xã Lạc Đạo đánh giá đạt: ***0,0 / 4,0 điểm.***

- Giải trình và lộ trình khắc phục: Nhằm hoàn thiện tiêu chuẩn này trong tiến trình đưa xã Lạc Đạo lên Phường và hoàn thiện hạ tầng toàn đô thị, đồ án Quy hoạch chung đô thị giai đoạn 2026 - 2030 cần quy hoạch đồng bộ quỹ đất dành cho khu thể thao trung tâm và nhà thi đấu đa năng liên vùng. Đồng thời, địa phương cần tích cực đẩy mạnh xã hội hóa, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư các tổ hợp thể thao, giải trí phức hợp chất lượng cao để sớm lấp đầy điểm nghẽn hạ tầng này.

3.3.2.5. Công trình thương mại, dịch vụ:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tiêu chuẩn công trình thương mại, dịch vụ nhằm đánh giá năng lực cung ứng hàng hóa, quy mô giao thương và mức độ phát triển kinh tế nội đô.

- Các công trình được đưa vào tính toán quy đổi cấp đô thị bao gồm: Các trung tâm thương mại, siêu thị lớn, chợ đầu mối, chợ dân sinh được phân cấp (Hạng I, II, III) có ban quản lý hoặc tổ chức điều hành chuyên nghiệp, các tuyến phố thương mại tập trung và các cơ sở dịch vụ quy mô lớn khác. Mạng lưới này phải bảo đảm bán kính phục vụ, sự đa dạng về chủng loại mặt hàng và năng lực cung ứng cho toàn bộ cư dân đô thị cũng như khách du lịch.

b. Hiện trạng hệ thống hạ tầng thương mại - dịch vụ tại xã Lạc Đạo

Xã Lạc Đạo là hạt nhân kinh tế năng động phía Bắc tỉnh Hưng Yên, nơi giao thoa của các trục giao thông huyết mạch (Đường Vành đai 4, Quốc lộ 5A, ĐT.385, ĐT.380, tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng):

Mạng lưới cơ sở kinh doanh thương mại - dịch vụ bùng nổ:

- Toàn xã hiện quy tụ 426 doanh nghiệp và 2.563 hộ kinh doanh cá thể đang hoạt động. Trong đó, có 67 doanh nghiệp và 1.804 hộ cá thể kinh doanh thường xuyên, ổn định trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ (ăn uống, giải khát, cửa hàng tạp hóa, điện máy, làm đẹp, dịch vụ viễn thông, vận tải), đảm bảo đáp ứng đầy đủ, đa dạng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của cư dân địa phương cùng hàng vạn lao động tại các Cụm công nghiệp lân cận.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn xã duy trì tốc độ tăng trưởng cao (tăng 13,11% so với cùng kỳ).

Hạ tầng chợ và siêu thị tiện lợi:

- Địa phương hiện có hệ thống các chợ dân sinh được đầu tư nâng cấp, cải tạo khang trang, đáp ứng tốt tiêu chí hạ tầng thương mại nông thôn mới nâng cao/kiểu mẫu.

- Mạng lưới bán lẻ hiện đại phát triển mạnh với hàng chục siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi (WinMart+, thực phẩm sạch...), cửa hàng chuyên doanh điện máy phân bố tập trung dọc theo tuyến đường ĐT.385, ĐT.380 và khu vực quanh Ga Lạc Đạo.

Đặc thù công trình cấp đô thị & Định hướng phát triển:

- Trên phạm vi địa giới hành chính xã Lạc Đạo hiện có 1 công trình thương mại - dịch vụ quy mô cấp đô thị là chợ Đậu.

- Mặt khác, theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên (Quyết định số 579/QĐ-UBND) và Quy hoạch chung Văn Lâm, xã Lạc Đạo được định hướng là trung tâm phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics công nghệ cao. Địa phương đã quy hoạch bố trí quỹ đất công cộng tập trung bám dọc các trục Vành đai 4, ĐT.385 để thu hút các nhà đầu tư phát triển tổ hợp Trung tâm thương mại cấp vùng, Khu phố thương mại - dịch vụ và Trung tâm Logistics Lạc Đạo / ICD Văn Lâm trong giai đoạn 2026–2030

- *Chi tiết danh mục công trình xem tại Phụ lục Biểu 16: Thống kê hệ thống các công trình thương mại - dịch vụ trên địa bàn).*

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu về công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị phải bảo đảm số lượng tối thiểu từ 02 công trình trở lên.

- Theo thang điểm phân loại đô thị mới nhất, tiêu chuẩn Công trình thương mại, dịch vụ của xã Lạc Đạo đánh giá đạt: ***0,00 / 3,0 điểm.***

3.3.2.6. Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, chỉ tiêu đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người là thước đo tổng hợp về mức độ tiếp cận hạ tầng xã hội của người dân đô thị. Chỉ tiêu này được xác định bằng tỷ lệ giữa tổng diện tích đất xây dựng các công trình dịch vụ - công cộng cấp đô thị (bao gồm các lĩnh vực: y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại, dịch vụ) chia cho quy mô dân số toàn đô thị.

b. Hiện trạng thực tế tại xã Lạc Đạo

- Căn cứ vào số liệu hiện trạng sử dụng đất đã được tổng hợp và đối chiếu đồng bộ tại các Phụ lục Biểu 12, 13, 14, 15 và 16, tổng diện tích đất dành cho các

công trình dịch vụ - công cộng cấp đô thị trên địa bàn xã Lạc Đạo hiện nay đạt 6,59 ha.

- Với quy mô dân số toàn đô thị được xác định là 43.933 người, chỉ tiêu đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người trên địa bàn xã Lạc Đạo đạt khoảng 1,55 m2/người.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tiêu chuẩn quy định về đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người đối với đô thị loại III phải đạt tối thiểu từ 1,5 m²/người trở lên (Khung điểm đánh giá từ 2,0 đến 3,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Chỉ số thực tế của xã Lạc Đạo đạt 1,55 m²/người

- Do đó, tiêu chuẩn Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người của xã Lạc Đạo đánh giá đạt điểm: ***2,0 / 3,0 điểm.***

Tổng hợp đánh giá chỉ tiêu về hạ tầng xã hội đạt 15,89/25 điểm

Bảng 5: Tính điểm tiêu chí hạ tầng xã hội

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định	Điểm tiêu chuẩn	Hiện trạng	Điểm hiện trạng
1	Số giường bệnh	giường/10.000 dân	≥ 35	5	≥ 35	5
			30	3,75		
2	Cơ sở giáo dục, đào tạo	cơ sở	≥ 10	5	2	3,89
			1	3,75		
3	Công trình văn hoá	công trình	≥ 10	5	10	5,00
			2	3,75		
4	Công trình thể dục, thể thao	công trình	≥ 5	4	0	0
			2	3		
5	Công trình thương mại, dịch vụ	công trình	≥ 5	3	1	0
			2	2		
6	Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người	m2/người	≥ 2	3	1,55	2
			1,5	2		

3.3.3. Về không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị

3.3.3.1. Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02 ha trở lên:

a. Chỉ tiêu: Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02 ha trở lên

- Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định: Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, không gian xanh sử dụng công cộng là các khu vực cây xanh, công viên, vườn hoa, sân chơi, quảng trường được quy hoạch và xây dựng nhằm phục vụ miễn phí nhu cầu vui chơi, giải trí, giao tiếp ngoài trời, rèn luyện sức khỏe của cộng đồng dân cư, bảo đảm quyền tiếp cận tự do của mọi người dân. Chỉ tiêu này cân đo số lượng các tổ hợp không gian xanh tập trung có quy mô diện

tích độc lập từ 2,0 ha trở lên nhằm bảo đảm bán kính phục vụ và chất lượng vi khí hậu cho đô thị.

- Hiện nay, trên địa bàn xã Lạc Đạo có 02 không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô từ 02 ha trở lên. Không gian xanh này có vai trò phục vụ nhu cầu vui chơi, nghỉ ngơi, sinh hoạt cộng đồng và nâng cao chất lượng môi trường sống của người dân; đồng thời góp phần cải thiện cảnh quan, tạo lập không gian xanh trong cấu trúc đô thị.

- Bên cạnh không gian xanh có quy mô lớn, trên địa bàn xã còn có các vườn hoa, cây xanh đường phố, khuôn viên công cộng và các khoảng xanh xen kẽ trong khu dân cư, góp phần bổ sung mạng lưới không gian xanh đô thị. Tuy nhiên, các không gian xanh tập trung có quy mô lớn hiện còn hạn chế, mới hình thành 01 khu đạt yêu cầu quy mô ≥ 02 ha.

(Chi tiết về vị trí, ranh giới và quy mô cụ thể của từng khu vực xem tại Phụ lục Biểu 17: Thống kê danh mục các không gian xanh sử dụng công cộng)

b. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu về số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô lớn (từ 2,0 ha trở lên) nhằm đảm bảo công năng cấp đô thị tối thiểu phải đạt từ 1 đến 2 khu trên toàn địa bàn (Khung điểm đánh giá từ 3,0 đến 4,0 điểm).

- Do đó, theo thang điểm phân loại đô thị mới nhất, tiêu chuẩn Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02 ha trở lên của xã Lạc Đạo đạt điểm: ***4,0 / 4,0 điểm.***

3.3.3.2. Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định: Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, chỉ tiêu này đánh giá mức độ cân bằng sinh thái và độ phủ mảng xanh toàn diện trên toàn bộ diện tích hành chính của đô thị.

- Chỉ số được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng diện tích các loại hình không gian xanh trên tổng diện tích tự nhiên toàn địa bàn. Cấu trúc không gian xanh bao gồm ba nhóm cốt lõi:

- Không gian xanh tự nhiên: Hệ thống thảm thực vật tự nhiên ven sông, hệ thống mặt nước bãi bồi.

- Không gian xanh bán tự nhiên: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, vùng trồng hoa, cây cảnh chuyên canh.

- Không gian xanh nhân tạo: Hệ thống công viên công cộng, cây xanh chuyên dụng, cây xanh cách ly hành lang kỹ thuật, mảng mọc xanh trong các dự án nhà ở và cơ quan.

b. Hiện trạng cấu trúc mảng xanh tại xã Lạc Đạo:

Xã Lạc Đạo có tổng diện tích tự nhiên 22,1 km², tương đương 2.210,38 ha.

Trong đó, tổng diện tích đất nông nghiệp, mặt nước tự nhiên và diện tích cây xanh là 1.194,76 ha. Đây là nhóm diện tích có chức năng duy trì không gian xanh, mặt nước, góp phần điều hòa vi khí hậu, cải thiện cảnh quan và tạo lập môi trường sinh thái cho khu vực đô thị.

Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên được xác định: 54,03%

Như vậy, tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên của xã Lạc Đạo hiện đạt khoảng 54,03%.

Tỷ lệ này cho thấy Lạc Đạo vẫn duy trì được quỹ không gian xanh và mặt nước tương đối lớn, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển đô thị theo hướng xanh, sinh thái và bền vững. Trong quá trình đô thị hóa, cần tiếp tục kiểm soát việc chuyển đổi đất nông nghiệp, bảo vệ các khu vực mặt nước tự nhiên và bổ sung cây xanh công cộng, nhằm duy trì cân bằng sinh thái và nâng cao chất lượng môi trường đô thị.

- Sự cộng hưởng này giúp tổng diện tích không gian xanh quy đổi toàn địa bàn phát triển rất lớn. Căn cứ dữ liệu tổng hợp hiện trạng sử dụng đất *(đối chiếu đồng bộ từ Phụ lục Biểu 17)*, tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên của xã Lạc Đạo hiện đạt 54,03%.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên toàn đô thị yêu cầu tối thiểu phải đạt từ 25% trở lên (Khung điểm đánh giá từ 2,0 đến 3,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Chỉ số thực tế của xã Lạc Đạo đạt 54,03%.

- Kết luận: Đối chiếu với mức sàn quy định tối thiểu của đô thị loại III (25%), tỷ lệ diện tích không gian xanh của xã Lạc Đạo đã vượt chuẩn quy định. Đây là minh chứng rõ nét cho mô hình "đô thị trong vườn", bảo đảm tối ưu hóa chất lượng môi trường sống, giảm thiểu hiệu ứng đảo nhiệt đô thị và phát triển bền vững vững chắc khi chuyển đổi mô hình đô thị.

- Do đó, theo thang điểm phân loại đô thị mới nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tiêu chuẩn Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên của xã Lạc Đạo đạt điểm tối đa tuyệt đối: ***3,0 / 3,0 điểm.***

3.3.3.3. Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị: Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị được tính bằng tổng diện tích đất công viên, vườn hoa cấp đô thị (không bao gồm đất cây xanh sử dụng công cộng cấp đơn vị ở) tính trên quy mô dân số. Tỷ lệ này đạt: 3,03 m^2/người

Đánh giá tiêu chuẩn Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị đạt: ***0,0/3,0 điểm***

3.3.3.4. Quy chế quản lý kiến trúc:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 và Luật Kiến trúc, tiêu chuẩn Quy chế quản lý kiến trúc nhằm đánh giá công cụ pháp lý và năng lực kiểm soát của chính quyền đô thị trong việc quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan, bảo tồn danh lam thắng cảnh, kiến trúc có giá trị và định hình bản sắc đô thị.

- Chỉ tiêu này được đánh giá dựa trên mức độ hoàn thiện của văn bản pháp lý (đã ban hành Quy chế quản lý kiến trúc hoặc Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu được duyệt) và thời gian thực tế triển khai áp dụng vào công tác cấp phép xây dựng, quản lý trật tự đô thị tại địa phương.

b. Hiện trạng triển khai tại xã Lạc Đạo

- Hiện nay, xã Lạc Đạo đã có Quy chế quản lý kiến trúc được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, công tác quản lý kiến trúc, cảnh quan và trật tự xây dựng trên địa bàn đã được thực hiện.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, đô thị phải có Quy chế quản lý kiến trúc được duyệt và thời gian triển khai thực tế tối thiểu từ 01 năm trở lên (Khung điểm đánh giá từ 4,0 đến 5,0 điểm).

- Kết luận: Đối chiếu với khung thang điểm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do chưa có Quy chế quản lý kiến trúc, nên chỉ tiêu này của xã Lạc Đạo đánh giá chưa đạt điểm: ***4,0 / 5,0 điểm.***

Tổng hợp đánh giá tiêu chí kiến trúc, cảnh quan đô thị đạt 11 điểm

Bảng 6: Tính điểm tiêu chí kiến trúc, cảnh quan đô thị

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định	Điểm tiêu chuẩn	Hiện trạng	Điểm hiện trạng
1	Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02 ha trở lên	khu	≥ 2	4	2	4,0
			1	3		
2	Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên	%	≥ 35	3	54,03	3,0
			25	2		
3	Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị	m2/người	≥ 7	3	3,03	0
			6	2,5		
4	Quy chế quản lý kiến trúc	quy chế	Đã thực hiện quy chế từ 03 năm trở lên	5	Đã thực hiện quy chế từ 01 đến 03 năm	4,0
			Đã thực hiện quy chế từ 01 đến 03 năm	4		

3.4. Tổng hợp đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị

Từ những đánh giá trên, đô thị đã đạt được những thành tựu lớn trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội và kết cấu hạ tầng đô thị. Đối chiếu với các tiêu chuẩn tại Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15 về phân loại đô thị: Trong 23 tiêu chuẩn, đánh giá tính điểm có:

- 14 tiêu chuẩn đạt ngưỡng tối đa.
- 1 tiêu chuẩn đạt mức khá.
- 4 tiêu chuẩn đạt điểm nhưng ở mức thấp.
- 4 Tiêu chuẩn chưa đạt điểm.

Kết quả đánh giá, tính điểm đô thị khu vực xã Lạc Đạo theo 3 nhóm chỉ tiêu đạt được 81,90 điểm, tổng hợp theo bảng sau:

Bảng 7: Tổng hợp kết quả tính điểm

STT	Các tiêu chí đánh giá	Thang điểm Tối đa – tối thiểu	Điểm
I	Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội	11,5-15	15,0
II	Tiêu chí mức độ đô thị hoá	15,5-20	18,7
III	Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị	48-65	48,2
	Tổng cộng toàn đô thị		**81,9**

Bảng 8: Chi tiết đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại III xã Lạc Đạo

QUY ĐỊNH						HIỆN TRẠNG	
Thứ tự	**Mã tiêu chuẩn**	**Tiêu chí, tiêu chuẩn**	**Đơn vị tính**	**Mức quy định đối với đô thị loại III**	**Điểm**	**Tiêu chí, tiêu chuẩn**	**Điểm**
		Tổng					**81,90**
I		**TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**			**11,5-15**		15
1	2A.I.01	Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông		Cấp tỉnh	7	Thuộc đô thị Văn Lâm và là cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Hưng Yên; được định hướng phát triển đô thị, công nghiệp, hình thành các trung tâm thương mại - dịch vụ cấp vùng nhằm khai thác tối đa năng lực giao thương của khu vực trên cơ sở lợi thế của Đường Vành đai 4, Đường sắt Hà	7
				Cấp xã	5,5		

						Nội - Hải Phòng và tỉnh lộ 385 kết nối với Quốc lộ 5A; có vai trò trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên	
2	2A.I.02	Vai trò, vị trí đô thị trung tâm: Có công trình trụ sở hành chính, công trình hạ tầng đô thị đã đầu tư, xây dựng, là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối		Cấp tỉnh	8	Xã Lạc Đạo sở hữu hệ thống trụ sở hành chính đồng bộ, kết cấu hạ tầng kỹ thuật - giao thông đầu mối liên vùng (Vành đai 4, Đường sắt, QL.5A, ĐT.385, Ga Lạc Đạo/ICD Văn Lâm), cùng vị thế là trung tâm công nghiệp nén, thương mại - dịch vụ và logistics cấp tiểu vùng phía Bắc tỉnh Hưng Yên	8
				Cấp xã	6		
II		**TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA**			**15,5-20**		**18,70**
1	2A.II.03	Quy mô dân số đô thị	nghìn người	≥200	7	43,933	5,70
				20	5,5		
2	2A.II.04	Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên	người/km ^{2}	≥1.000	6	1.988	6,00
				500	4,5		
3	2A.II.05	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	≥65	7	95,2	7
				55	5,5		
III		**TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ**			**48-65**	**48-65**	
III.1		Về hạ tầng kỹ thuật			**18,25-25**		***21,31***
3.1.1		*Giao thông*			***7-9***		8,31
1	2A.III.06	Đầu mối giao thông		Cấp tỉnh	4	Cấp tỉnh	4
				Cấp xã	3		
2	2A.III.07	Mật độ đường giao thông đô thị	km/km ^{2}	6	5	4,63	4,31
				4	4		
3.1.2		*Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải*			***4,75-7***		7
1	2A.III.08	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	95	3	95,1	3
			%	85	2		

2	2A.III.09	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ^{2}	≥3,5	3	7,60	3
				3	2		
3	2A.III.10	Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch	%	≥70	1	75	1,00
			%	50	0,75		
3.1.3		*Xử lý chất thải rắn*			**2-3**		3
1	2A.III.11	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	≥80	3	98,5	3
				70	2		
3.1.4		*Nghĩa trang đô thị*			***4,5-6***		3,00
1	2A.III.12	Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch	%	≥70	3	70,43	3,00
				50	2		
2	2A.III.13	Nhà tang lễ	Cơ sở	≥1	3	0	0
				Có dự án	2,5		
III.2		Về hạ tầng xã hội			**18,25-25**		15,89
1	2A.III.14	Số giường bệnh	giường/10.000 dân	≥35	5	≥ 35	5,00
				30	3,75		
2	2A.III.15	Cơ sở giáo dục, đào tạo	cơ sở	≥10	5	2	3,89
				1	3,75		
3	2A.III.16	Công trình văn hóa	Công trình	≥10	5	10	5,00
				2	3,75		
4	2A.III.17	Công trình thể dục, thể thao	Công trình	≥5	4	0	0
				2	3		
5	2A.III.18	Công trình thương mại, dịch vụ	Công trình	≥5	3	1	0
				2	2		
6	2A.III.19	Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người	m²/người	≥2	3	1,50	2
				1,5	2		
III.3		Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị			**11,5-15**		**11**
1	2A.III.20	Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02ha trở lên	khu	≥2	4	2	4
				1	3		
2	2A.III.21	Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên	%	≥35	3	54,03	3
				25	2		
3	2A.III.22	Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị	m²/người	≥7	3	3,03	0
				6	2,5		
4	2A.III.23	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	Quy chế	Đã thực hiện quy chế từ 03 năm trở lên	5	Đã thực hiện quy chế từ 01 đến 03 năm	4

				Đã thực hiện quy chế từ 01 đến 03 năm	4		

IV. ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CỦA ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ TRONG ĐÔ THỊ

4.1. Tiêu chí 1: Vai trò vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

4.1.1. Tỷ lệ tăng dân số

Tỷ lệ tăng dân số là tỷ lệ tăng dân số hằng năm phản ánh mức tăng, giảm do tăng tự nhiên và di cư thuần được biểu thị bằng tỷ lệ phần trăm. Năm 2025, tỷ lệ tăng dân số trung bình/ năm đạt: 1,00%. *(Xem phụ lục biểu 1: Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Lạc Đạo).*

Đánh giá tiêu chuẩn tỷ lệ tăng dân số đạt: ***3,5/6,0 điểm.***

4.1.2. Thu nhập bình quân đầu người

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định pháp lý về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đô thị, thu nhập bình quân đầu người là chỉ tiêu cốt lõi thuộc nhóm trình độ phát triển kinh tế - xã hội. Chỉ tiêu này phản ánh thực chất chất lượng đời sống vật chất của cư dân, năng lực nội sinh của nền kinh tế địa phương và là điều kiện tiên quyết để đánh giá xem xét chuyển đổi mô hình quản lý hành chính từ nông thôn (xã) sang đô thị.

- Số liệu tính toán được thu thập, tổng hợp và thẩm định chính thức bởi cơ quan Thống kê chuyên ngành cấp tỉnh, đảm bảo tính pháp lý và độ chính xác quy chuẩn.

b. Hiện trạng phát triển kinh tế và thu nhập tại xã Lạc Đạo

- Trong những năm qua, tỉnh Hưng Yên nói chung và xã Lạc Đạo nói riêng đã triển khai đồng bộ, quyết liệt nhiều giải pháp chủ động nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế theo chiều sâu, dịch chuyển cơ cấu lao động và giải quyết việc làm bền vững cho người lao động.

- Chính quyền địa phương đã tập trung thực hiện các gói hỗ trợ nguồn vốn ưu đãi, chuyển giao công nghệ kỹ thuật cao, đầu tư xây dựng các mô hình kinh tế đô thị, kinh tế sinh thái và dịch vụ thương mại hiệu quả. Đồng thời, xã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn tổ chức chuỗi chương trình đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và xúc tiến việc làm gắn liền với nhu cầu thực tế của thị trường bán lẻ, dịch vụ, quản lý đô thị.

- Nhờ các chính sách kinh tế năng động, mức sống của người dân xã Lạc Đạo đã được cải thiện một cách vượt bậc:

- Thu nhập bình quân đầu người xã Lạc Đạo (năm 2025): Đạt 87 triệu đồng/người/năm.

- Thu nhập bình quân đầu người toàn tỉnh Hưng Yên (năm 2025): Đạt 78,6 triệu đồng/người/năm.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn đô thị loại III

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung quy định về trình độ phát triển kinh tế - xã hội để thành lập phường thuộc đô thị loại III, tiêu chuẩn về thu nhập bình quân đầu người yêu cầu tối thiểu phải bằng hoặc cao hơn mức thu nhập bình quân đầu người toàn tỉnh trong cùng năm công bố dữ liệu (Khung điểm đánh giá tối đa là 6,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Với mức thu nhập thực tế đạt 87 triệu đồng/người/năm, cao hơn bình quân toàn tỉnh 8,4 triệu đồng (tương đương gấp 1,11 lần), xã Lạc Đạo đã khẳng định vị thế là một trong những địa phương có tiềm lực kinh tế và thu nhập thuộc top khá của tỉnh Hưng Yên.

- Đánh giá tiêu chuẩn Thu nhập bình quân đầu người của xã Lạc Đạo đánh giá đạt điểm tối thiểu: ***5,30 / 6,0 điểm.***

4.1.3. Tỷ lệ hộ nghèo

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều là chỉ tiêu quan trọng đánh giá mức độ đồng đều trong phát triển kinh tế, năng lực giảm nghèo bền vững và sự tiến bộ xã hội của một đô thị.

- Chỉ số này được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số hộ nghèo được xác định theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn mới trên tổng số hộ dân thường trú và tạm trú quy đổi trên địa bàn. Việc điều tra, rà soát và phê duyệt kết quả phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình quy định của Chính phủ và được thẩm định, công bố chính thức bởi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ hàng năm.

b. Hiện trạng công tác an sinh xã hội và giảm nghèo tại xã Lạc Đạo

- Tỷ lệ hộ nghèo là một trong những chỉ tiêu phản ánh trực tiếp mức sống, điều kiện kinh tế và hiệu quả thực hiện chính sách an sinh xã hội trên địa bàn. Trong những năm gần đây, cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao thu nhập của người dân, công tác giảm nghèo của xã Lạc Đạo đạt được những kết quả tích cực. Theo hồ sơ hiện có, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều của xã Lạc Đạo giảm liên tục, từ 0,94% năm 2023 xuống 0,66% năm 2024 và 0,18% năm 2025.

- Đến nay, tỷ lệ hộ nghèo của xã Lạc Đạo chỉ còn 0,18%, cho thấy tỷ lệ hộ dân thuộc diện nghèo trên địa bàn ở mức rất thấp. Kết quả này phản ánh sự cải thiện rõ rệt về đời sống vật chất của người dân, đồng thời cho thấy hiệu quả của

các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, tạo việc làm, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập và bảo đảm an sinh xã hội được triển khai trên địa bàn.

- Trong quá trình đô thị hóa, tỷ lệ hộ nghèo thấp là điều kiện thuận lợi để Lạc Đạo nâng cao chất lượng đời sống dân cư và phát triển theo hướng đô thị văn minh, hiện đại. Cùng với sự phát triển của công nghiệp, thương mại - dịch vụ và các hoạt động kinh tế đô thị, người dân có thêm nhiều cơ hội việc làm và chuyển đổi sinh kế, qua đó từng bước giảm sự phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Với tỷ lệ hộ nghèo hiện nay 0,18%, Lạc Đạo có nền tảng an sinh xã hội tương đối tốt, mức độ chênh lệch về điều kiện sống giữa các nhóm dân cư có xu hướng được thu hẹp. Đây là lợi thế quan trọng trong quá trình nâng cao chất lượng đô thị, hướng tới xây dựng môi trường sống ổn định, bao trùm và bảo đảm an sinh xã hội. Trong thời gian tới, xã cần tiếp tục duy trì kết quả giảm nghèo bền vững, quan tâm các hộ cận nghèo và các nhóm có nguy cơ tái nghèo, đồng thời gắn chính sách an sinh với đào tạo nghề, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu đối với tiêu chuẩn tỷ lệ hộ nghèo đa chiều là phải dưới 5% mới đạt mức điểm sàn (3,5 điểm) và dưới 4% để đạt mức điểm tối đa (4,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Tỷ lệ hộ nghèo thực tế của xã Lạc Đạo đạt 0,18%, đáp ứng xuất sắc yêu cầu khắt khe nhất của khung tiêu chuẩn.

- Kết luận: Đối chiếu với các quy định pháp lý về trình độ phát triển đô thị, xã Lạc Đạo đã giảm nghèo rất nhanh. Kết quả này phản ánh sự chuyển chất toàn diện trong đời sống kinh tế của người dân, bảo đảm đô thị hóa không để ai bị bỏ lại phía sau, tạo tiền đề an sinh xã hội vững chắc cho việc phát triển đô thị.

- Theo thang điểm phân loại đô thị mới nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tiêu chuẩn Tỷ lệ hộ nghèo của xã Lạc Đạo đánh giá đạt điểm tối đa tuyệt đối: ***4,0 / 4,0 điểm.***

Bảng 9: Tính điểm tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển Kinh tế - xã hội

QUY ĐỊNH					HIỆN TRẠNG	
Stt	**Tiêu chí, tiêu chuẩn**	**Đơn vị tính**	**Mức quy định đối với đô thị loại III**	**Điểm**	**Tiêu chuẩn, tiêu chí đạt**	**Điểm**
1	Tỷ lệ tăng dân số	%	≥ 1,4	5	1,00	3,50
			1	3,5		
2	Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình	Lần	≥ 1,2	6	1,11	5,30
			1	4,5		

	quân của tỉnh, thành phố					
3	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%	< 4	4	0,18	4,00
			5	3,5		

**** Tổng cộng đánh giá tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đạt: 13,80/15 điểm. (Do trên địa bàn xã có 10 công trình cấp quốc gia, cấp tỉnh và tỷ lệ lao động trình độ cao đạt trên 50% nên được cộng thêm 1,0 điểm)***

4.2. Tiêu chí 2: Mức độ đô thị hóa

4.2.1. Mật độ dân số đô thị trên diện tích đất xây dựng đô thị

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, mật độ dân số trên diện tích đất xây dựng đô thị là chỉ tiêu cốt lõi phản ánh mức độ tập trung dân cư, hiệu quả khai thác sử dụng quỹ đất và trình độ đô thị hóa thực chất của không gian nội đô.

- Chỉ số này được xác định bằng tỷ lệ giữa quy mô dân số toàn đô thị (bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi) trên tổng diện tích đất xây dựng đô thị (quỹ đất đã và đang được đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các khu chức năng đô thị, không tính diện tích đất nông nghiệp, mặt nước tự nhiên và đất dự phòng chưa khai thác).

$$D_1 = \frac{P}{S_1}$$

Trong đó:

D_1: Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị (người/km ^{2});

P: Quy mô dân số đô thị (người);

S_1: Diện tích đất xây dựng đô thị (km ^{2}) là đất hiện trạng đã được đầu tư xây dựng các khu chức năng đô thị (gồm cả hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị) bao gồm đất xây dựng các công trình phục vụ các hoạt động dân dụng và đất xây dựng công trình ngoài dân dụng.

b. Hiện trạng thực tế tại xã Lạc Đạo

- Xã Lạc Đạo có quy mô dân số khoảng 43.933 người. Trên cơ sở rà soát hiện trạng sử dụng đất, không gian xây dựng và các khu chức năng đô thị, xác định diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng khoảng 10,1 km².

- Áp dụng công thức trên:

- D_1 = 43.933 / 10,33 = 4.253 người/km².

- Như vậy, mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị của xã Lạc Đạo hiện nay làm tròn khoảng 4.253 người/km².

- Mức mật độ này cho thấy dân cư trên địa bàn đã có sự tập trung tương đối cao trong các khu vực đã hình thành không gian xây dựng. Với diện tích tự nhiên của xã khoảng 22,1 km², diện tích đất xây dựng 10,33 km², trong khi tập trung toàn bộ quy mô dân số khoảng 43,9 nghìn người. Điều này phản ánh đặc điểm không gian của Lạc Đạo là đan xen giữa các khu vực dân cư, đô thị và các khu chức năng xây dựng với không gian nông nghiệp, mặt nước và các khu vực chưa xây dựng.

- Quá trình đô thị hóa trên địa bàn đang tiếp tục được thúc đẩy bởi sự phát triển của công nghiệp, thương mại - dịch vụ, các khu dân cư tập trung và hệ thống hạ tầng giao thông, tạo điều kiện gia tăng dân số cơ học và thúc đẩy sự tập trung dân cư tại các khu vực có điều kiện hạ tầng thuận lợi. Hồ sơ thành lập phường Lạc Đạo cũng nhận định quá trình phát triển phường gắn với công nghiệp hóa, gia tăng quy mô và mật độ dân số, đồng thời đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và tổ chức không gian đô thị.

- Với mật độ khoảng 4.253 người/km², Lạc Đạo có mức độ tập trung dân cư khá cao trên quỹ đất đã xây dựng. Chỉ tiêu này cho thấy quá trình đô thị hóa không chỉ thể hiện ở sự mở rộng diện tích xây dựng mà còn ở sự tập trung dân cư và khai thác tương đối hiệu quả quỹ đất đô thị hiện hữu.

- Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển mô hình đô thị tập trung, tăng hiệu quả khai thác các hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, đồng thời tạo cơ sở hình thành các trung tâm dịch vụ, thương mại và các không gian công cộng có quy mô phục vụ lớn hơn.

- Trong giai đoạn tới, khi các dự án đô thị, nhà ở, công nghiệp, thương mại - dịch vụ và hạ tầng khung tiếp tục được triển khai, diện tích đất xây dựng và quy mô dân số của Lạc Đạo dự kiến tiếp tục tăng. Do đó, việc phát triển không gian đô thị cần được kiểm soát theo hướng tập trung, hợp lý, gắn mật độ dân cư với năng lực đáp ứng của giao thông, cấp nước, thoát nước, trường học, y tế, thiết chế văn hóa, cây xanh và các công trình hạ tầng xã hội khác. Đồng thời cần ưu tiên khai thác hiệu quả quỹ đất đã có hạ tầng, hạn chế phát triển đô thị dàn trải.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại và thành lập phường thuộc đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu về mật độ dân số trên diện tích đất xây dựng đô thị tối thiểu phải đạt từ 4.000 người/km² trở lên (Khung điểm đánh giá từ 8,0 đến 10,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Chỉ số thực tế của xã Lạc Đạo đạt 4.253 người/km², vượt qua mức sàn yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Kết luận: Đối chiếu với các quy định pháp lý hành chính, chỉ tiêu mật độ dân số trên diện tích đất xây dựng đô thị của xã Lạc Đạo đã đáp ứng tốt yêu cầu quy chuẩn đô thị loại III. Kết quả này cho thấy địa phương đang sở hữu một cấu trúc dân cư và đất đai cân bằng, có dư địa hợp lý để tiếp tục dung nạp dân số cơ học trong các giai đoạn phát triển tiếp theo mà không gây áp lực cực đoan lên hệ thống an sinh xã hội.

- Theo phương pháp chấm điểm của thang điểm mới, tiêu chuẩn mật độ dân số đô thị trên diện tích đất đô thị của xã Lạc Đạo đạt điểm số rất cao: ***8,25 / 10,0 điểm.***

4.2.2. Tỷ lệ diện tích đất xây dựng hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, chỉ tiêu này là thước đo quan trọng đánh giá mức độ thực hiện quy hoạch, tốc độ phát triển hạ tầng thực tế và năng lực giải phóng nguồn lực đất đai của địa phương. Chỉ số này cho thấy không gian đô thị hiện hữu đã bám sát và hiện thực hóa được bao nhiêu phần trăm so với kịch bản phát triển dài hạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tránh tình trạng "quy hoạch treo" hoặc phát triển tự phát ngoài tầm kiểm soát.

- Chỉ số được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa diện tích đất xây dựng đô thị thực tế tại thời điểm kiểm kê so với diện tích đất được định hướng xây dựng đô thị trong đồ án quy hoạch chung/quy hoạch phân khu.

b. Hiện trạng thực tế và kết quả tính toán tại xã Lạc Đạo

- Đất xây dựng đô thị hiện trạng trên địa bàn xã Lạc Đạo khoảng 1.032,98 ha, chiếm khoảng 65,35% tổng diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch. Kết quả cho thấy quá trình đầu tư xây dựng và đô thị hóa trên địa bàn đã đạt được mức độ nhất định, đồng thời vẫn còn quỹ đất xây dựng đô thị lớn theo định hướng quy hoạch để tiếp tục phát triển các khu chức năng đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các khu dân cư trong giai đoạn tiếp theo.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại và đánh giá trình độ phát triển hạ tầng đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu về tỷ lệ đất xây dựng hiện trạng so với quy hoạch phải đạt tỷ lệ lấp đầy cao và bền vững (thông thường mức trên 75% tùy loại đô thị đã được xếp vào nhóm tối đa nhằm khuyến khích các đô thị phát triển thực chất, không vẽ quy hoạch quá rộng so với năng lực thực hiện). Khung điểm đánh giá tối đa cho chỉ tiêu này là 6,0 điểm.

- Kết quả đối chiếu thực tế: Tỷ lệ thực tế của xã Lạc Đạo đạt 65,35%.

- Kết luận: Đối chiếu với các quy định pháp lý, chỉ tiêu tỷ lệ diện tích đất xây dựng hiện trạng so với quy hoạch của xã Lạc Đạo đạt kết quả tốt. Điều này khẳng định năng lực điều hành, quản lý trật tự xây dựng và thu hút đầu tư hạ tầng của địa phương rất hiệu quả, tạo nền tảng vững chắc để vận hành một đô thị tinh gọn, hiệu năng cao trong tương lai gần.

- Theo thang điểm phân loại mới nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tiêu chuẩn Tỷ lệ diện tích đất xây dựng hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch của xã Lạc Đạo đánh giá đạt: ***5,42 / 6,0 điểm.***

4.2.3. Tỷ trọng Công nghiệp – Xây dựng – Dịch vụ

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định:

- Theo quy định về đánh giá trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đô thị, chỉ tiêu này nhằm đo lường mức độ hoàn thành và tính nghiêm túc trong việc thực hiện kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo nghị quyết Đại hội Đảng bộ và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của địa phương.

- Chương trình tính điểm quy định rõ: Khi chỉ số thực tế hoàn thành trùng khớp với mục tiêu đề ra sẽ đạt mức điểm sàn/tối thiểu; trường hợp chỉ số thực tế vượt từ 4% trở lên so với mục tiêu sẽ được chấm điểm tối đa (4,0 điểm). Các mức hoàn thành tiệm cận được tính điểm phân tán theo bậc thang tương ứng.

b. Hiện trạng cơ cấu và thực tế tăng trưởng tại xã Lạc Đạo:

- Trong giai đoạn vừa qua, chính quyền địa phương đã tập trung chỉ đạo quyết liệt các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế theo chiều sâu, hỗ trợ doanh nghiệp, thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp, đẩy mạnh tiểu thủ công nghiệp - làng nghề và mở rộng hệ thống thương mại, dịch vụ đô thị.

- Mục tiêu kế hoạch đề ra: Tỷ trọng ngành Công nghiệp – Xây dựng – Dịch vụ trong cơ cấu kinh tế đặt mục tiêu đạt 79,45%.

- Kết quả thực hiện thực tế: Tỷ trọng khối ngành Công nghiệp – Xây dựng – Dịch vụ bứt phá mạnh mẽ, đạt 98,70% trong tổng cơ cấu kinh tế.

- Đánh giá mức độ hoàn thành: Tỷ lệ thực hiện thực tế (98,70%) đã vượt 19,25% so với mục tiêu kế hoạch ban đầu (79,45%), tương ứng đạt 124,23% so với chỉ tiêu đề ra.

- Động lực chuyển dịch: Tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra nhanh chóng và bền vững nhờ sự đóng góp chủ lực từ sản xuất công nghiệp tập trung, tiểu thủ công nghiệp làng nghề và sự phát triển sôi động của các ngành thương mại, dịch vụ, vận tải, logistics trên địa bàn, giúp giảm nhanh tỷ trọng ngành nông nghiệp và khẳng định hình thái đô thị nén hiện đại

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Theo phương pháp tính điểm áp dụng cho đô thị loại III, tiêu chuẩn tỷ trọng Công nghiệp – Xây dựng – Dịch vụ của xã Lạc Đạo đánh giá đạt điểm tối đa: ***4,0 / 4,0 điểm.***

Bảng 10: Tính đếm tiêu chí mức độ đô thị hóa

QUY ĐỊNH					HIỆN TRẠNG	
Stt	**Tiêu chí, tiêu chuẩn**	**Đơn vị tính**	**Mức quy định đối với đô thị loại III**	**Điểm**	**Tiêu chí, tiêu chuẩn**	**Điểm**
	Tiêu chí 2: Mức độ đô thị hóa			**15,5-20**		17,67
1	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị	người/km ^{2}	≥ 6.000	10	4.253	8,25
			4.000			
			> 25.000	8		
2	Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị	%	≥ 75	6	65,35	5,42
			50	4,5		
3	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	%	Vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	4	Vượt so với mục tiêu đề ra 19,25%	4,0
			Đạt mục tiêu đề ra	3		

**** Tổng cộng đánh giá tiêu chí mức độ đô thị hóa đạt: 17,67/20 điểm.***

4.3. Tiêu chí 3: Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị

4.3.1. Nhóm tiêu chuẩn hạ tầng kỹ thuật

4.3.1.1. Giao thông

a). Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị

Theo quy định: Tỷ lệ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa diện tích đất giao thông đô thị và diện tích đất xây dựng đô thị.

Công thức tính: $$A = \frac{B}{S1} \times 100$$

Trong đó:

A: Tỷ lệ diện tích đất giao thông so với đất xây dựng đô thị (%);

B: Diện tích đất giao thông đô thị (km2);

S1: Diện tích đất xây dựng đô thị (km2);

Tổng diện tích đất giao thông đô thị là 249,77 ha, bao gồm diện tích đường đô thị, công trình đầu mối giao thông, diện tích đường giao thông đối ngoại và diện tích bến, bãi đỗ xe trên địa bàn đô thị. Diện tích đất xây dựng đô thị là 1.032,98 ha. Tiêu chí tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị đạt 24,18%.

*Đánh giá đạt **3,0/3,0 điểm.***

b). Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người

Theo quy định: Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người được tính bằng diện tích đất giao thông đô thị trên tổng dân số đô thị. Công thức tính:

$$I = \frac{B}{T}$$

I. Diện tích đất giao thông đô thị bình quân (m^2/người);

B: Diện tích đất giao thông đô thị (m^2);

T: Tổng dân số đô thị (người)

Diện tích đất giao thông đô thị/dân số đô thị đạt 56,85m^2/người, được tính bằng 2.497.734m^2 đất giao thông đô thị/43.933 dân số đô thị.

*Đánh giá đạt **3,0/3,0 điểm.***

c). Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính

- Theo quy định: Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính là tỷ lệ phần trăm (%) giữa các đoạn đường tính từ đường khu vực trở lên được ngầm hóa đường dây, cáp trên tổng chiều dài đường từ đường khu vực trở lên.

- Trong quá trình phát triển đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật của xã Lạc Đạo từng bước được đầu tư, cải tạo và hoàn thiện, trong đó có hệ thống đường dây, đường cáp phục vụ cấp điện, thông tin liên lạc và viễn thông. Việc ngầm hóa hệ thống đường dây, đường cáp trên các tuyến phố chính góp phần bảo đảm an toàn, giảm tình trạng dây dẫn chằng chịt trên không, đồng thời nâng cao mỹ quan và chất lượng cảnh quan đô thị.

- Tỷ lệ ngầm hóa được xác định như sau: Chiều dài đường phố chính đã được ngầm hóa đường dây, đường cáp = 6,6 km; Tổng chiều dài đường phố chính = 28,5 km.

- Do đó: 6,6/28,5×100≈23,16%

- Như vậy, tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên các tuyến phố chính của xã Lạc Đạo đạt khoảng 23,16%.

- Tỷ lệ ngầm hóa đạt khoảng 23,16% cho thấy hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị của Lạc Đạo đã bước đầu được đầu tư theo hướng hiện đại, đồng bộ, đặc biệt tại các tuyến đường giao thông chính. Việc ngầm hóa một phần hệ thống đường dây, đường cáp góp phần bảo đảm an toàn vận hành, hạn chế ảnh hưởng của thời tiết, giảm nguy cơ mất an toàn điện và nâng cao mỹ quan đô thị.

- Tuy nhiên, vẫn còn trên 70% tổng chiều dài tuyến phố chính chưa được ngầm hóa. Hệ thống đường dây, đường cáp trên không tại các tuyến này có thể ảnh hưởng đến mỹ quan, cảnh quan và tính đồng bộ của hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị. Vì vậy, trong quá trình xây dựng Lạc Đạo theo định hướng đô thị loại III, cần tiếp tục ưu tiên đầu tư ngầm hóa hệ thống đường dây, đường cáp, nhất là trên các tuyến phố chính, các tuyến đường trung tâm, khu vực phát triển đô thị mới và các khu vực có yêu cầu cao về cảnh quan.

- Đồng thời, việc ngầm hóa cần được thực hiện đồng bộ giữa hệ thống điện, viễn thông và các loại cáp kỹ thuật, gắn với đầu tư cải tạo, nâng cấp đường giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạn chế tình trạng đào đường nhiều lần và bảo đảm hiệu quả đầu tư.

- Kết luận: Với tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính của xã Lạc Đạo hiện đạt 23,16%. Đây là cơ sở cho thấy hạ tầng kỹ thuật đô thị đã từng bước được hiện đại hóa; tuy nhiên cần tiếp tục đầu tư để mở rộng phạm vi ngầm hóa, hướng tới hoàn thiện đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và nâng cao chất lượng cảnh quan đô thị.

Đánh giá đạt 0,0/3,0 điểm.

**** Tổng cộng đánh giá tiêu chí giao thông đạt: 6,00 điểm.***

4.3.1.2. Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

a). Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người

- Theo quy định: Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người được tính bằng tổng số lít nước sạch sinh hoạt sử dụng trung bình trong 01 ngày đêm trên tổng dân số đô thị.

- Theo số liệu hiện trạng, tổng lượng nước sạch sinh hoạt sử dụng trung bình trong 1 ngày đêm là 5.013.634 lít/ngày đêm. Với dân số hiện trạng của xã Lạc Đạo khoảng 43.933 người, mức tiêu thụ nước sạch sinh hoạt bình quân đầu người được xác định như sau:

- Mức tiêu thụ bình quân = 5.013.634 / 43.933 ≈ 120 lít/người/ngày đêm.

- Như vậy, mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người của xã Lạc Đạo đạt khoảng 120 lít/người/ngày đêm.

- Mức tiêu thụ trên cho thấy hệ thống cấp nước tập trung đã đáp ứng một phần đáng kể nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của người dân, góp phần nâng cao chất lượng điều kiện sống và từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo hướng đô thị. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển xã Lạc Đạo theo định hướng đô thị loại III, cần tiếp tục mở rộng phạm vi phục vụ của hệ thống cấp nước tập trung, nâng cao tỷ lệ dân cư được cấp nước từ hệ thống tập trung, bảo đảm chất lượng nước và khả năng cấp nước ổn định, đồng thời từng bước nâng cao mức tiêu thụ nước sạch phù hợp với mức sống và yêu cầu phát triển đô thị.

Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

b). Thoát nước chống ngập úng đô thị

Theo quy định: Thoát nước chống ngập úng đô thị được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số lượng điểm ngập úng (điểm ngập úng là điểm có một trong ba yếu tố sau: có thời gian ngập úng ≥ 01 giờ sau khi dứt mưa hoặc có diện tích ngập ≥ 4.000m2 hoặc độ sâu ngập ≥ 0,3m) được khắc phục trên tổng số điểm ngập úng trên địa bàn trong năm.

- Theo số liệu hiện trạng, trên địa bàn xã Lạc Đạo không có điểm ngập úng:

Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

c). Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật

Theo quy định: Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa dân số được cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật trên tổng dân số đô thị. Căn cứ số liệu điều tra tại phụ lục bảng biểu 9: thống kê khối lượng nước thải, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý, xác định tỷ lệ dân số được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật là 40%.

Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

**** Tổng cộng đánh giá tiêu chí Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải đạt: 6,00 điểm.***

4.3.1.3. Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị

a). Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom

Theo quy định: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đã được thu gom trên tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát thải.

Căn cứ số liệu điều tra tại phụ lục bảng biểu 9: thống kê khối lượng nước thải, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý, xác định tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 95%.

Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

b). Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn

Căn cứ số liệu điều tra tại phụ lục bảng biểu 9: thống kê khối lượng nước thải, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý, xác định tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt 78%.

Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

c). Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng

Theo quy định: Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số trường hợp sử dụng hình thức hỏa táng hoặc các hình thức táng hiện đại khác trên tổng số ca tử trần.

Căn cứ số liệu điều tra tại phụ lục bảng biểu 9: thống kê khối lượng nước thải, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý, xác định tỷ lệ sử dụng hình thức hoả táng đạt trên 40%.

Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

**** Tổng cộng đánh giá tiêu chí Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị đạt: 4,0/4,0 điểm.***

4.3.1.4. Cấp điện và chiếu sáng công cộng

a). Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người

Theo quy định: Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người được tính bằng bình quân tổng công suất sử dụng điện sinh hoạt trong năm trên tổng dân số đô thị.

Tổng công suất sử dụng điện sinh hoạt đạt 52.851.399 Kwh/năm. Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người đạt 1.203 Kwh/người/năm.

Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

b). Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng

Theo quy định: Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng chiều dài các đoạn đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng trên tổng chiều dài tuyến đường cấp khu vực, cấp nội bộ trên địa bàn.

Năm 2025, tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng là 96%.

Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

c). Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh

Năm 2025, đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh, chiếm tỷ lệ 0%.

Đánh giá đạt 0,00/1,0 điểm.

4.3.1.5. Hạ tầng viễn thông

Theo quy định: Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định trên tổng số hộ gia đình.

Năm 2025, khu vực xã Lạc Đạo có 11.858 hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định, tổng số hộ gia đình trên địa bàn xã là 12.100 hộ. Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định đạt 98%.

Đánh giá đạt 1,95/2,0 điểm.

**** Kết quả đánh giá tổng tiêu chí về Hạ tầng kỹ thuật đạt: 20,95 điểm.***

4.3.2. Nhóm tiêu chuẩn hạ tầng xã hội

4.3.2.1. Nhà ở

a. Hiện trạng quỹ đất và cấu trúc phát triển không gian cư trú

Diện tích đất ở hiện trạng đạt 238,57 ha. Quỹ đất phân bổ tập trung dọc các trục giao thông chín), các trục liên xã và lõi dân cư hiện hữu.

Không gian ở có sự bứt phá mạnh mẽ, dịch chuyển từ mô hình làng xã truyền thống sang cấu trúc đô thị sinh thái hiện đại. Sự hình thành và vận hành của các khu ở mới đóng vai trò là động lực cốt lõi, giúp nâng cao chất lượng hạ tầng cho khu vực.

Hệ thống nhà ở trên địa bàn xã Lạc Đạo phát triển đồng bộ, khang trang và văn minh. Chỉ tiêu chất lượng nhà ở đạt mức tuyệt đối (100% kiên cố), phản ánh chất lượng đời sống cao của cư dân và đáp ứng xuất sắc các quy định cứng về tiêu chuẩn phát triển nhà ở đối với đô thị.

- *Diện tích nhà ở bình quân đầu người:* Theo quy định: Diện tích nhà ở bình quân đầu người được tính bằng tổng diện tích sàn nhà ở trên tổng dân số. Công thức tính: I = B / T Trong đó:

I: Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m^2 sàn/người);

B: Tổng diện tích sàn nhà ở (m^2);

T: Tổng dân số (người).

Diện tích nhà ở bình quân đầu người xã Lạc Đạo đạt 35 m^2 sàn/người, được tính bằng tổng diện tích sàn nhà ở 1.537.655 m^2 / 43.933 dân số.

Đánh giá đạt 4,0/4,0 điểm.

- *Nhà ở xã hội*: Theo quy định: Tiêu chí nhà ở xã hội được đánh giá dựa trên số lượng dự án nhà ở xã hội đã đưa vào sử dụng hoặc đang xây dựng trên địa bàn. Trên địa bàn hiện có 1 dự án nhà ở xã hội đang có chủ trương đầu tư.

Đánh giá đạt 1,5 / 2,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Có ≥ 1 dự án được 2 điểm; Đang xây dựng được 1,5 điểm).

4.3.2.2. Công trình công cộng

- Đất dân dụng bình quân đầu người: Theo quy định: Đất dân dụng bình quân đầu người được tính bằng tổng diện tích đất dân dụng trên tổng dân số. Công thức tính: I = B / T Trong đó:

I: Đất dân dụng bình quân đầu người (m2/người);

B: Tổng diện tích đất dân dụng (m2);

T: Tổng dân số (người).

Đất dân dụng bình quân đầu người xã Lạc Đạo đạt 104,21 m2/người, được tính bằng Tổng diện tích đất dân dụng 457.830 m^2 / 43.933 dân số.

Đánh giá đạt 3,0 / 3,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Đạt 50 đến 110 m^2/người được 3 điểm; < 50 m^2/người được 2 điểm; > 110 m^2/người được 0 điểm).

- Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người: Theo quy định: Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người được tính bằng tổng diện tích đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở trên tổng dân số.

Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người xã Lạc Đạo đạt 3,82 m^2/người, được tính bằng 16,8 ha đất đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng / 43.933 dân số.

Đánh giá đạt 3,82 / 4,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Đạt ≥ 4,0 m^2/người được 4 điểm; đạt 3,0 m^2/người được 3 điểm).

- Số trường công lập đạt chuẩn: Theo quy định: Tiêu chí này được đánh giá dựa trên tỷ lệ phần trăm các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia.

Hiện nay, tỷ lệ trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trên địa bàn xã 100% đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Đánh giá đạt 3,0 / 3,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Đạt 80% mức 1 trở lên và ít nhất 20% mức 2 được 3 điểm; Đạt 60% mức 1 trở lên được 2,5 điểm).

- Trường tiểu học công lập trên quy mô dân số: Theo quy định: Tiêu chí này đánh giá mức độ đáp ứng của hệ thống trường tiểu học công lập so với quy mô dân số trên địa bàn. Hiện tại, mạng lưới trường tiểu học công lập trên địa bàn xã Lạc Đạo đang đáp ứng tỷ lệ 01 trường / 8.787 người.

Đánh giá đạt 0,0/ 3,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Đáp ứng 01 trường/6.000 người được 3 điểm; Đáp ứng 01 trường/8.000 người được 2,5 điểm).

- Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở bình quân: Theo quy định: Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân được tính trên tổng dân số. Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở bình quân tính trên đầu người đạt 1,8 m2/người.

Đánh giá đạt 2,0/ 3,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Đạt ≥ 2,0 m2/người được 3 điểm; đạt 1,8 m2/người được 2 điểm).

- *Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao bình quân:* Theo quy định: Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao) bình quân được tính trên tổng dân số. Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao bình quân xã Lạc Đạo đạt 1,95 m2/người.

Đánh giá đạt 3,0 / 3,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Đạt ≥ 1,5 m2/người được 3 điểm; đạt 1,0 m2/người được 2 điểm).

4.3.3. Nhóm tiêu chuẩn không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị

4.3.3.1. Không gian đô thị

- *Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người:* Theo quy định: Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người được tính bằng tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng trên tổng dân số. Công thức tính: I = B / T

Trong đó:

I: Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người (m2/người);

B: Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng (m2);

T: Tổng dân số (người).

Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người đạt 2,05 m2/người.

Đánh giá đạt 1,53/ 2,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Đạt ≥ 3 m2/người được 2 điểm; đạt 2 m2/người được 1,5 điểm).

- Số lượng không gian xanh công cộng có quy mô từ 2.000 m2 trở lên: Theo quy định: Tiêu chí này được đánh giá dựa trên tổng số lượng các khu không gian xanh công cộng (công viên, vườn hoa, quảng trường...) có quy mô diện tích từ 2.000 m2 trở lên hiện có trên địa bàn. Hiện nay, trên địa bàn xã Lạc Đạo có trên 5 khu không gian xanh công cộng đạt quy mô từ 2.000 m2 trở lên.

Đánh giá đạt 2,0 / 2,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Có ≥ 5 khu được 2 điểm; có 1 khu được 1,5 điểm).

4.3.3.2. Kiến trúc, cảnh quan đô thị

- *Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị:* Theo quy định: Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị là tỷ lệ phần trăm (%) giữa số tuyến phố (hoặc chiều dài tuyến phố) được công nhận đạt chuẩn văn minh đô thị trên tổng số tuyến phố (hoặc tổng chiều dài) của đô thị.

Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị đạt 0%.

Đánh giá đạt 0,0 / 2,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Đạt ≥ 40% được 2 điểm; đạt 20% được 1,5 điểm).

- *Số lượng công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ:* Theo quy định: Tiêu chí này được đánh giá dựa trên tổng số lượng các công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản, di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng, công nhận và đang được thực hiện công tác bảo vệ, gìn giữ, tôn tạo trên địa

bàn.

Hiện nay, trên địa bàn có 10 công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ.

Đánh giá đạt 1,0 / 1,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Có ≥ 3 công trình được 1 điểm; có 1 công trình được 0,75 điểm).

- *Công trình xanh:* Theo quy định: Tiêu chí này được đánh giá dựa trên số lượng các công trình trên địa bàn đã được đánh giá và cấp chứng nhận là "Công trình xanh" (đáp ứng các tiêu chuẩn về sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng và thân thiện với môi trường).

Hiện nay, trên địa bàn chưa có công trình xanh

Đánh giá đạt 0,0 / 1,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Có ≥ 2 công trình được 1 điểm; có 1 công trình được 0,75 điểm).

4.3.3.3. Quản trị đô thị

- *Kế hoạch phát triển đô thị:* Theo quy định: Tiêu chí này đánh giá việc địa phương đã lập, phê duyệt và ban hành Kế hoạch phát triển đô thị hay chưa, làm cơ sở để đầu tư và quản lý phát triển đô thị.

Hiện nay, địa phương đang lập Kế hoạch phát triển đô thị.

Đánh giá đạt 0,5/ 1,0 điểm.

- *Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình:* Theo quy định: Tỷ lệ này được tính bằng phần trăm (%) giữa số lượng hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận trong kỳ đánh giá.

Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 100%.

Đánh giá đạt 2,0 / 2,0 điểm.

- *Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch*: Theo quy định: Tiêu chí được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số lượng (hoặc chiều dài) các tuyến phố chính đã được cải tạo, chỉnh trang hoàn thành trong thực tế so với chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch.

Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch đạt 85%.

Đánh giá đạt 0,85 / 1,0 điểm.

- *Quản lý phát triển đô thị thông minh:* Theo quy định: Tiêu chí này đánh giá mức độ triển khai các đề án, dự án hoặc hạng mục thuộc chương trình phát triển đô thị thông minh (ví dụ: Trung tâm điều hành thông minh IOC, hệ thống camera giám sát an ninh giao thông, ứng dụng công dân số...).

Hiện nay, xã chưa triển khai ứng dụng công nghệ quản lý phát triển đô thị thông minh.

Đánh giá đạt 0,0 / 1,0 điểm.

- Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị: Theo quy định: Tiêu chí này được đánh giá dựa trên kết quả khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước cung cấp dịch vụ công trên địa bàn.

Qua khảo sát, mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị đạt 100%.

Đánh giá đạt 2,0 / 2,0 điểm.

4.4. Tổng hợp đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá trình độ phát triển đô thị

Từ những đánh giá trên, đô thị đã đạt được những trình độ tương ứng trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội và kết cấu hạ tầng đô thị. Đối chiếu với các tiêu chuẩn tại Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15 về phân loại đô thị: Trong 37 tiêu chuẩn, đánh giá tính điểm có:

- 21 tiêu chuẩn đạt ngưỡng tối đa
- 4 tiêu chuẩn đạt mức khá
- 6 tiêu chuẩn đạt điểm tối thiểu
- 6 Tiêu chuẩn chưa đạt điểm

Kết quả đánh giá, tính điểm trình độ phát triển đô thị khu vực xã Lạc Đạo theo 3 nhóm tiêu chí đạt được 83,67 điểm, tổng hợp theo bảng sau:

Bảng 11: Tổng hợp kết quả tính điểm

STT	Các tiêu chí đánh giá	Thang điểm Tối đa – tối thiểu	Điểm
I	Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội	11,5-15	13,80
II	Tiêu chí mức độ đô thị hoá	15,5-20	17,67
III	Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị	48-65	52,20
	Tổng cộng toàn đô thị		**83,67**

Bảng 12: Chi tiết đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn trình độ phát triển theo thiêu chí đô thị loại III xã Lạc Đạo

QUY ĐỊNH						HIỆN TRẠNG	
Thứ tự	Mã tiêu chuẩn	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định đối với đô thị loại III	Điểm	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm
		TỔNG					**83,67**
I		**TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**			**11,5-15**		**13,80**
1	2B.I.01	Tỷ lệ tăng dân số	%	≥ 1,4	5	1,00	3,50

				1	3,5		
2	2B.I.02	Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố	Lần	≥ 1,2	6	1,11	5,30
				1	4,5		
3	2B.I.03	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%	< 4	4	0,18	4,00
				5	3,5		
		Điểm cộng					
-		Có công trình cấp quốc gia, cấp tỉnh trên địa bàn				10	0,50
-		Tỷ lệ lao động trình độ cao đạt từ 50% trở lên				≥ 50	0,50
II		**TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA**			**15,5-20**		**17,67**
1	2B.II.04	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị	người/km ^{2}	≥ 6.000	10	4.253	8,25
				4.000	8		
				> 25.000			
2	2B.II.05	Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị	%	≥ 75	6	65,35	5,42
				50	4,5		
3	2B.II.06	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	%	Vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	4	Vượt mục tiêu đề ra 19,25%	4,00
				Đạt mục tiêu đề ra	3		
III		**TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ**			**48-65**		**52,20**
III.1		Về hạ tầng kỹ thuật			**18,5-25**		**21,00**
3.1.1		*Giao thông*			***6,5-9***		**6,00**
1	2B.III.07	Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị	%	≥ 17	3	24,18	3,00
				12	2		
2	2B.III.08	Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người	m²/người	≥ 9	3	56,85	3,00
				7	2		
3	2B.III.09	Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính	%	≥ 50	3	23,16	0,00
				40	2,5		
3.1.2		*Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải*			***4,5-6***		**6,00**
1	2B.III.10	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	lít/người/ngày đêm	100	2	120,00	2,00
				80	1,5		
2	2B.III.11	Thoát nước chống ngập úng đô thị	%	≥ 50	2	không có điểm ngập úng	2,00
				25	1,5		
3	2B.III.12	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 35	2	40	2,00
				20	1,5		
3.1.3		*Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị*			***3-4***		**4,00**
1	2B.III.13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	2	95,00	2,00
				80	1,5		
2	2B.III.14	Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn	%	≥75	1	78,00	1,00
				50	0,75		
3	2B.III.15	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	%	≥ 15	1	40,00	1,00
				5	0,75		
3.1.4		*Cấp điện và chiếu sáng công cộng*			***3-4***		3,00
1	2B.III.16	Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 1.000	2	1.203	2,00
				400	1,5		
2	2B.III.17	Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng	%	≥ 95	1	96	1,00
				80	0,75		
3	2B.III.18	Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh	%	≥ 50	1	0	0,00
				15	0,75		

3.1.5		*Hạ tầng viễn thông*			***1,5-2***		**2,00**
1	2B.III.19	Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định	%	100	2	98,00	1,95
				80	1,5		
		Điểm cộng					
-		Cung cấp điểm truy cập WiFi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng...)				100	0,05
-		Tỷ lệ dân số được phủ sóng 5G đạt 80% trở lên				100	-
III.2		Về hạ tầng xã hội			**18,5-25**		**20,82**
3.2.1		*Nhà ở*			***4,5-6***		**5,50**
1	2B.III.20	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m^2 sàn/người	≥ 32	4	35,00	4,00
				28	3		
2	2B.III.21	Nhà ở xã hội	Dự án	≥ 1	2	Đang xây dựng	1,50
				Đang xây dựng	1,5		
3.2.2		*Công trình công cộng*			***14-19***		**15,32**
1	2B.III.22	Đất dân dụng bình quân đầu người	m²/người	50 đến 110	3	104,21	3,00
				< 50	2		
				> 110	0		
2	2B.III.23	Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người	m²/người	≥ 4,0	4	3,82	3,82
				3	3		
3	2B.III.24	Số trường công lập đạt chuẩn		80% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên, trong đó ít nhất có 20% đạt mức độ 2	3	100% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	3,00
				60% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên	2,5		
4	2B.III.25	Trường tiểu học công lập trên quy mô dân số	trường	Đáp ứng 01 trường/6.000 người	3	8.787	0,00
				Đáp ứng 01 trường/8.000 người	2,5		
5	2B.III.26	Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân tính trên quy mô dân số	m²/người	≥ 2,0	3	1,80	2,00
				1,8	2		
6	2B.III.27	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao) cấp đơn vị ở bình quân tính trên quy mô dân số	m²/người	≥ 1,5	3	1,95	3,00
				1	2		
		Điểm cộng					
-		100% trường Trung học phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên				100,00	0,50
-		Có cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.					
III.3		Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị			**11-15**		**10,38**
3.3.1		*Không gian đô thị*			***3-4***		3,53
1	2B.III.28	Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người	m²/người	≥ 3	2	2,05	1,53
				2	1,5		
2	2B.III.29	Số lượng không gian xanh công cộng có	Số khu	≥ 5	2	≥ 5	2,00

		quy mô từ 2.000 m ^{2} trở lên		1	1,5		
		Điểm cộng					
3.3.2		*Kiến trúc, cảnh quan đô thị*			***3-4***		**1,00**
1	2B.III.30	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	%	≥ 40	2	0	0,00
				20	1,5		
2	2B.III.31	Số lượng công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ	Công trình	≥ 3	1	10	1,00
				1	0,75		
3	2B.III.32	Công trình xanh	Công trình	≥ 2	1	0	0,00
				1	0,75		
3.3.3		*Quản trị đô thị*			***5-7***		**5,85**
1	2B.III.33	Kế hoạch phát triển đô thị		Đã thực hiện ≥ 03 năm	1	có kế hoạch	0,50
				Có kế hoạch	0,5		
2	2B.III.34	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	%	≥ 60	2	100	2,00
				35	1,5		
3	2B.III.35	Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch	%	100	1	85,00	0,85
				75	0,75		
4	2B.III.36	Quản lý phát triển đô thị thông minh		Đã triển khai ≥ 01 dịch vụ tiện ích đô thị thông minh	1	0	0,00
				Có đề án hoặc kế hoạch phát triển đô thị thông minh	0,75		
5	2B.III.37	Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị	%	≥ 95	2	100	2,00
				90	1,5		
		Điểm cộng					
		Số vụ tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng trung bình ≤ 01 vụ trên năm trong 03 năm gần nhất					0,50
		Số vụ cháy nổ nghiêm trọng xảy ra trung bình ≤ 01 vụ/năm trong 03 năm gần nhất					-

V. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÔ THỊ TRONG GIAI ĐOẠN TIẾP THEO

5.1. Quan điểm triển khai kế hoạch

Kế hoạch nâng cao chất lượng đô thị xã Lạc Đạo trong giai đoạn tiếp theo được xây dựng và thực thi dựa trên các quan điểm chỉ đạo xuyên suốt sau:

1. Tuân thủ tuyệt đối quy hoạch, phát triển đô thị có kỷ cương

Phát triển không gian và hạ tầng kỹ thuật - xã hội bám sát định hướng Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên), Đồ án Quy hoạch chung xây dựng huyện Văn Lâm đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 1066/QĐ-UBND và Quyết định số 2013/QĐ-UBND) cùng Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu đô thị Lạc Đạo. Kiên quyết quản lý đô thị bằng công cụ quy hoạch và pháp luật; chấm dứt tình trạng xây dựng tự phát, vi phạm hành lang công trình đường bộ, đường sắt, thủy lợi, đê điều hoặc điều chỉnh quy hoạch cục bộ làm phá vỡ cấu trúc không gian đô thị thông minh - xanh - hiện đại

2. Phát triển đô thị hiện đại gắn kết công nghiệp phụ trợ, thương mại dịch vụ và sinh thái:

Đô thị hóa tại Lạc Đạo kết hợp hài hòa giữa phát triển hạ tầng đô thị mới và

tôn tạo, giữ gìn bản sắc các khu dân cư, làng nghề truyền thống:

- Hiện đại hóa: Khai thác tối đa vị trí cửa ngõ Vùng I - Vùng động lực phía Bắc của tỉnh (tiếp giáp Thủ đô Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh, đô thị Như Quỳnh và phường Mỹ Hào), gắn kết chặt chẽ các trục kinh tế trọng điểm (Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội, tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, ĐT.380, ĐT.385, ĐH.15, ĐH.19) cùng các cụm công nghiệp tập trung (CCN Lạc Đạo, CCN Minh Hải I) để làm đòn bẩy nâng cấp hạ tầng toàn diện.
- Bảo tồn bản sắc và hành lang sinh thái: Giữ gìn và phát huy không gian cảnh quan văn hóa, di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh như Chùa Hương Lãng, Đình làng thôn Thanh Đặng; khai thác hành lang cảnh quan sinh thái ven sông Bắc Hưng Hải (Bắc Hải Hưng), bảo đảm diện tích mặt nước, dải cây xanh cách ly và các mô hình nông nghiệp đô thị ứng dụng công nghệ cao.

3. Lấy chất lượng sống của người dân làm thước đo; hạ tầng đi trước một bước

Mục tiêu nâng cấp đô thị là phục vụ nhân dân. Tập trung nguồn lực đưa các tiện ích kỹ thuật đô thị hiện đại (mạng lưới nước sạch tập trung 100%, điện ngầm hóa tuyến chính, thoát nước và thu gom xử lý nước thải sinh hoạt độc lập, đèn LED chiếu sáng tiết kiệm điện thông minh) vào sâu trong 21 thôn dân cư hiện hữu. Phát triển đô thị đi đôi với an sinh xã hội, giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều bền vững từ mức 0,18% (năm 2025) xuống 0% vào năm 2030; trên 99% người dân tham gia BHYT.

4. Khớp nối, đồng bộ toàn diện không gian sau sáp nhập

Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xóa bỏ tư duy phân tán theo địa giới cũ của 03 xã (Chỉ Đạo, Minh Hải và Lạc Đạo cũ). Nhìn nhận và quản lý toàn bộ địa bàn xã Lạc Đạo như một chỉnh thể đô thị thống nhất rộng 2.210,38 ha với quy mô dân số 43.933 người, với 21 thôn tổ chức chuyển đổi thành các tổ dân phố đô thị. Tập trung xử lý dứt điểm các điểm nghẽn giao thông liên thôn, khớp nối hệ thống tiêu thoát úng nội đồng với hệ thống thoát nước đô thị và giải quyết triệt để vấn đề rác thải, bảo vệ môi trường giáp ranh.

5. Đột phá bằng công nghệ số và đa dạng hóa nguồn lực xã hội hóa

Xây dựng mô hình "Chính quyền đô thị" hiện đại dựa trên nền tảng chuyển đổi số toàn diện theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Đề án 06; đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số trong xử lý văn bản, nâng cao tỷ lệ tiếp nhận và giải quyết hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến, thúc đẩy thanh toán trực tuyến và hoàn thiện công tác số hóa dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Quán triệt phương châm "Nhà nước và Nhân dân cùng làm, doanh nghiệp đồng hành"; phát huy hiệu quả nguồn thu ngân sách địa phương bảo đảm cân đối vững chắc để làm vốn mồi đầu tư hệ thống hạ tầng khung, đồng thời tích cực huy động các nguồn lực

xã hội hóa từ cộng đồng doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ cá thể và toàn thể nhân dân nhằm chung tay chỉnh trang không gian sống đô thị.

Sợi chỉ đỏ xuyên suốt: "Tận dụng lợi thế cửa ngõ liên vùng Thủ đô để bứt phá hạ tầng khung – Phát huy sức mạnh công nghiệp và dịch vụ logistics – Xây dựng nếp sống văn minh đô thị – Ứng dụng chuyển đổi số vì chất lượng sống của nhân dân".

5.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

5.2.1. Mục tiêu tổng quát

Khắc phục các tiêu chuẩn còn yếu, còn thiếu của đô thị loại III theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 và Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 08/3/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên. Xây dựng và phát triển xã Lạc Đạo chuyển đổi thành công sang mô hình chính quyền đô thị (Phường Lạc Đạo trực thuộc tỉnh), trở thành hạt nhân phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics công nghệ cao tại Vùng động lực phía Bắc tỉnh Hưng Yên. Khớp nối đồng bộ hạ tầng giữa các khu vực mở rộng phát triển mới và 21 thôn dân cư hiện hữu, gắn phát triển kinh tế bền vững với bảo vệ môi trường sinh thái lưu vực sông Bắc Hưng Hải và bảo đảm an sinh xã hội.

5.2.2. Chỉ tiêu cụ thể nâng cao chất lượng đô thị

- Ban hành và áp dụng 100% Quy chế quản lý kiến trúc toàn đô thị
- Đạt 100% diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch
- 100% trục đường liên thôn được nhựa hóa, có vỉa hè và camera giám sát
- 100% nước thải sinh hoạt khu dân cư cũ được thu gom, xử lý độc lập
- 100% nhà văn hóa Tổ dân phố đạt chuẩn đô loại III
- Duy trì bền vững 0% hộ nghèo và cận nghèo đa chiều

5.3. Kế hoạch và giải pháp triển khai

a. Hoàn thiện quy hoạch, thể chế và công cụ quản lý kiến trúc đô thị

Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện đồ án Nhiệm vụ và Đồ án Quy hoạch phân khu đô thị Lạc Đạo trình UBND tỉnh phê duyệt theo đúng định hướng Quyết định số 579/QĐ-UBND.

Phối hợp với Sở Xây dựng lập, thẩm định và trình ban hành văn bản riêng: "Quy chế quản lý kiến trúc đô thị xã/phường Lạc Đạo" độc lập, làm cơ sở cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ, quản lý trật tự xây dựng, kiểm soát tầng cao, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và cốt nền tại 21 tổ dân phố.

Nâng cấp tổ chức bộ máy, vận hành hiệu quả Phòng Kinh tế và các bộ phận chuyên môn nhằm siết chặt kỷ cương quản lý đất đai, xây dựng và chỉnh trang đô thị; thực hiện nghiêm các kế hoạch kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự xây dựng, lấn chiếm lòng lề đường, hành lang thủy lợi, đê điều theo Kế hoạch 93a/KH-UBND và

Kế hoạch 53/KH-UBND của UBND tỉnh.

b. Đột phá hạ tầng kỹ thuật khung và mạng lưới giao thông liên vùng

Hạ tầng đối ngoại trọng điểm quốc gia và tỉnh: Phối hợp hoàn thành dứt điểm công tác giải phóng mặt bằng tuyến đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội và tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng; đẩy nhanh tiến độ cải tạo, nâng cấp đường ĐT.380 và ĐT.385.

Hạ tầng liên khu vực và chỉnh trang: Khẩn trương thi công hoàn thành tuyến đường ĐH.15 kéo dài (đoạn ĐT.380 đến ĐH.13) và cải tạo, nâng cấp đường ĐH.19; cải tạo, thảm nhựa hóa đồng bộ các tuyến đường giao thông liên thôn kết nối trung tâm 03 xã cũ. Phối hợp ngành đường sắt đóng triệt để 05 lối đi tự mở qua đường sắt Hà Nội - Hải Phòng bảo đảm an toàn giao thông đô thị.

Bến bãi đỗ xe tĩnh: Bố trí quỹ đất tại các khu đất dịch vụ thương mại, khu vực tiếp giáp ĐT.385, ĐT.380 và các khu tái định cư Vành đai 4 để đầu tư xây dựng các bãi đỗ xe công cộng tập trung, khắc phục tình trạng xe dừng đỗ lấn chiếm lòng lề đường.

c. Khớp nối đồng bộ hạ tầng môi trường và nâng cấp tiện ích công cộng

Thoát nước và xử lý nước thải: Khẩn trương xây dựng mạng lưới cống ngầm tách riêng hệ thống nước mưa và nước thải sinh hoạt tại các khu vực tập trung đông dân cư; đấu nối đồng bộ hệ thống thoát nước từ trạm điện thôn Ngọc, khu đấu giá thôn Hoằng, đường song hành Vành đai 4 và thôn Xanh Tý; từng bước chuẩn bị đầu tư trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của đô thị đạt quy chuẩn môi trường. Phối hợp Xí nghiệp thủy nông nạo vét, khơi thông dòng chảy định kỳ các tuyến kênh tưới tiêu và hành lang sông Bắc Hưng Hải để chống ngập úng mùa mưa bão.

Hạ tầng ngầm và chiếu sáng: Lắp đặt hệ thống đèn LED thông minh, tiết kiệm điện trên toàn bộ các tuyến đường cấp khu vực và nội bộ; từng bước phối hợp ngành điện và viễn thông ngầm hóa đường dây điện, cáp viễn thông trên các trục đường trung tâm hành chính - thương mại dọc tuyến ĐT.385 và các khu dân cư mới.

Môi trường đô thị và nghĩa trang: Duy trì tỷ lệ thu gom 100% rác thải sinh hoạt phối hợp với Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp Urenco-11; mở rộng các lớp tập huấn phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình trên toàn bộ 21 thôn. Từng bước cải tạo, khoanh vùng đóng cửa các nghĩa trang dòng họ phân tán nhỏ lẻ, hoàn thành nâng cấp nghĩa trang tập trung và tuyên truyền vận động nhân dân áp dụng hình thức hỏa táng văn minh.

d. Nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng xã hội và thiết chế công cộng

Giáo dục: Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, phòng chức năng cho các trường học trực thuộc (gồm mầm non, tiểu học, THCS và trường liên cấp); giữ vững 100% trường đạt chuẩn quốc gia; mở rộng diện tích các điểm trường đáp ứng gia tăng dân số cơ học.

Y tế: Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất 03 trạm y tế trên địa bàn đáp ứng đầy đủ tiêu chí Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã/phường, gia tăng số giường bệnh lưu trú tạm thời và khuyến khích mở rộng mạng lưới cơ sở khám chữa bệnh, phòng khám tư nhân phục vụ nhân dân.

Văn hóa - Thể thao: Nâng cấp, cải tạo và trang bị đầy đủ thiết bị âm thanh, sân chơi thể thao cho 21 nhà văn hóa thôn/tổ dân phố. Dành quỹ đất công cộng quy hoạch xây dựng Trung tâm dịch vụ văn hóa - thể thao đa năng cấp đô thị Lạc Đạo. Tôn tạo và phát huy giá trị di tích Chùa Hương Lãng và Đình Làng thôn Thanh Đặng (được xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 1298/QĐ-UBND).

e. Phát triển kinh tế đô thị, thu hút đầu tư công nghiệp sạch và thương mại dịch vụ

Phối hợp đẩy nhanh công tác GPMB dự án theo kế hoạch sử dụng đất, trọng tâm là bàn giao mặt bằng sạch cho CCN Lạc Đạo và CCN Minh Hải I để thu hút các nhà đầu tư công nghệ cao, thân thiện môi trường.

Hiện đại hóa hệ thống thương mại: Tiếp tục mở rộng, nâng cấp hạ tầng mạng lưới chợ dân sinh truyền thống (chợ Lạc Đạo); Vành đai 4 và tuyến đường sắt liên vùng; khuyến khích các doanh nghiệp và hộ cá thể mở rộng sản xuất kinh doanh, ứng dụng thanh toán số không dùng tiền mặt.

Nông nghiệp đô thị chất lượng cao: Chuyển đổi linh hoạt đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng rau màu chất lượng cao, phát triển vùng chăn nuôi an toàn sinh học VietGAP, cung cấp thực phẩm an toàn cho cư dân đô thị và công nhân tại các cụm công nghiệp.

5.4. Các chương trình, dự án đầu tư phát triển đô thị

5.4.1. Kế hoạch nâng cao các tiêu chuẩn còn yếu, còn thiếu của đô thị loại III

Căn cứ các nội dung rà soát, đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn tại phụ lục II Bảng 2A, 2B nghị quyết 111/2025/UBTVQH15 về phân loại đô thị. Tổng hợp các tiêu chí, tiêu chuẩn như sau:

1. Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá phân loại đô thị loại III:

- 14 tiêu chuẩn đạt điểm tối đa
- 01 tiêu chuẩn đạt điểm trung bình
- 04 tiêu chuẩn đạt điểm tối thiểu theo quy định
- 04 tiêu chuẩn chưa đạt điểm

2. Đánh giá trình độ phát triển đô thị của đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị:

- 21 tiêu chuẩn đạt điểm tối đa
- 04 tiêu chuẩn đạt điểm trung bình
- 06 tiêu chuẩn đạt điểm tối thiểu theo quy định

- 06 tiêu chuẩn chưa đạt điểm

3. Định hướng và giải pháp trọng tâm trong giai đoạn tiếp theo

Để hoàn thiện toàn diện hồ sơ nâng cấp đô thị loại III, địa phương tập trung triển khai các nhóm giải pháp chiến lược sau:

Chiến lược tích hợp và kết nối hạ tầng giai đoạn 2026 - 2030: Tập trung đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng khung, đưa chất lượng hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ công cộng tại 21 thôn dân cư hiện hữu tiệm cận với tiêu chuẩn đô thị hiện đại. Ưu tiên hoàn thành các công trình trong kế hoạch đầu tư công trung hạn sau sáp nhập.

Giải pháp 1: Hoàn thiện công cụ pháp lý và đồng bộ quy chế quản lý kiến trúc đô thị: Khẩn trương phối hợp với Sở Xây dựng hoàn thành đồ án Nhiệm vụ và Đồ án Quy hoạch phân khu đô thị Lạc Đạo theo đúng định hướng Quyết định số 579/QĐ-UBND của UBND tỉnh. Chủ động lập, thẩm định và trình UBND tỉnh ban hành văn bản pháp lý độc lập: "Quy chế quản lý kiến trúc cảnh quan và không gian đô thị phường Lạc Đạo". Quy định minh bạch về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, mật độ, cốt nền và tầng cao công trình tại 21 thôn/tổ dân phố, chấm dứt việc quản lý phụ thuộc và nâng điểm tiêu chí này lên mức tối đa (5,0/5,0 điểm).

Giải pháp 2: Giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch và đẩy mạnh phát triển công nghiệp - nhà ở đô thị: Tập trung cao độ công tác bồi thường, giải phóng mặt. Trọng tâm là bàn giao mặt bằng sạch cho CCN Lạc Đạo và CCN Minh Hải I, cùng dự án đường Vành đai 4 và tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng. Thu hút đầu tư các dự án nhà ở xã hội, khu nhà ở thương mại, hoàn thành hạ tầng các điểm đấu giá đất, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật nhằm gia tăng quy mô dân số cơ học, nâng cao tỷ lệ dân số đô thị và đưa tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với quy hoạch đạt ngưỡng 100%.

Giải pháp 3: Đột phá hạ tầng giao thông kết nối và xử lý điểm nghẽn hạ tầng kỹ thuật khung: Khẩn trương thi công hoàn thành tuyến đường ĐH.15 kéo dài (đoạn ĐT.380 đến ĐH.13) và cải tạo, nâng cấp đường ĐH.19; phối hợp đẩy nhanh cải tạo, nâng cấp ĐT.380 và ĐT.385. Từng bước nâng cấp, mở rộng và thảm nhựa các trục liên thôn, liên xã kết nối ra các tuyến đối ngoại huyết mạch. Quy hoạch bổ sung các bến bãi đỗ xe tĩnh tập trung phục vụ vận tải công nghiệp và dân sinh.

Giải pháp 4: Khớp nối đồng bộ hạ tầng thoát nước, xử lý môi trường và nước thải sinh hoạt: Triển khai lập dự án đầu tư trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, từng bước thi công hệ thống cống ngầm tách biệt triệt để nước mưa và nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư đông đúc (Đoan Khê, Hướng Đạo, Thanh Đặng, Nghĩa Lộ...).

Giải pháp 5: Hiện đại hóa thiết chế văn hóa - xã hội và bảo tồn di sản truyền thống: Nâng cấp, cải tạo toàn diện 21 nhà văn hóa thôn thành các trung tâm sinh hoạt văn hóa - thể thao đa năng của tổ dân phố sau khi lên phường. Tôn tạo, phát huy giá trị di tích Chùa Hương Lãng và Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh Đình

Làng thôn Thanh Đặng gắn với chuỗi dịch vụ - du lịch trải nghiệm ven sông Bắc Hưng Hải.

5.4.2. Phân tích nhu cầu dự án thiết yếu nhằm xây dựng xã Lạc Đạo đạt tiêu chuẩn đô thị loại III

- Việc xác định các dự án trên địa bàn xã Lạc Đạo cần đảm bảo tuân thủ các quy hoạch, chương trình, dự án, kế hoạch và phù hợp điều chỉnh quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Đồ án Quy hoạch chung xây dựng huyện Văn Lâm đến năm 2020, tầm nhìn 2030 (Quyết định số 1066/QĐ-UBND và Quyết định số 2013/QĐ-UBND) đã được phê duyệt.

- Đảm bảo sau khi xây dựng các dự án, điểm đô thị Lạc Đạo sẽ đạt tối thiểu trên điểm tiêu chuẩn về phân loại đô thị (>75 điểm)

Bảng 13. Phân tích nhu cầu dự án thiết yếu toàn đô thị giai đoạn đến năm 2030 và 2040

Thứ tự	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Thang điểm tối đa	Điểm hiện trạng	Dự án, chương trình thiết yếu để thêm điểm cho đô thị hoặc Ghi chú cho các hạng mục được điểm	Điểm thêm sau khi các dự án hoàn thành
	Tổng		**81,90**		**100**
I	**TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**	**15**	**15**		**15**
1	Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông	7	7	-	7
2	Vai trò, vị trí đô thị trung tâm: Có công trình trụ sở hành chính, công trình hạ tầng đô thị đã đầu tư, xây dựng, là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối	8	8	-	8
II	**TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA**	**20**	**18,70**		**20**
1	Quy mô dân số đô thị	7	5,7	Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm trên địa bàn, trọng tâm là hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CCN Lạc Đạo và CCN Minh Hải I nhằm thu hút lực lượng lao động, chuyên gia, kỹ sư về làm việc và cư trú lâu dài	7
2	Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên	6	6	-	6
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	7	7	-	7
III	**TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ**	**65**	**42,95**		**65**
III.1	**Về hạ tầng kỹ thuật**	**25**	**21,31**		**25**
3.1.1	***Giao thông***	***9***	**8,31**		**9**
1	Đầu mối giao thông	4	4	-	4
2	Mật độ đường giao thông đô thị	5	4,31	Cải tạo, mở rộng và thảm nhựa hóa đồng bộ các tuyến đường trục liên thôn, đường	5

				nội bộ; đẩy nhanh tiến độ thi công tuyến đường trên địa bàn	
3.1.2	***Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải***	*7*	**7**		**7**
1	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	3	3	-	3
2	Mật độ đường cống thoát nước chính	3	3	-	3
3	Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch	1	1	-	1
3.1.3	***Xử lý chất thải rắn***	**3**	**3**		**3**
1	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	3	3	-	3
3.1.4	***Nghĩa trang đô thị***	***6***	**3**		**6**
1	Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch	3	3	-	3
2	Nhà tang lễ	3	0	Trong Đồ án Quy hoạch phân khu và các quy hoạch chi tiết đô thị Lạc Đạo giai đoạn 2026 – 2030, chủ động rà soát, bố trí quỹ đất hạ tầng kỹ thuật phù hợp và đẩy mạnh thu hút nguồn vốn xã hội hóa đầu tư xây dựng công trình nhà tang lễ đô thị	3
III.2	**Về hạ tầng xã hội**	**25**	**14,64**		**25**
1	Số giường bệnh	5	5	-	5
2	Cơ sở giáo dục, đào tạo	5	3,89	Tập trung đầu tư cơ sở vật chất, phòng chức năng và trang thiết bị dạy học để nâng tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 lên 100%	5
3	Công trình văn hóa	5	5	-.	5
4	Công trình thể dục, thể thao	4	0	Bố trí quỹ đất và kêu gọi xã hội hóa đầu tư xây dựng thêm tối thiểu 01 công trình thể dục thể thao cấp đô thị, bảo đảm bán kính phục vụ dân sinh và đáp ứng 100% nhu cầu rèn luyện sức khỏe của cư dân đô thị trong tương lai.	4
5	Công trình thương mại, dịch vụ	3	0		3
6	Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người	3	2	tập trung ưu tiên quỹ đất tại các khu dân cư mới, khu vực tái định cư Vành đai 4 và các điểm đấu giá đất (vườn Xu, vườn Soi thôn Nghĩa Lộ, Trịnh Xá, Đông Mai), để đầu tư hoàn chỉnh mạng lưới công trình y tế, giáo dục, văn hóa, thương mại dịch vụ, bảo đảm chỉ tiêu đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người đạt chuẩn tối đa của đô thị loại III.	3
III.3	**Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị**	**15**	**7**		**15**
1	Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02ha trở lên	4	4	-	4
2	Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên	3	3	-	3
3	Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị	3	0	Triển khai kế hoạch trồng cây xanh bóng mát đường phố dọc các trục giao thông	3

				chính (ĐT.380, ĐT.385, ĐH.15 kéo dài, ĐH.19 và các tuyến đường trục liên thôn), đồng thời rà soát, tận dụng các quỹ đất xen kẹt, ven ao hồ trong 21 thôn dân cư để cải tạo, xây dựng các tiểu hoa viên, vườn hoa mini và dải cây xanh công cộng	
4	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	5	4	Phối hợp chặt chẽ với Sở Xây dựng khẩn trương hoàn thiện Đồ án Quy hoạch phân khu đô thị Lạc Đạo, làm cơ sở lập, thẩm định và trình UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt ban hành văn bản pháp lý độc lập: "Quy chế quản lý kiến trúc cảnh quan và không gian đô thị xã/phường Lạc Đạo". Quy định cụ thể, rõ ràng về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, cốt nền, tầng cao và kiến trúc công trình nhà ở riêng lẻ tại 21 thôn (chuyển thành tổ dân phố)	5

Bảng 14. Phân tích nhu cầu dự án thiết yếu trình độ phát triển toàn đô thị giai đoạn đến năm 2030 và 2040

Stt	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Thang điểm tối đa	Điểm hiện trạng	Dự án, chương trình thiết yếu để thêm điểm cho đô thị hoặc Ghi chú cho các hạng mục được điểm	Điểm thêm sau khi các dự án hoàn thành
	Tổng		**83,67**		**100**
I	**TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**	**15**	13,80		15
1	Tỷ lệ tăng dân số	5	3,5	Đẩy nhanh công tác GPMB các dự án trọng điểm trên địa bàn, trọng tâm là hạ tầng kỹ thuật CCN Lạc Đạo và CCN Minh Hải I nhằm thu hút lực lượng lao động, chuyên gia, kỹ sư về làm việc và cư trú lâu dài	5
2	Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố	6	5,3	Tiếp tục tạo điều kiện hỗ trợ mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh, thương mại - dịch vụ cho các doanh nghiệp và hộ cá thể đang hoạt động ổn định trên địa bàn nhằm duy trì đà tăng trưởng thu nhập bền vững	6
3	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	4	4	-	4
II	**TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA**	**20**	17,67		
1	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị	10	8,25	Phát triển mở rộng không gian đô thị theo quy hoạch phân khu; tập trung đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật - xã hội đồng bộ tại các khu dân cư mới và khu đấu giá đất để thu hút dân cư tập trung	10
2	Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị	6	5,42	Quản lý sử dụng đất chặt chẽ	6

	hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị			theo quy hoạch xây dựng được duyệt; ưu tiên tăng tầng cao công trình hợp lý đối với các dự án nhà ở, công trình công cộng để tiết kiệm quỹ đất, dành không gian mặt đất cho sân bãi, cây xanh và hạ tầng công cộng	
3	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	4	4	-	4
III	**TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ**	**65**	52,20		65
III.1	**Về hạ tầng kỹ thuật**	**25**	21,00		25
3.1.1	***Giao thông***	***9***	6		9
1	Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị	3	3	-	3
2	Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người	3	3	-	3
3	Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính	3	0	Phối hợp với ngành điện lực và viễn thông triển khai kế hoạch hạ ngầm toàn bộ mạng cáp thông tin, đường dây điện lực tại khu vực trung tâm hành chính xã và các trục phố thương mại - dịch vụ chính gắn với tuyến ĐT.385, ĐT.380 và ĐH.15.	3
3.1.2	***Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải***	***6***	6		6
1	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	2	2	-	2
2	Thoát nước chống ngập úng đô thị	2	2	-	2
3	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	2	2	-	2
3.1.3	***Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị***	***4***	4		4
1	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	2	2	-	2
2	Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn	1	1	-	1
3	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	1	1	-	1
3.1.4	***Cấp điện và chiếu sáng công cộng***	***4***	3		4
1	Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người	2	2	-	2
2	Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng	1	1	-	1
3	Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng	1	0	Tập trung nguồn lực thực hiện Đề án "Hiện đại hóa và thông minh hóa mạng lưới chiếu	1

	thông minh			sáng công cộng xã Lạc Đạo", thay thế bóng đèn sợi đốt bằng 100% đèn LED tiết kiệm điện, đèn năng lượng mặt trời và hệ thống điều khiển tự động thông minh trên các tuyến trục chính và đường liên thôn.	
3.1.5	***Hạ tầng viễn thông***	***2***	2,00		2
1	Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định	2	1,95	Triển khai chiến lược phổ cập hạ tầng viễn thông, mạng internet cáp quang băng rộng tốc độ cao và phát triển hệ thống wifi công cộng đến từng hộ gia đình, cơ quan, trường học và nhà văn hóa tại 21 thôn trên địa bàn.	2
	Cung cấp điểm truy cập Wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng...)		0,05		
III.2	**Về hạ tầng xã hội**	**25**	20,82		25
3.2.1	***Nhà ở***	***6***	5,5		6
1	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	4	4	-	4
2	Nhà ở xã hội	2	1,5	Quy hoạch quỹ đất và kêu gọi thu hút đầu tư các dự án nhà ở xã hội, nhà ở lưu trú công nhân đồng bộ hạ tầng kỹ thuật - dịch vụ, phục vụ lực lượng lao động tại CCN Lạc Đạo và CCN Minh Hải I	2
3.2.2	***Công trình công cộng***	***19***	15,32		19
1	Đất dân dụng bình quân đầu người	3	3	-	3
2	Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người	4	3,82	Bố trí đủ quỹ đất công cộng cho y tế, giáo dục, văn hóa, thương mại dịch vụ tại các khu dân cư mới đấu giá và khu vực cải tạo chỉnh trang xen cài trong 21 thôn dân cư hiện hữu	4
3	Số trường công lập đạt chuẩn	3	3	-	3
4	Trường tiểu học công lập trên quy mô dân số	3	0,0	Triển khai quy hoạch bổ sung công trình giáo dục, đầu tư, nâng cấp và mở rộng quy mô các trường tiểu học công lập trên địa bàn nhằm bảo đảm bán kính phục vụ chuẩn và đáp ứng nhu cầu tăng dân số học đường	3
5	Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân tính trên quy mô dân số	3	2	Quy hoạch mở rộng khuôn viên, bổ sung quỹ đất đạt chuẩn diện tích cho hệ thống trường công lập trực thuộc (mầm non, tiểu học, THCS và TH&THCS)	3
6	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các	3	3	-	3

	công trình văn hóa thể thao) cấp đơn vị ở bình quân tính trên quy mô dân số				
III.3	**Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị**	**15**	10,35		15
3.3.1	***Không gian đô thị***	***4***	3,5	-	4
1	Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người	2	1,5	Triển khai kế hoạch trồng cây xanh bóng mát đường phố dọc các tuyến ĐT.380, ĐT.385, ĐH.15 kéo dài, ĐH.19 và đường trục liên thôn	2
2	Số lượng không gian xanh công cộng có quy mô từ 2.000 m^2 trở lên	2	2	-	2
3.3.2	***Kiến trúc, cảnh quan đô thị***	***4***	1		4
1	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	2	0	Ban hành và triển khai Đề án xây dựng tuyến phố văn minh đô thị trên các trục đường trung tâm hành chính xã, tuyến ĐT.385, ĐT.380 và ĐH.15	2
2	Số lượng công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ	1	1	-	1
3	Công trình xanh	1	0	Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư trong CCN Lạc Đạo và CCN Minh Hải I áp dụng giải pháp công nghệ tuần hoàn nước, vật liệu thân thiện môi trường và tiết kiệm năng lượng	1
3.3.3	***Quản trị đô thị***	***7***	5,85		7
1	Kế hoạch phát triển đô thị	1	0,5	Phối hợp với Sở Xây dựng hoàn thiện và trình UBND tỉnh phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu đô thị Lạc Đạo, làm căn cứ ban hành Kế hoạch thực hiện phát triển đô thị Lạc Đạo giai đoạn 2026 - 2030	1
2	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	2	2	-	2
3	Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch	1	0,85	Tiếp tục bố trí nguồn vốn đầu tư công để duy tu, sửa chữa mặt đường, bổ sung hệ thống thoát nước dọc và vỉa hè cho các tuyến phố chính đạt 100% kế hoạch	1
4	Quản lý phát triển đô thị thông minh	1	0	Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Đề án 06: Triển khai hạ tầng số hóa cơ sở dữ liệu đất đai, dân cư; tích hợp hệ thống camera giám sát an ninh trật tự - an toàn giao thông thông minh tại 21 tổ dân phố; duy trì xử lý hồ sơ thủ tục	1

				hành chính trực tuyến toàn trình và áp dụng quy trình kiểm soát chất lượng TCVN ISO 9001:2015	
5	Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị	2	2	-	2

5.4.3. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

Đây là các dự án thuộc nhóm giải pháp ưu tiên phát triển đô thị Lạc Đạo giai đoạn 2026-2030 nhằm nâng điểm trình độ phát triển đô thị từ 81,90 điểm (hiện tại) lên 100 điểm và điểm đánh giá toàn đô thị từ 83,67 điểm lên 100 điểm.

a) Dự án chiến lược:

Dự án giải phóng mặt bằng tuyến đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội qua địa bàn xã.

Dự án giải phóng mặt bằng và phối hợp triển khai thi công tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng.

Dự án Cải tạo, nâng cấp các trục giao thông tỉnh lộ huyết mạch đi qua địa bàn: ĐT.380, ĐT.385.

Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Lạc Đạo và Cụm công nghiệp Minh Hải I.

Hoàn thành giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm phục vụ phát triển kinh tế, đô thị và an sinh xã hội.

b) Dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

Dự án cải tạo, nâng cấp các tuyến đường xã

Đầu tư xây dựng các tuyến đường trục chính đô thị (các tuyến trục dọc, trục ngang)

Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các trạm bơm tưới, tiêu, cấp nguồn và các tuyến kênh, mương tưới, tiêu, cấp nguồn

Xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung và mạng lưới cống gom nước thải đô thị độc lập.

Ngầm hóa hệ thống dây điện, cáp viễn thông trên các tuyến phố thương mại trung tâm; nâng cấp mở rộng các trạm biến áp cấp điện sinh hoạt và sản xuất công nghiệp.

c. Dự án nâng cấp hạ tầng xã hội và chỉnh trang không gian

Dự án Trung tâm Văn hóa - Thể thao đa năng xã Lạc Đạo; chỉnh trang, nâng cấp đồng loạt 21 nhà văn hóa thôn sau sáp nhập thành các trung tâm văn hóa - thể thao tổ dân phố hiện đại.

Cải tạo, chỉnh trang và nâng cấp nghĩa trang nhân dân tập trung; quy hoạch quỹ đất xây dựng Nhà tang lễ đô thị liên vùng.

Đầu tư, nâng cấp điểm chợ dân sinh Lạc Đạo thành chợ trung tâm đô thị văn minh,

quy hoạch các dãy shophouse phố thương mại gắn với tuyến ĐT.385 và các khu tái định cư, khu đấu giá quyền sử dụng đất.

5.5. Lộ trình thực hiện và nguồn vốn

Giai đoạn 2026 - 2027: Ưu tiên hoàn thiện hồ sơ pháp lý, ban hành Quy chế quản lý kiến trúc đô thị; tập trung vốn xử lý dứt điểm các tuyến đường xung đột giao thông và nâng cấp các nhà văn hóa cũ.

Giai đoạn 2028 - 2030: Hoàn thiện 100% trường học đạt chuẩn quốc gia; nâng cấp mở rộng cơ sở vật chất trạm y tế và hoàn thành thiết chế văn hóa - thể thao cấp đô thị. Chuyển đổi số toàn diện công tác quản trị hành chính đô thị, phổ cập wifi công cộng, camera an ninh và giám sát trật tự giao thông.

Cơ cấu nguồn vốn: Đa dạng hóa nguồn lực theo phương thức xã hội hóa mạnh mẽ. Kết hợp hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước (đối với hạ tầng khung) và nguồn vốn đầu tư từ các tập đoàn, doanh nghiệp, cùng sự đóng góp đồng lòng của nhân dân (đối với hạ tầng dịch vụ và chỉnh trang đô thị).

PHẦN III
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ
****

I. KẾT LUẬN

Trong thời gian qua, được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát và đầu tư kịp thời của Trung ương, của tỉnh Hưng Yên, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Lạc Đạo đã đồng lòng, tập trung huy động mọi nguồn lực để bứt phá mạnh mẽ. Địa phương đã đạt được những thành tựu toàn diện trong phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung, hạ tầng xã hội và đẩy mạnh công tác chỉnh trang, mỹ hóa không gian đô thị. Nhờ đó, diện mạo địa phương đã chuyển dáng sang một phường nội đô văn minh, chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên rõ rệt.

Căn cứ hệ thống tiêu chuẩn về phân loại đô thị được quy định nghiêm túc tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/02/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị; đối chiếu với điều kiện thực tế sau sáp nhập địa giới hành chính, UBND xã Lạc Đạo tổng hợp kết quả tự đánh giá như sau:

Tiêu chuẩn đánh giá toàn đô thị: Đạt 81,90 / 100 điểm (Quy định tối thiểu đạt 75 điểm)

Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị: Đạt 83,67 / 100 điểm (Quy định tối thiểu đạt 75 điểm)

Đối chiếu với các khung pháp lý hiện hành, xã Lạc Đạo đã cơ bản hoàn

thành và vượt các điều kiện, tiêu chuẩn cốt lõi của một đô thị loại III trực thuộc tỉnh. Địa phương đã thiết lập đầy đủ cơ sở bệ phóng để chuyển đổi mô hình quản lý hành chính sang cấp Phường, đủ điều kiện pháp lý để trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên xem xét, công nhận.

II. KIẾN NGHỊ

Để kịp thời ghi nhận những nỗ lực của địa phương, đồng thời tạo cơ chế pháp lý đồng bộ nhằm quản lý ổn định và vận hành thông suốt bộ máy hành chính mới sau sáp nhập, Ủy ban nhân dân xã Lạc Đạo kính đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, thực hiện các nội dung sau:

Đối với Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên: Kính trình Sở Xây dựng quan tâm xem xét, chủ trì tổ chức hội đồng hội nghị thẩm định, rà soát thực tế và đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất của địa phương; sớm ban hành văn bản thẩm định chuyên môn theo quy định pháp luật.

Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên: Kính trình chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt và ban hành Quyết định công nhận xã Lạc Đạo, tỉnh Hưng Yên đạt tiêu chuẩn đô thị loại III trực thuộc tỉnh.

Sự công nhận kịp thời của Quý cơ quan sẽ là động lực chính trị - kinh tế to lớn, cổ vũ Đảng bộ và nhân dân xã Lạc Đạo tiếp tục giữ vững kỷ cương quy hoạch, nâng cao hơn nữa chất lượng đô thị sinh thái thông minh, đóng góp tích cực vào sự phát triển thịnh vượng chung của hành lang kinh tế phía Tây Bắc tỉnh Hưng Yên và vùng Thủ đô.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh Hưng Yên;
- Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Các thôn trên địa bàn;
- Lưu: VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ LẠC ĐẠO T.HƯNG YÊN

PHÓ CHỦ TICH

Cao Thế Anh

PHỤ LỤC
BẢNG BIỂU

UBND XÃ LẠC ĐẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạc Đạo, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ LẠC ĐẠO, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 1: CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LẠC ĐẠO

I. Chỉ tiêu xã hội

STT	Danh mục	Đơn vị	Chỉ tiêu 2025
1	Tỷ lệ tăng dân số	%	1,0
2	Thu nhập bình quân đầu người	triệu đồng/người/năm	87
3	Tỷ lệ hộ nghèo	%	0,18

II. Chỉ tiêu kinh tế

STT	Danh mục	Đơn vị	Mục tiêu năm 2025	Chỉ tiêu đạt được năm 2025
	Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	%	79,45	98,7

UBND XÃ LẠC ĐẠO

U.B.N.D XÃ LẠC ĐẠO T. HƯNG YÊN

PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Thế Anh

UBND XÃ LẠC ĐẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạc Đạo, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ LẠC ĐẠO, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 2: THỐNG KÊ CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LẠC ĐẠO

TT	Loại đất	Diện tích hiện trạng 2025(ha)	Diện tích quy hoạch (ha)
	Tổng diện tích	**2.210,38**	**2.210,38**
A	**Đất xây dựng đô thị**	**1032,98**	**1580,77**
1	**Đất dân dụng**	457,83	959,32
	Đất các khu ở	238,57	387,76
	Đất công trình công cộng	23,04	116,95
	Đất công trình công cộng cấp đô thị	*6,59*	66,95
	Đất công trình công cộng cấp đơn vị ở	*16,45*	*50*
	Đất công viên, cây xanh, hồ nước	22,33	192,91
	Đất công viên, cây xanh, hồ nước cấp đô thị	*13,32*	167,91
	Đất công viên, cây xanh, hồ nước cấp đơn vị ở	*9,01*	*25*
	Đất giao thông đối nội(đường giao thông và đất giao thông khác như bãi xe, đất dự trữ giao thông)	173,89	261,7
2	**Đất ngoài dân dụng**	575,15	621,45
	Đất xây dựng trụ sở, cơ quan	3,91	16,67
	Đất khu công nghiệp, sản xuất kinh doanh	352,83	364,54
	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	7,06	7,06
	Đất quân sự, an ninh, quốc phòng	0	0
	Đất nghĩa trang	28,37	40,28
	Đất giao thông đối ngoại	88,80	88,80
	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	94,18	104,1
B	**Đất khác**	**1.177,69**	**629,61**
	Mặt nước	26,56	36,15
	Đất nông nghiệp	1.145,87	593,46
	Đất chưa sử dụng	5,26	0

UBND XÃ LẠC ĐẠO

U.B.N.D XÃ LẠC ĐẠO T. HƯNG YÊN

PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Thế Anh

UBND XÃ LẠC ĐẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạc Đạo, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ LẠC ĐẠO, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 3: THỐNG KÊ HỆ THỐNG GIAO THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LẠC ĐẠO

I. Thống kê hệ thống giao thông

TT	Tên đường	Loại đường	Chỉ giới đường đỏ (m)	Chiều dài tuyến (m)	Diện tích (m2)
	Tổng				**2.626.900**
I	**Đường Giao thông đô thị**			**47.800**	**2.497.734**
I.1	***Đường giao thông đối ngoại***			***38.150***	***888.000***
	Đường sắt Hà Nội - Hải Phòng			20.400	306.000
	VĐ.4 CT.38	BTN	120	2.100	252.000
	ĐT.385	BTN	11-30	5.100	153.000
	ĐT.380	BTN	12	6.150	73.800
	ĐT.381C	BTN	34	1.500	51.000
	Đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên kéo dài	BTN	18	2.900	52.200
I.2	***Huyện lộ (đường huyện cũ)***			***9.650***	***149.650***
	ĐH.15	BTN	16	700	11.200
	ĐH.15 kéo dài	BTN	16	4.200	67.200
	ĐH.19	BTN	15	4.750	71.250
	ĐH.14	BTN	16	1.100	17.600
I.3	***Công trình đầu mối giao thông***				***1.460.084***
	Ga Lạc Đạo				
	Bến, bãi đỗ xe, các công trình giao thông khác				
II	**Đường Giao thông khu vực**	**BTN**	**7-9**	**15.196**	**129.166**

UBND XÃ LẠC ĐẠO

U.B.N.D XÃ LẠC ĐẠO HƯNG YÊN

PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Thế Anh

UBND XÃ LẠC ĐẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạc Đạo, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ LẠC ĐẠO, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 4: THỐNG KÊ HỆ THỐNG ĐƯỜNG DÂY, ĐƯỜNG ỐNG NGẦM TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LẠC ĐẠO

TT	Tên đường	Chiều dài tuyến đường giao thông (m)	Chiều dài tuyến đường dây, đường cáp ngầm (m)	Tỷ lệ tuyến có đường dây đường cáp ngầm (%)
I	**Đường Giao thông đô thị**	**28.500**	**6.600**	**23,16**
I.1	***Đường giao thông đối ngoại***	***17.750***	***6.600***	
1	VĐ.4 CT.38	2.100	0,00	0,00
2	ĐT.385	5.100	5.100	100,00
3	ĐT.380	6.150	0,00	0,00
4	ĐT.381C	1.500	1.500	100,00
5	Đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên kéo dài	2.900	0,00	0,00
I.2	***Huyện lộ (đường huyện cũ)***	***10.750***	***0,00***	0,00
1	ĐH.15	700	0,00	0,00
2	ĐH.15 kéo dài	4.200	0,00	0,00
3	ĐH.19	4.750	0,00	0,00
4	ĐH.14	1.100	0,00	0,00
II	**Đường Giao thông khu vực**	**15.196**	**0,00**	**0,00**

UBND XÃ LẠC ĐẠO

U.B.N.D XÃ LẠC ĐẠO T. HƯNG YÊN

PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Thế Anh

UBND XÃ LẠC ĐẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạc Đạo, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ LẠC ĐẠO, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 5: THỐNG KÊ HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LẠC ĐẠO

TT	Tên đường	Chiều dài tuyến đường giao thông (m)	Chiều dài tuyến đường được chiếu sáng (m)	Tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh
	Tổng	**39.250**	**39.250**	**0**
I	**Đường Giao thông đô thị**	**28.500**	**28.500**	**0**
I.1	***Đường giao thông đối ngoại***	***17.750***	***17.750***	***0***
1	VĐ.4 CT.38	2.100	2.100	0
2	ĐT.385	5.100	5.100	0
3	ĐT.380	6.150	6.150	0
4	ĐT.381C	1.500	1.500	0
5	Đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên kéo dài	2.900	2.900	0
I.2	***Huyện lộ (đường huyện cũ)***	***10.750***	***10.750***	***0***
1	ĐH.15	700	700	0
2	ĐH.15 kéo dài	4.200	4.200	0
3	ĐH.19	4.750	4.750	0
0	ĐH.14	1.100	1.100	0
II	**Đường Giao thông khu vực**	**15.196**	**14.588**	**0**

UBND XÃ LẠC ĐẠO

U.B.N.D XÃ LẠC ĐẠO T. HƯNG YÊN

PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Thế Anh

UBND XÃ LẠC ĐẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạc Đạo, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ LẠC ĐẠO, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 6: THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG CẤP ĐIỆN, CẤP NƯỚC, CÁP QUANG INTERNET TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LẠC ĐẠO

STT	Danh mục	Đơn vị	Chỉ tiêu
I	**Tổng dân số**	**Người**	**43.933**
II	**Cấp điện**		
	Mức tiêu thụ điện năm 2025	kwh/năm	52.851.399
	Mức tiêu thụ điện năm 2025 bình quân đầu người	kwh/người/năm	1.203
III	**Cấp nước**		
1	Tổng dân số được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	Người	41.780
2	Tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	95,1
3	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	l/ngày đêm	5.013.634
4	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	lít/người/ngày đêm	120
IV	**Cáp quang internet**		
1	Tổng số hộ gia đình	Hộ	12.100
2	Tổng số hộ có cáp quang truy cập Internet qua mạng băng rộng cố định	Hộ	11.858
3	Tỷ lệ hộ có cáp quang truy cập Internet qua mạng băng rộng cố định (%)	%	98
4	Tỷ lệ dân số được phủ sóng 5G (%)	%	100

UBND XÃ LẠC ĐẠO

U.B.N.D XÃ LẠC ĐẠO T.HƯNG YÊN

PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Thế Anh

UBND XÃ LẠC ĐẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạc Đạo, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ LẠC ĐẠO, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 7: THỐNG KÊ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LẠC ĐẠO

TT	Tên đường	Chiều dài tuyến (km)	Chiều dài hệ thống thoát nước (km)
	Tổng	**39,25**	**78,50**
I	**Đường Giao thông đô thị**	**28,50**	**57,00**
I.1	***Đường giao thông đối ngoại***	***17,75***	***35,50***
1	VĐ.4 CT.38	2,10	4,20
2	ĐT.385	5,10	10,20
3	ĐT.380	6,15	12,30
4	ĐT.381C	1,50	3,00
5	Đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên kéo dài	2,90	5,80
I.2	***Huyện lộ (đường huyện cũ)***	***10,75***	***21,50***
1	ĐH.15	0,70	1,4
2	ĐH.15 kéo dài	4,20	8,4
3	ĐH.19	4,75	9,5
4	ĐH.14	1,10	2,2
II	**Đường Giao thông khu vực**	**15,20**	

UBND XÃ LẠC ĐẠO

U.B.N.D XÃ LẠC ĐẠO T.HƯNG YÊN

PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Thế Anh

UBND XÃ LẠC ĐẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạc Đạo, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ LẠC ĐẠO, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 8: THỐNG KÊ HỆ THỐNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LẠC ĐẠO

TT	Tên trạm xử lý	Công suất TK (m3/ngày đêm)	Công suất vận hành (m3/ngày đêm)	Tỷ lệ % giữa tổng công suất vận hành trên công suất thiết kế
	Tổng	**30.000**	**27.000**	**75**
1	Trạm XLNT-SH1 tại xã Lạc Đạo cũ	10.000-15.000	13.500	75
2	Trạm XLNT-SH4 tại xã Minh Hải cũ	10.000-15.001	13.500	75

UBND XÃ LẠC ĐẠO

PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Thế Anh

UBND XÃ LẠC ĐẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạc Đạo, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ LẠC ĐẠO, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 9: THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG NƯỚC THẢI, CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT ĐƯỢC THU GOM, XỬ LÝ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LẠC ĐẠO

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Khối lượng
I	***Nước thải sinh hoạt***		
1	Tổng dân số	Người	**43.933**
2	Dân số được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	người	17,573
3	Tỷ lệ dân số được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	40
II	***Chất thải rắn sinh hoạt***		
1	CTR phát thải		14,79
2	CTR sinh hoạt được thu gom	Tấn/ngày	14,05
3	CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	Tấn/ngày	14,57
4	Tỷ lệ phần trăm giữa khối lượng CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường trên tổng khối lượng CTR sinh hoạt phát thải	%	98,5
5	Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn	%	78
III	***Tỷ lệ sử dụng hình thức hoả táng***	***%***	***40***

UBND XÃ LẠC ĐẠO

U.B.N.D XÃ LẠC ĐẠO T. HƯNG YÊN

PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Thế Anh

UBND XÃ LẠC ĐẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạc Đạo, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ LẠC ĐẠO, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 10: THỐNG KÊ THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI XÂY DỰNG CÁC KHU NGHĨA TRANG, NHÀ TANG LỄ THEO QUY HOẠCH ĐƯỢC DUYỆT TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LẠC ĐẠO

TT	Nội dung	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đã xây dựng (ha)	Tỷ lệ phần trăm diện tích nghĩa trang đã được xây dựng so với quy hoạch (%)
I	Các nghĩa trang đã được quy hoạch trên địa bàn	40,28	28,37	70,43
II	Nhà tang lễ	0	0	0

UBND XÃ LẠC ĐẠO

PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Thế Anh

UBND XÃ LẠC ĐẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạc Đạo, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ LẠC ĐẠO, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 11: THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG NHÀ Ở

TT	Danh mục	Đơn vị	Chỉ tiêu/Quy mô	Ghi chú
	Dân số		**43.933**	
I	Diện tích sàn nhà ở	m2	1.537.655	
	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m2 sàn/người	35	
II	Dự án Nhà ở xã hội			
	Khu nhà ở xã hội Hoàng Nha	ha	4,1	
III	Chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đồng bộ khu dân cư (tối thiểu 4.000 người)		0	

UBND XÃ LẠC ĐẠO

PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Thế Anh

UBND XÃ LẠC ĐẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạc Đạo, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ LẠC ĐẠO, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 12: THỐNG KÊ HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LẠC ĐẠO

	Danh mục	Diện tích (ha)	Số giường bệnh (giường)
I	**Cấp đô thị**	**24.000**	
	Bệnh viện đa khoa Văn Lâm	24.000	110
II	**Cấp đơn vị ở**	**3.334,2**	
	Điểm trạm y tế Minh Hải	1.123,0	
	Điểm trạm y tế Chỉ Đạo	1.142,0	
	Điểm trạm y tế Lạc Đạo	1.069,2	

UBND XÃ LẠC ĐẠO

PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Thế Anh

UBND XÃ LẠC ĐẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạc Đạo, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ LẠC ĐẠO, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 13: THỐNG KÊ HỆ THỐNG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LẠC ĐẠO

TT	Danh mục	Diện tích đất (m2)	Trường chuẩn quốc gia (mức độ I, II)
	TỔNG	**100.999,90**	
A	**Cấp đô thị**	**23.448,00**	
	Trung học phổ thông Văn Lâm	13.669,00	
	Trung học phổ thông Hùng Vương	9.779,00	
B	**Cấp đơn vị ở**	**77.551,90**	
1	Trường Mầm non Lạc Đạo (điểm Minh Hải khu Trung tâm)	5.428,00	
2	Trường Mầm non Lạc Đạo (điểm Minh Hải khu Hoàng Nha)	1.839,40	
3	Trường Mầm non (Minh Hải khu Thôn Ao)	3.315,60	
4	Trường Mầm non Lạc Đạo (điểm Thôn Đông Mai)	1.306,00	
5	Trường Mầm non Lạc Đạo (điểm Thôn Trịnh Xá)	1.009,70	
6	Trường Mầm non Lạc Đạo(điển Thôn Nghĩa Lộ)	307,20	
7	Trường Mầm non Lạc Đạo(điểm Thôn Cát Lư)	419,90	
8	Trung tâm Trường Mầm non Lạc Đạo (điểm Chỉ Đạo)	5.708,40	
9	Trường Mầm non xã Lạc Đạo (Trung tâm)	2.142,50	
10	Trường Mầm non xã Lạc Đạo (thôn Ngọc)	1.882,50	
11	Trường Tiểu học Lạc Đạo (điểm Minh Hải khu trung tâm)	7.342,20	
12	Trường Tiểu học Lạc Đạo (điểm Minh Hải khu Hoàng Nha)	7.227,40	
13	Trường THCS Lạc Đạo (điểm Minh Hải)	9.686,00	
14	Trường THCS Lạc Đạo (điểm Chỉ Đạo)	6.488,90	
15	Trường Tiểu học Lạc Đạo(điểm Chỉ Đạo)	8.349,90	
16	Trường Tiểu học Lạc Đạo (Cơ sở Thôn Cầu)	4.839,80	
17	Trường Tiểu học Lạc Đạo (Cơ sở Thôn Xanh Tý)	2.655,50	
18	Trường THCS Lạc Đạo	7.603,00	

UBND XÃ LẠC ĐẠO

U.B.N.D XÃ LẠC ĐẠO H. VĂN LÂM T. HƯNG YÊN

PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Thế Anh

UBND XÃ LẠC ĐẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạc Đạo, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ LẠC ĐẠO, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 14: THỐNG KÊ HỆ THỐNG CÁC CÔNG TRÌNH VĂN HOÁ, DI TÍCH LỊCH SỬ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LẠC ĐẠO

TT	Danh mục	Diện tích đất (m2)	Ghi chú
CÔNG TRÌNH VĂN HÓA		54.788,7	
I	**Cấp đô thị**	**15.548**	
1	Nhà văn Hoá xã Lạc Đạo điểm Thôn Hoàng Cầu	3.000	
2	Nhà văn Hoá xã Lạc Đạo điểm Thôn Nghĩ Lộ	3.000	
3	Nhà văn Hoá xã Lạc Đạo điểm Minh Hải	1.800	
4	Đình Trịnh Xá		
5	Đình Cát Ngoài		
6	Chùa Hương Lãng	7.748	
7	Đình Hoàng Nha		
8	Đình Thanh Đặng		
9	Chùa Pháp Vân		
10	Đình Ngọc		
11	Đình Đoan Khê		
12	Nhà thờ Trạng nguyên Dương Phúc Tư		
13	Đền Từ Vũ thờ tiến sĩ Dương Công Thụ		
II	**Cấp đơn vị ở**	**39.240,7**	
1	Nhà văn hóa thôn Ao (cũ)	970,4	
2	Nhà văn hóa Thôn Thanh Đặng (cũ)	863,5	
3	Nhà văn hóa thôn Khách (cũ)	867,1	
4	Nhà văn hóa thôn Thanh Khê (cũ)	5701	
5	Nhà văn hóa thôn Chùa (cũ)	298,4	
6	Nhà văn hóa thôn Hoàng Nha (cũ)	9.649,6	
7	Nhà văn hóa Thôn Nghĩa Lộ (cũ)	2.457,2	
8	Nhà văn hóa Thôn Đông Mai (cũ)	1.468,6	
9	Nhà văn hóa Thôn Trịnh Xá (cũ)	3.044,6	
10	Nhà văn hóa Thôn Cát Lư (cũ)	3.414,2	
11	Nhà văn hóa thôn Tân Nhuế (cũ)	5.017,7	
12	Nhà văn hóa thôn Đoan Khê (cũ)	1354	
13	Nhà văn hóa thôn Cầu (cũ)	785,4	
14	Nhà văn hóa thôn Ngọc (cũ)	1.032,2	
15	Nhà văn hóa thôn Hoàng (cũ)	437	
16	Nhà văn hóa thôn Trình (cũ)	637	
17	Nhà văn hóa thôn Mụ (cũ)	561,4	
18	Nhà văn hóa thôn Giữa (cũ)	681,4	

UBND XÃ LẠC ĐẠO

PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Thế Anh

UBND XÃ LẠC ĐẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạc Đạo, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ LẠC ĐẠO, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 15: THỐNG KÊ HỆ THỐNG CÁC CÔNG TRÌNH TDTT TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LẠC ĐẠO

TT	Danh mục	Diện tích (m2)	Ghi chú
	Công trình TDTT Các thôn trên địa bàn xã	**46.607**	
1	Sân thể thao thôn Trịnh xá		
2	Sân thể thao thôn Hùng Cường (Đoan Khê cũ)	2.411	
3	Sân thể thao thôn Hùng Cường (Hướng Đạo cũ)	1.921	
4	Sân thể thao thôn Hùng Cường (Tân Nhuế cũ)	3.241	
5	Sân thể thao thôn Hoàng Cầu	2.690	
6	Sân thể thao thôn Trung Kiên (Trình cũ)	2.826	
7	Sân thể thao thôn Trung Kiên (Mụ cũ)	3.137	
8	Sân thể thao thôn Trung Kiên (Thôn Giữa cũ)	2.689	
9	Sân thể thao thôn Cát Lư	5.307	
10	Sân thể thao thôn Nghĩa Lộ	7.513	
11	Sân thể thao thôn Chỉ Đạo (Đông Mai cũ)	6.377	
12	Sân thể thao thôn Chỉ Đạo (Trinh Xá cũ)	1.800	
13	Sân thể thao thôn Hoàng Nha	2.284	
14	Sân thể thao thôn Thanh Đặng	2.059	
15	Sân thể thao thôn Minh Hải (Thanh Khê cũ)	1.542	
16	Sân thể thao thôn Hương Lãng (Ao cũ)	810	

UBND XÃ LẠC ĐẠO

U.B.N.D XÃ LẠC ĐẠO T. HƯNG YÊN

PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Thế Anh

UBND XÃ LẠC ĐẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạc Đạo, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ LẠC ĐẠO, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 16: THỐNG KÊ HỆ THỐNG CÁC CÔNG TRÌNH TMDV TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LẠC ĐẠO

TT	Danh mục	Diện tích (m2)	Ghi chú
I	**Cấp đô thị**	5.137	
	Chợ Đậu	5.137	
II	**Cấp đơn vị ở**	3.500,00	
1	Chợ Hè	1.000,00	
2	Cây xăng 58	1.800,00	
3	Cửa hàng xăng dầu Anh Đạt	200	
4	Cửa hàng xăng dầu Hoàng Long	500	

UBND XÃ LẠC ĐẠO

PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Thế Anh

UBND XÃ LẠC ĐẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạc Đạo, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ LẠC ĐẠO, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 17: THỐNG KÊ HỆ THỐNG CÁC KHÔNG GIAN XANH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LẠC ĐẠO

TT	Danh mục	Diện tích (ha)	Ghi chú
I	**Cấp đô thị**	13,32	
	Khu vực cây xanh trong Cụm CCN Minh Hải 2	7,65	
	Khu vực cây xanh trong Cụm CCN Minh Hải 1	5,67	
II	**Cấp đơn vị ở**	9,01	

UBND XÃ LẠC ĐẠO

U.B.N.D XÃ LẠC ĐẠO T. HƯNG YÊN

PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Thế Anh

UBND XÃ LẠC ĐẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạc Đạo, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ LẠC ĐẠO, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 18: KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN VÀ ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LẠC ĐẠO

STT	Danh mục	Ghi chú
1	Kế hoạch phát triển đô thị	có kế hoạch
2	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh (%)	100
3	Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch (%)	85
4	Quản lý phát triển đô thị thông minh	0
5	Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị	100
6	Số vụ tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng trung bình dưới 01 vụ trong 03 năm gần nhất	0
7	Số vụ cháy nổ nghiêm trọng trung bình dưới 01 vụ trong 03 năm gần nhất	Có
8	Phường được công nhận là phường đạt chuẩn văn minh đô thị	0
9	Tuyến phố chính được lập và quản lý theo thiết kế đô thị	0
10	Công trình xanh	0
11	Di tích cấp quốc gia đặc biệt, di sản văn hoá vật thể, các khu vực có giá trị văn hoá lịch sử, sản xuất nông nghiệp, làng nghề truyền thống có phương án bảo vệ	10
12	Dự án tái sử dụng công trình có giá trị kiến trúc, công nghiệp	0

UBND XÃ LẠC ĐẠO

U.B.N.D XÃ LẠC ĐẠO HƯNG YÊN

PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Thế Anh

PHỤ LỤC
BẢN VẼ

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ LẠC ĐẠO, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ VÀ MỐI LIÊN HỆ VÙNG

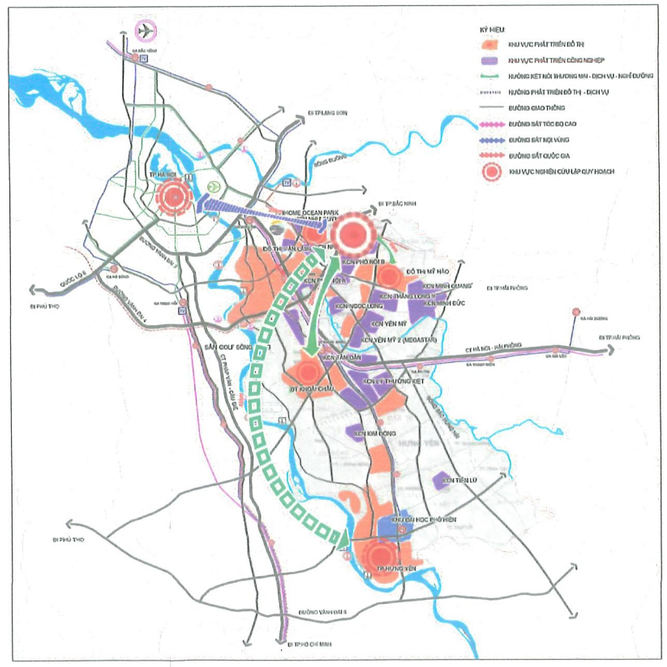
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ XÃ LẠC ĐẠO TRONG NỀN BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH HƯNG YÊN



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ, MỐI LIÊN HỆ VÙNG XÃ LẠC ĐẠO ĐỐI VỚI KHU VỰC LÂN CẬN



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ XÃ LẠC ĐẠO TRONG MỐI LIÊN HỆ VỚI THỦ ĐÔ HÀ NỘI VÀ TỈNH HƯNG YÊN



XÃ LẠC ĐẠO ĐƯỢC HÌNH THÀNH TRÊN CƠ SỞ TOÀN BỘ DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN VÀ QUY MÔ DÂN SỐ CỦA XÃ CHỈ ĐẠO, XÃ MINH HẢI VÀ MỘT PHẦN DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN CỦA XÃ LẠC ĐẠO TRƯỚC ĐÂY THUỘC TỈNH HƯNG YÊN. VỚI DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN LÀ 22,1KM2, DÂN SỐ ƯỚC TÍNH LÀ 43.933 NGƯỜI, CÓ RANH GIỚI HÀNH CHÍNH TIẾP GIÁP NHƯ SAU:

- PHÍA ĐÔNG: GIÁP XÃ ĐẠI ĐỒNG
- PHÍA TÂY: GIÁP XÃ NHƯ QUỲNH
- PHÍA NAM: GIÁP PHƯỜNG MỸ HÀO
- PHÍA BẮC: GIÁP TP. BẮC NINH

M.S.D.N: 0104155377
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ LẠC ĐẠO, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III
SƠ ĐỒ PHẠM VI RANH GIỚI TOÀN ĐÔ THỊ VÀ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ TRỰC THUỘC



TP. BẮC NINH

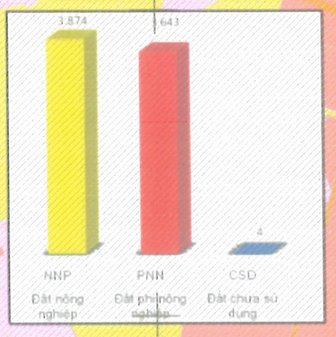
RANH GIỚI HÀNH CHÍNH XÃ LẠC ĐẠO
CÓ DIỆN TÍCH : 22,10 KM2

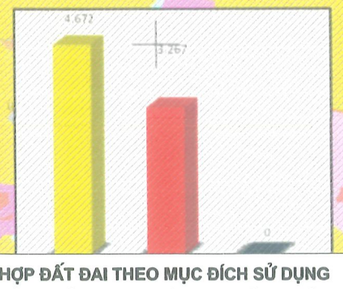
X. ĐẠI ĐỒNG

X. NHƯ QUỲNH

P. MỸ HÀO

HUYỆN VĂN LÂM





CHÚ DẪN

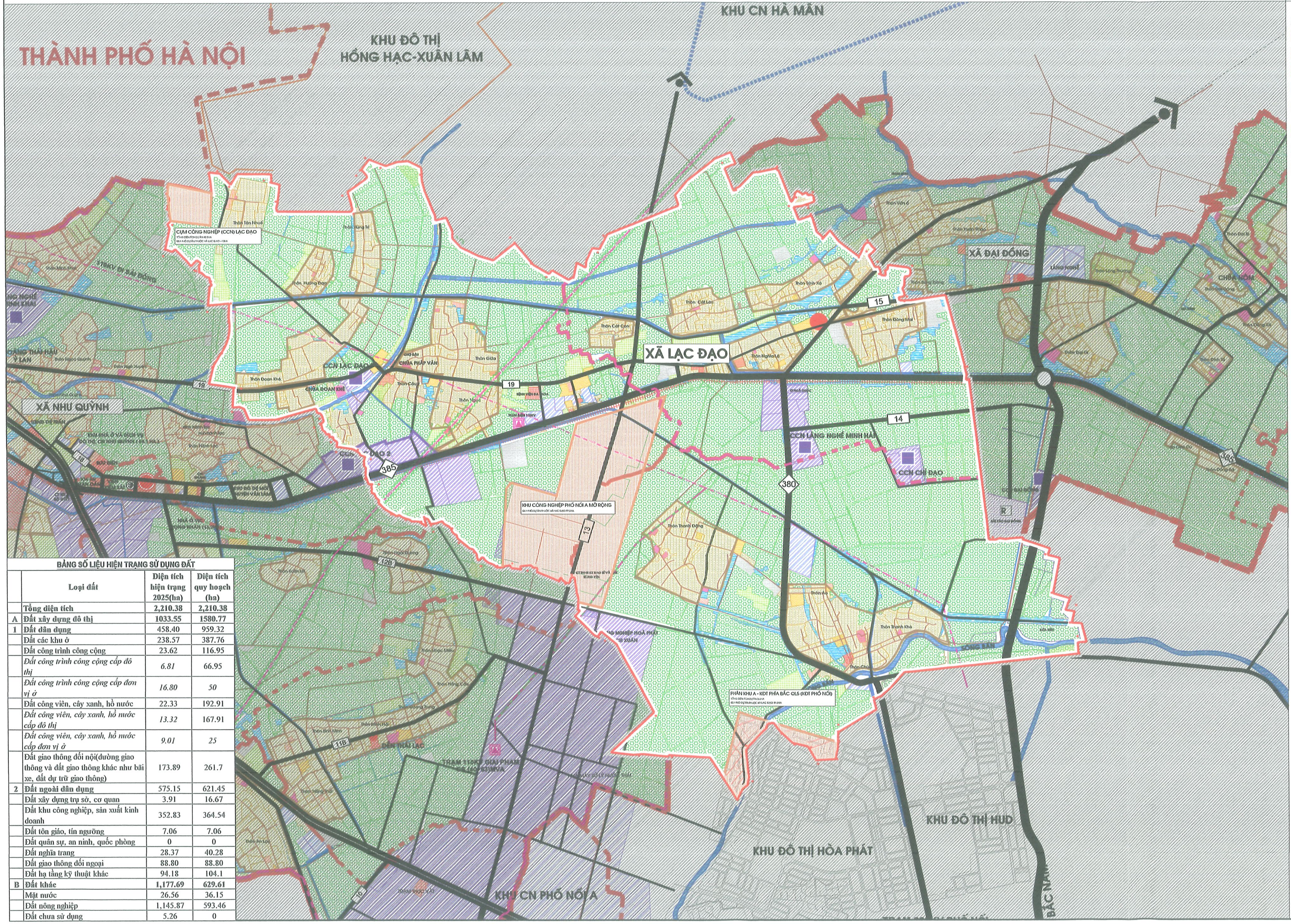
KÝ HIỆU	TÊN KÝ HIỆU
	Địa giới hành chính cấp tỉnh xác định
	Địa giới hành chính cấp huyện xác định
	Ranh giới khoanh đất
5A	Quốc lộ
ĐT.378	Đường tỉnh
	Đường huyện
	Đường liên xã
	Sông, suối, ao hồ
	Trụ sở UBND cấp tỉnh
	Trụ sở UBND cấp huyện
	Trụ sở UBND cấp xã
	Cầu
	Đập

ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH XÃ LẠC ĐẠO TRÊN NỀN SƠ ĐỒ ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP ĐẤT ĐAI THEO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG
(ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH HƯNG YÊN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 THEO VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH SỐ 579/QĐ-UBND NGÀY 27/2/2026 CỦA UBND TỈNH HƯNG YÊN)

0100415537
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ LẠC ĐẠO, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG XÂY DỰNG ĐÔ THỊ VÀ VỊ TRÍ CÁC DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI



0 200 600
1ĐV = 200M

KÍ HIỆU:

- ĐẤT Ở
- ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
- ĐẤT GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO
- ĐẤT CÔNG TRÌNH BỆNH VIỆN, TRẠM XÁ
- ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH
- ĐẤT KHU CÔNG NGHIỆP
- ĐẤT Ở ĐÔ THỊ MỚI (CÓ DỰ ÁN)
- ĐẤT TRỒNG LÚA
- ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC
- ĐẤT AN NINH, QUỐC PHÒNG
- ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
- MẶT NƯỚC SÔNG, KÊNH
- ĐẤT DI TÍCH, TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG
- ĐẤT NGHĨA TRANG
- ĐẤT HẠ TẦNG

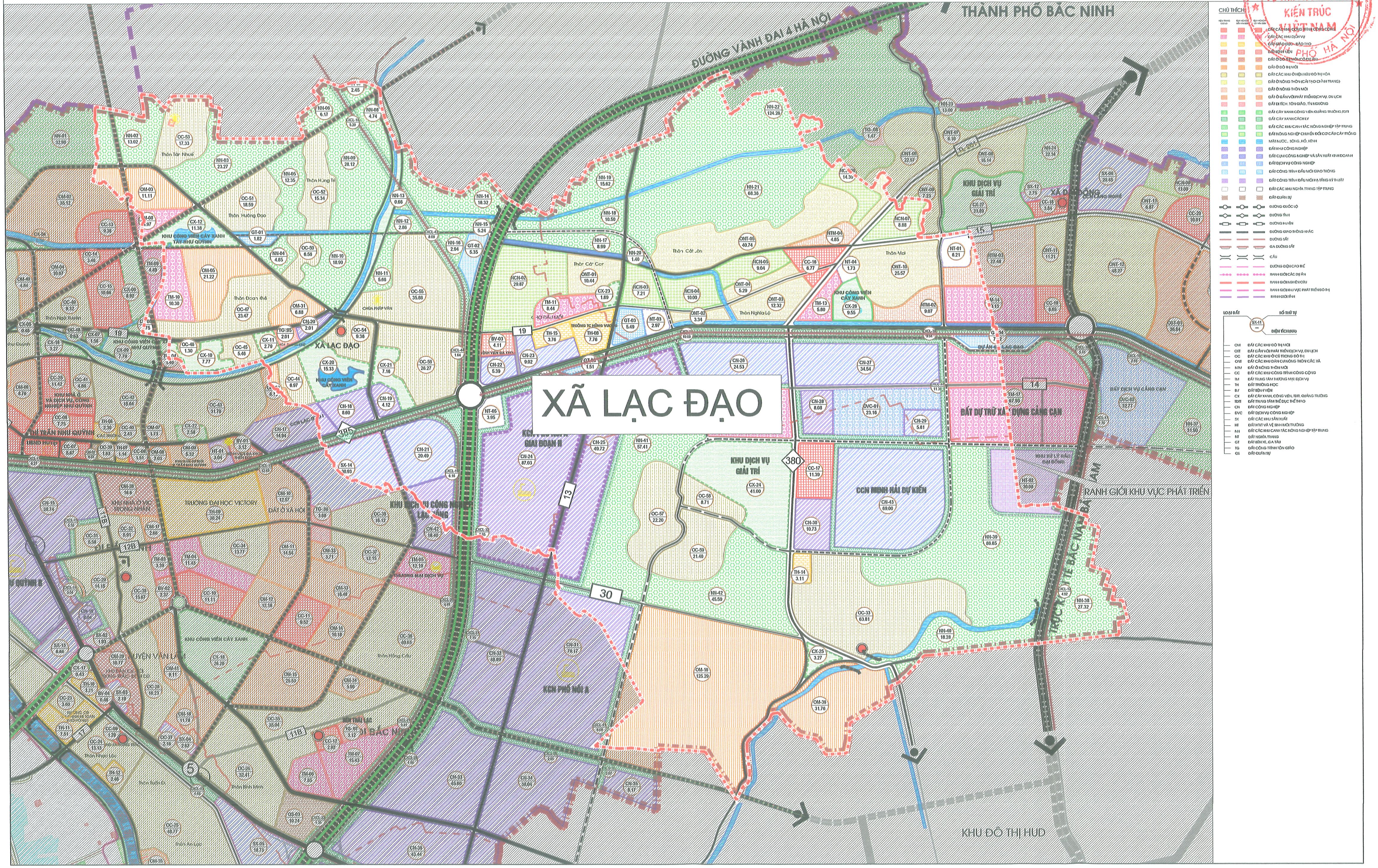
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

BẢNG SỐ LIỆU HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

	Loại đất	Diện tích hiện trạng 2025(ha)	Diện tích quy hoạch (ha)
	Tổng diện tích	**2,210.38**	**2,210.38**
A	**Đất xây dựng đô thị**	**1033.55**	**1580.77**
1	**Đất dân dụng**	458.40	959.32
	Đất các khu ở	238.57	387.76
	Đất công trình công cộng	23.62	116.95
	Đất công trình công cộng cấp đô thị	*6.81*	66.95
	Đất công trình công cộng cấp đơn vị ở	*16.80*	*50*
	Đất công viên, cây xanh, hồ nước	22.33	192.91
	Đất công viên, cây xanh, hồ nước cấp đô thị	*13.32*	167.91
	Đất công viên, cây xanh, hồ nước cấp đơn vị ở	*9.01*	*25*
	Đất giao thông đối nội(đường giao thông và đất giao thông khác như bãi xe, đất dự trữ giao thông)	173.89	261.7
2	**Đất ngoài dân dụng**	575.15	621.45
	Đất xây dựng trụ sở, cơ quan	3.91	16.67
	Đất khu công nghiệp, sản xuất kinh doanh	352.83	364.54
	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	7.06	7.06
	Đất quân sự, an ninh, quốc phòng	0	0
	Đất nghĩa trang	28.37	40.28
	Đất giao thông đối ngoại	88.80	88.80
	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	94.18	104.1
B	**Đất khác**	**1,177.69**	**629.61**
	Mặt nước	26.56	36.15
	Đất nông nghiệp	1,145.87	593.46
	Đất chưa sử dụng	5.26	0

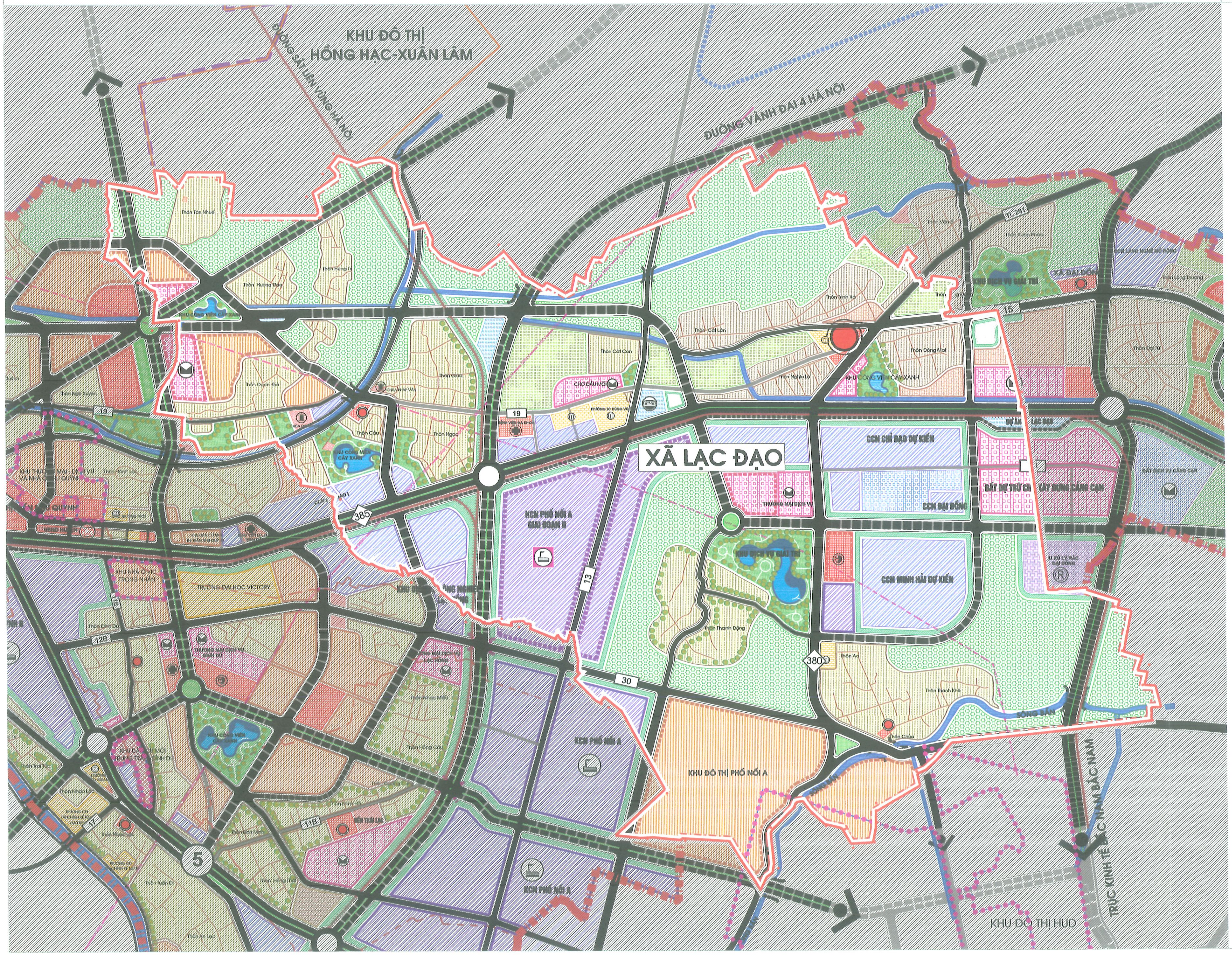
ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ LẠC ĐẠO, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

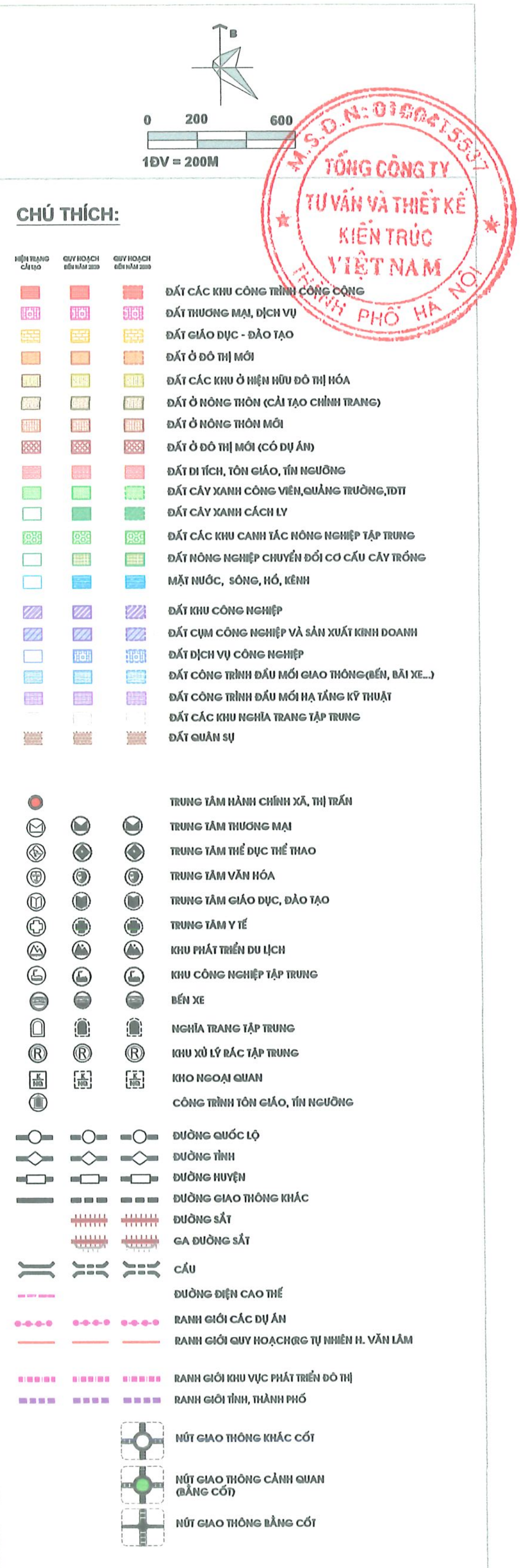
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN NGẮN HẠN



ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ LẠC ĐẠO, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

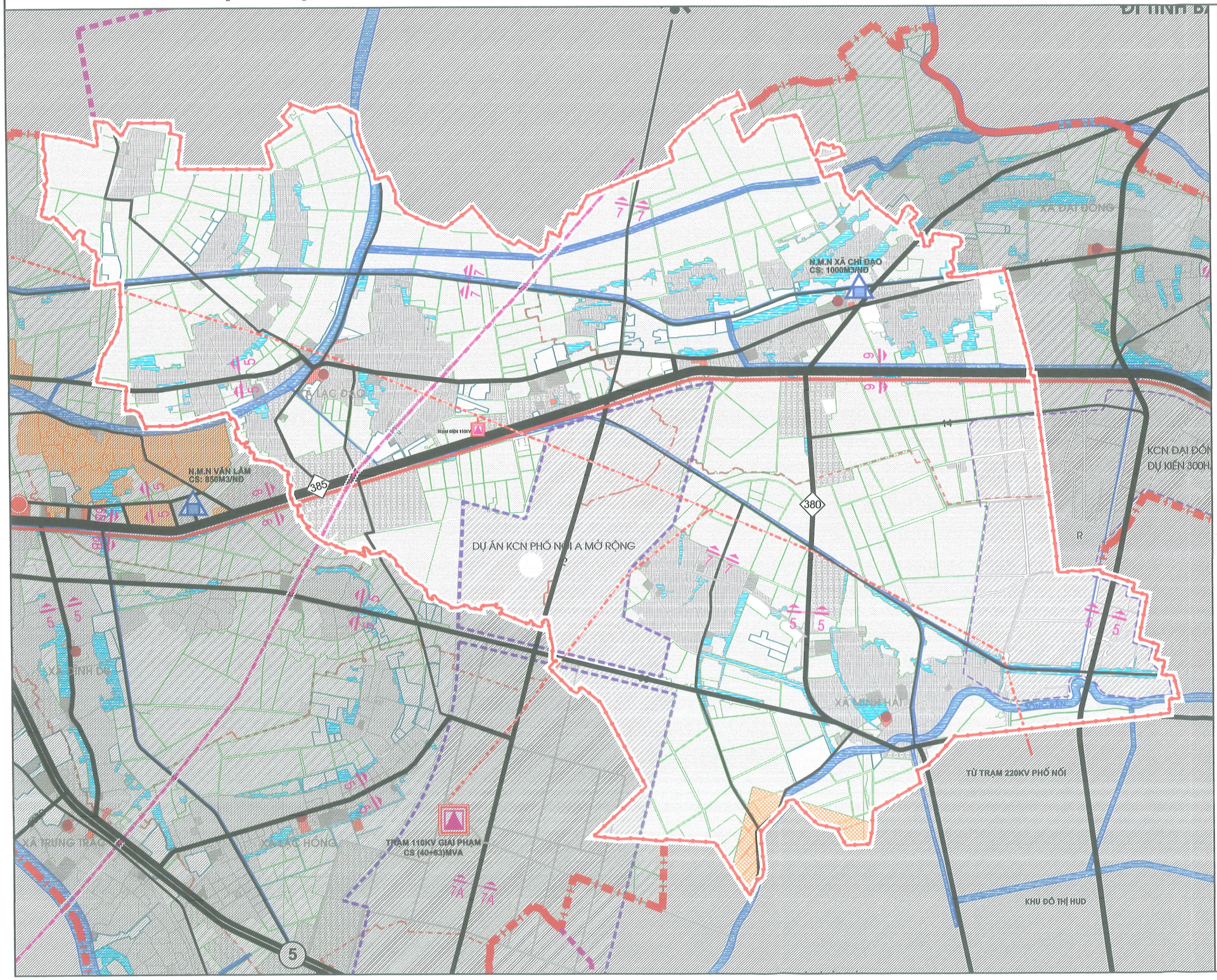
SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN ĐẾN NĂM 2030





TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ LẠC ĐẠO, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT GIAI ĐOẠN NGẮN HẠN



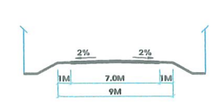
KÝ HIỆU:

- ĐƯỜNG QUỐC LỘ
- ĐƯỜNG TỈNH LỘ
- ĐƯỜNG HUYỆN LỘ
- ĐƯỜNG LIÊN XÃ
- ĐƯỜNG SẮT
- CẦU
- CỐNG
- BẾN XE
- RANH GIỚI XÃ
- RANH GIỚI HUYỆN
- ĐƯỜNG DÂY 110 KV HIỆN TRẠNG
- ĐƯỜNG DÂY 500 KV HIỆN TRẠNG
- TRẠM BIẾN ÁP
- TRẠM CẤP NƯỚC SẠCH
- TRẠM BƠM
- UBND HUYỆN
- UBND THỊ TRẤN
- UBND XÃ
- KHU CÔNG NGHIỆP HIỆN CÓ
- KHU CÔNG NGHIỆP DỰ KIẾN

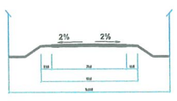
CHÚ THÍCH:

- ĐẤT Ở ĐÔ THỊ
- ĐẤT ĐÃ CÓ KẾ HOẠCH XÂY DỰNG
- ĐẤT TRỒNG LÚA
- ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC
- ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
- MẶT NƯỚC SÔNG, KÊNH
- ĐẤT NGHĨA TRANG

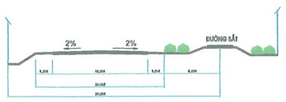
MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH:



MẶT CẮT 5-5
TỈNH LỘ 380 , HUYỆN LỘ 108 - CẤP IV



MẶT CẮT 7-7
HUYỆN LỘ 15, 13, 387- CẤP IV



MẶT CẮT 6-6
ĐƯỜNG TỈNH 386 - CẤP III

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI